

Số 107

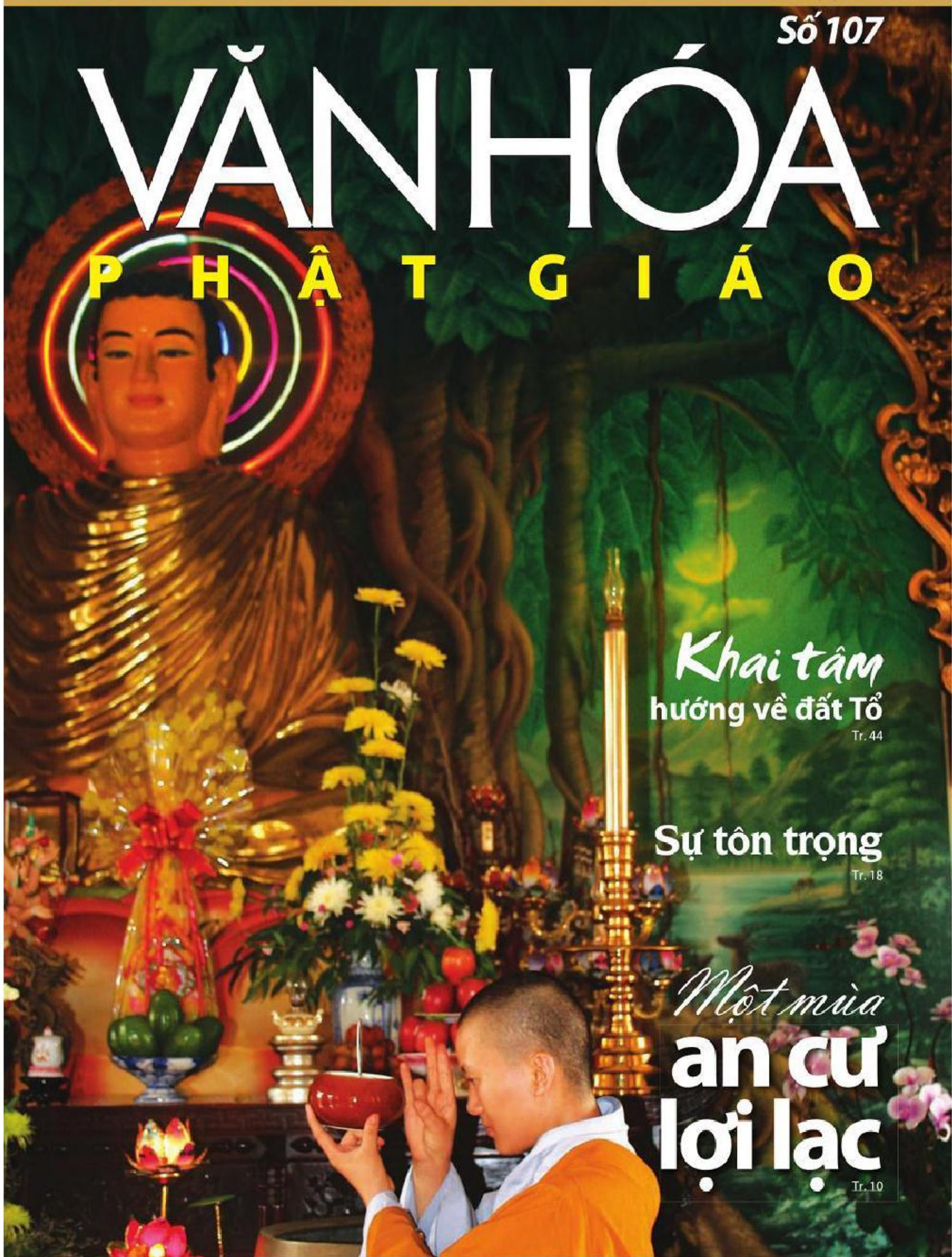
VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Khai tâm
hương về đất Tổ
Tr. 44

Sự tôn trọng
Tr. 18

Một mùa
an cư
lợi lạc
Tr. 10





TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

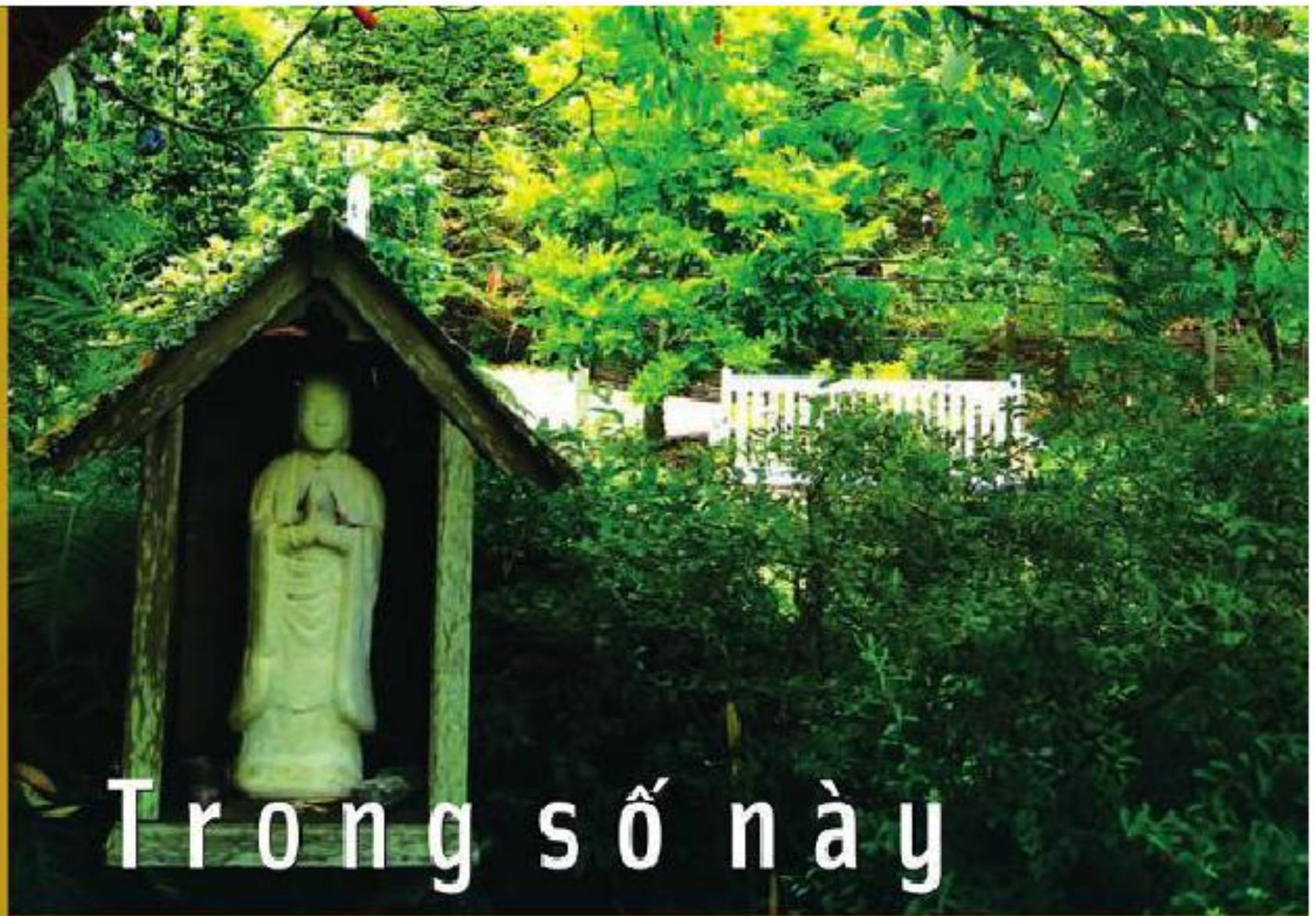
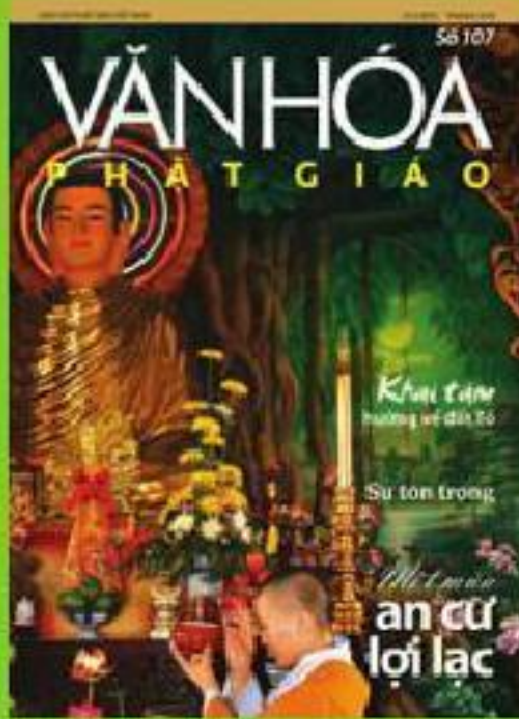
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Món nợ dân sinh (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	5
Thắp sáng sen hương Phật đàn 2010 (Thái Kim Lan)	6
Một mùa an cư lợi lạc (Hồng Tuệ)	10
Kinh Tất cả đều bốc cháy (Hoang Phong)	12
Niệm Phật là sống trong tiếng gọi của Đấng Giác Ngộ (Nguyễn Xuân Chiến)	14
Sự tôn trọng (Nguyễn Thế Đăng)	18
Lợi ích của nội tâm tĩnh lặng (Viên Minh)	20
Chùa Tĩnh Hội (Lê Trâm)	23
Đi tìm hơi ấm trên tử thi (Thiền Phát)	25
Băng-cốc mùa Phật đàn-áo vàng, áo đỏ và sinh nhật Đức Phật (Trần Đăng Khoa)	27
Nét đạo trong chuyện đời (Lương Danh Sơn)	29
Câu chuyện tô mì (Thanh Tiến)	31
Bụi bên ngoài tọa cụ (Gary Thorp, Thị Giới dịch)	35
Saigyô Hôshi (1118-1190), thi sĩ tài hoa yêu phiêu du của Nhật Bản (Vĩnh Sính)	38
Người thành công và người giá trị (Nguyễn Hồng)	41
Khai tâm hương về đất tổ (Nhụy Nguyên)	44
Tụng kinh trên nghĩa trang Đồng Nhì (Quách Giao)	47
Đổi thay (Thích Quảng Thiện)	49
Ngày về (Phạm Thanh Chương)	50
15 ngày	51
Thơ	52
Giấc mơ có thật (truyện ngắn của Lam Khê)	54
Người thả chim thả lặng (Lê Huỳnh Lâm)	57
Mười năm qua bắc Cẩn Thơ (Thảo Vy)	59
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Canh bí đao (Hoàng Anh – Phú Xuân)	62

Bìa 1: Vào hạ. Ảnh: K.N

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Nay đang là mùa An cư-Kiết hạ của chư Tăng Ni, hàng Phật tử chúng ta được nhắc nhở về việc tinh cần tu học, phát huy từ bi trí tuệ, đóng góp vào việc xây dựng một xã hội an lành, hạnh phúc.

Đáp ứng tinh thần ấy, nội dung Văn Hóa Phật Giáo số 107 thể hiện nhận thức của người con Phật trong mùa an cư, chẳng hạn việc đọc lại bản kinh nói về việc Đức Phật giáo giới Trưởng lão Phú-lâu-na để sau đó vị tôn giả này đã có Một Mùa An Cư đầy Lợi Lạc; việc tiếp tục tìm hiểu về những Lợi Ích Của một Nội Tâm Tĩnh Lặng để thấy rằng Niệm Phật Là Sống Trong Tiếng Gọi Của Đấng Giác Ngộ. Cũng trong số báo này, như một nén tâm hương tưởng niệm sự hy sinh cao cả của Bồ-tát Quảng Đức, chúng tôi xin giới thiệu một bản dịch mới của Kinh Tất Cả Đều Bốc Cháy. Trong bối cảnh xã hội đang bản khoăn trước những điều xấu ác cứ diễn ra một cách thản nhiên, việc khôi phục Sự Tôn Trọng của mọi người đối với tha nhân và môi trường có thể là một trong những giải pháp hữu hiệu, do đó, VHPG số 107 cũng trình bày như một gợi ý để những vị có trách nhiệm hoạch định chính sách lưu tâm trong việc trả Món Nợ Dân Sinh...

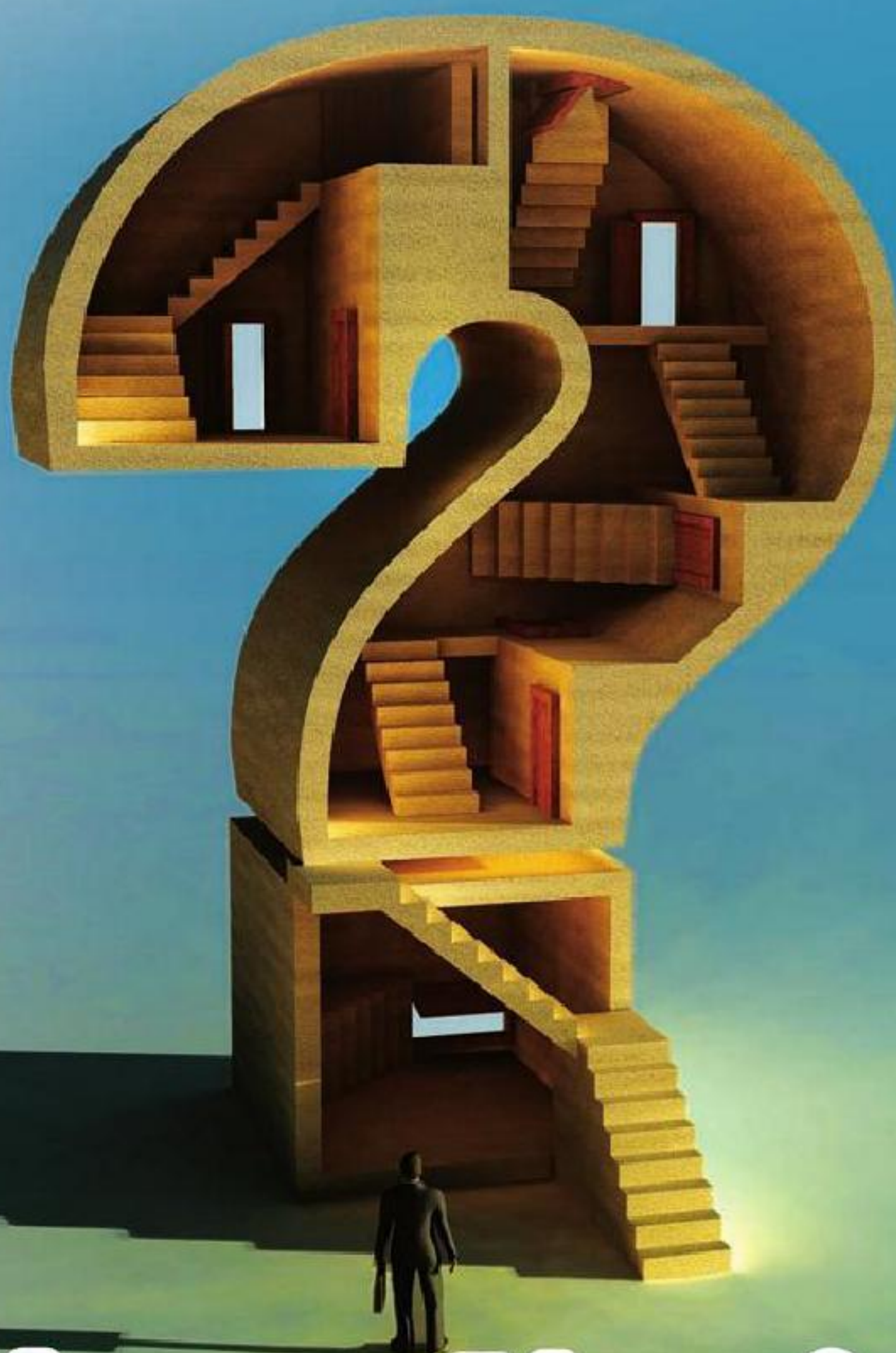
Nhân đây chúng tôi cũng xin cảm ơn quý độc giả đã có nhiều chia sẻ với VHPG sau khi đọc Thư Tòa Soạn số 106. Ngoài những lời động viên, những sự góp ý thẳng thắn, đã có một vị độc giả đến tận Tòa soạn hỗ trợ cho chúng tôi số tiền 2.000.000 đồng; một vị độc giả khác tự nhận thuộc giới lao động đến mua thêm ba tờ báo số 106 nữa để tặng thân hữu nhưng lại trả cho bộ phận phát hành 100.000 đồng và xin gởi lại khoản tiền còn dư cho tòa soạn. Qua trao đổi với tòa soạn, các vị độc giả ấy ngạc nhiên khi nghe chúng tôi khẳng định rằng VHPG chưa bao giờ nhận được sự tài trợ nào từ Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hay các nhà doanh nghiệp lớn. Mong sao những trợ giúp chân tình như trên sẽ được nhân rộng, được tăng cường để VHPG giải quyết được những khó khăn hiện tại.

Ngưỡng cầu Tam bảo phù hộ cho Phật giáo Việt Nam luôn xươg thịnh, Văn hóa Phật giáo được gìn giữ và tỏa sáng, và tạp chí Văn Hóa Phật Giáo ngày một vững vàng để phục vụ lâu dài đạo pháp và dân tộc.

Chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Món nợ dân sinh

NGUYỄN CÁN

Cứ mỗi kỳ họp Quốc hội, chúng ta lại được nghe rất nhiều báo cáo, rất nhiều con số được đưa ra, rất nhiều ý kiến được nêu lên nhằm đánh giá chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội trong năm qua. Nhưng có một vấn đề chúng ta cứ nêu lên triền miên mà gần như vẫn chưa có một đáp số thỏa đáng: vấn đề phẩm chất cuộc sống.

Cuộc sống chúng ta vẫn đi lên?

Theo thói quen, người ta vẫn hay đưa ra số liệu GDP đầu người để chứng minh cho sự phát triển về kinh tế, cụ thể, GDP đầu người năm 2009 là 1.064USD, nghĩa là chúng ta không còn thuộc nhóm thu nhập thấp nữa,

mà vào nhóm nước có thu nhập trung bình (thấp). Nhưng có đại biểu Quốc hội đã thẳng thắn phát biểu: *"Cuộc sống chúng ta có đi lên nhưng thật ra không tăng về chất lượng..."* (ĐB Nguyễn Đăng Trường).

Vì sao phẩm chất cuộc sống không tăng?

Có gì mâu thuẫn chẳng trong nhận định trên? Lãnh vực nào đi lên và phẩm chất nào không tăng? Đánh giá cho rốt ráo, phải chăng đó chính là câu hỏi dân sinh?

Nhìn rộng ra thế giới, chúng ta cũng tự an ủi rằng chắc gì phẩm chất cuộc sống ở những nơi khác đã là tốt đẹp khi ở những nơi ấy vẫn còn đó những nỗi bất an, những đe dọa chiến tranh, khủng bố?

"Ngày nay nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhiều người trên thế giới có cuộc sống vật chất được cải thiện, hưởng nhiều tiện nghi và cơ hội mà cha ông họ thậm chí chưa từng biết đến. Nhưng nếu hỏi sự phát triển vật chất này có thật sự loại bỏ được đau khổ của nhân loại hay không thì câu trả lời là không!... Người ta vẫn cảm thấy cô đơn, thất vọng và tâm hồn bất an" (Đạt-lai Lạt-ma - What can religion contribute to mankind?).

Nhưng nhìn lại đất nước mình, ngoài những vấn đề chung của nhân loại thì ở ta vẫn có những câu hỏi "rất riêng" cần được thấy cho rõ.

Quan hệ con người và môi trường xã hội

Liệu chúng ta có yên tâm không khi tình hình đời sống ngày một khó khăn; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng đến chóng mặt theo giá xăng, giá điện; đồng lương công nhân không đủ để tái tạo sức sản xuất... mà còn bị o ép làm tăng ca, được trả lương chậm... dẫn đến tình trạng đình công, lãn công, thiếu công nhân khắp nơi. Một số mặt hàng thiết yếu như thuốc tây, vật liệu xây dựng... không có sự kiểm soát hữu hiệu nên vô tình (hay cố ý) làm giàu cho một thiểu số đầu cơ trục lợi. Tình trạng an toàn thực phẩm đáng báo động; hàng gian hàng giả tràn lan đến độ mặt hàng nào cũng có của giả chẳng làm sao phân biệt được gây ảnh hưởng rất lớn đến đại đa số dân chúng, nghiêm trọng đến mức có những thứ hàng giả gây chết người, làm thất thu mùa màng...

Liệu chúng ta có yên tâm không khi môi trường bị xâm hại nghiêm trọng: nạn phá rừng bừa bãi, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép phá hoại cảnh quan, việc xây dựng thủy điện tràn lan gây ngập lụt và hạn hán... Trong tám chỉ tiêu Quốc hội giao thì có tới bốn chỉ tiêu môi trường không đạt, làm sao có thể phát triển bền vững (?).

Có đại biểu nhận định về các chỉ tiêu xã hội môi trường "do khi đưa ra đường như có yếu tố bệnh thành tích, đưa ra cho vui, không thực hiện được cũng... chẳng sao" (ĐB Trần Thị Quốc Khánh). Những vụ việc xâm hại môi trường nghiêm trọng như Vedan, Tung Kuang... xử không đến nơi đến chốn, lửng lơ lơ lơ, không có tác dụng răn đe.

Quan hệ con người và cơ quan chính quyền mang tính chất... dịch vụ, xin - cho chứ không dựa trên tinh thần công bộc, phục vụ, nên hành là... chính, khiến dân chúng e ngại mỗi khi phải tiếp xúc với cơ quan công quyền, nhất là các lãnh vực hải quan, thuế vụ...

"Lòng dân chính là một phần an sinh xã hội. Để án của chính phủ thực hiện, doanh nghiệp, dân vẫn kêu" (ĐB Trần Hoàng Thám).

Còn nói đến quan hệ con người với con người, chúng ta phải ghi nhận tình trạng xuống cấp, băng hoại tinh thần lý tưởng, bao nhiêu bài báo, tin tức về bạo lực học đường, bạo hành gia đình, giết người lạnh lùng tàn nhẫn...

Tiếng dân phải là tiếng lòng

Lòng dân không chỉ là một phần an sinh mà là nền tảng của an sinh. Với 1.157 ý kiến cử tri gửi lên Quốc hội, chất chứa bao tâm tư, nguyện vọng, mong mỏi, những mong mỏi mà ngày xưa người ta hay đọc lên trong những lời hiệu triệu khi dẫn thân làm cách mạng. Nhớ tâm nguyện lãnh tụ năm nào... **"đồng bào tôi ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành..."** (Hồ Chí Minh). Thế nên, nếu hôm nay trẻ thơ còn bỏ học, còn phải đu dây qua sông dữ đến trường thì chúng ta phải xem là chưa hoàn thành tâm nguyện ấy...

Trong những năm chiến tranh, Lưu Quang Vũ nhìn những em bé đã ngậm ngùi:

*Những tuổi thơ không có tuổi thơ
Những đôi mắt tráo trơ mà tội nghiệp
Chúng ăn cắp, đánh nhau, chửi tục,
Lang thang hệ đường tàu điện quán bia
Những bông hoa chưa nở đã tàn đi
Những cành cây chưa xanh đã cỗi*

....

*Sao mọi người có thể dừng dung
Nhìn em đi trên đường tối
Mọi người đều có tội*

Trước tuổi thơ đã chết của em.

(Lưu Quang Vũ, *Những tuổi thơ*, 1971)

thì có lý gì đến 35 năm sau khi chấm dứt chiến tranh, vẫn còn những Hào Anh bị đầy đọa, vẫn còn những thân phận trẻ thơ bị chôn vùi bởi bọn buôn người (?), vẫn còn những tuổi thơ... đang chết.

Tiếng dân gọi những người lãnh đạo, những người quản lý đất nước hôm nay phải đặt tình yêu vào trong "Nghị quyết" của trái tim mình, phải đặt chữ TÂM vào mọi hành động, kế hoạch của mình. Quy hoạch thành phố ra sao, xây dựng kinh tế thế nào cũng phải lưu tâm hai chữ An Dân "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân" (Nguyễn Trãi - *Bình Ngô đại cáo*). Hãy đặt tham vọng quyền lực phía sau tâm nguyện an dân. Phải nhớ rằng: "Ở đâu còn có tham vọng, dù là trong thế giới vật chất hay tâm lý - tham vọng ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ, đại thành công, đẩy quyền lực - dù là trong lãnh vực tôn giáo hay vật chất, ở đó có tình yêu không? Hiển nhiên là không" (Krishnamurti - *Network of thoughts and Meditation*).

Người xưa từng dạy, "Dân ý chính là thiên ý". Không có gì ý nghĩa hơn nếu như cuộc cách mạng đi đúng lý tưởng ban đầu của nó. Vì thế Lưu Quang Vũ mới hy vọng:

*Cần tin vào một sớm mai
Con người mang gương mặt mới
... Mai đây bão táp lùi xa
Những lớp người sau bình tâm nhìn lại
Gọi chúng tôi là những người vĩ đại
Hay chỉ là những thế hệ đáng thương? (Lưu Quang Vũ, *Hoa cấm chướng trong mưa*)*

Chúng ta mong được nhìn khuôn mặt mới hôm nay mà không phải chờ đến ngày mai... nhìn lại... ■

Này các Tỳ-kheo, ta không thấy một pháp nào khác đưa đến lợi ích lớn như tâm được điều phục, được hộ trì, được phòng hộ, được bảo vệ.

*Phẩm Đoạn triển cái
– Kinh Tăng Chi Bộ*



Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh

Thắp sáng SEN HƯƠNG

Phật đàn 2010

THÁI KIM LAN

Nắng vỡ vụn trên đường như bung lửa. Huế đang nóng như thiêu. Làm chi rồi cũng không thoát nóng, chiếc quạt tím phe phẩy như một thứ góp gió tùy duyên, chưa kịp khô giọt mồ hôi đang lăn trên má đã có trăm nghìn giọt khác lẫn tấm trào ra chực chảy dài. Người cứ dầm ướt như đang mắc mưa, một thứ mưa khô nóng mà chỉ Huế có vào tháng Năm.

Chưa có ngày nào nắng đến thế, ngày 8 tháng 4 âm lịch năm nay. Ve đã đàn ca tung bùng từ khi giọt nắng đầu tiên rơi trên chùm hoa khế, ấy thế mà phượng năm nay chưa rộ hoa, vô cảm ngậm nắng trong lòng, đặng nhét màu xanh trong mê ngủ.

Tháng năm Tây là mùa của phượng Huế, - năm nay e phượng mất mùa, - lòng như còn đợi chờ, hy vọng mùa

phượng chưa qua, một nỗi mong ngóng như đã từ lâu, từ thuở học trò... Vẫn còn nao dạ bóng phượng hàng năm... vẫn nung nấu những trang giấy nhòe mực tím dấu cánh phượng đỏ trong cuốn lưu niệm học trò một thuở.

Con đường Trần Hưng Đạo bỗng như nghèo đi một nửa khi thiếu màu đỏ say đắm vẫn vũ trên cao vào những ngày cực dương của mặt trời xích đạo. Buổi chiều không một chút gió, cổ họng rát bỏng mơ một giọt nước mưa tinh cò rơi vào. Xe chưa ngớt vun vút trên đường khi chúng tôi băng qua để đến Phú Văn Lâu.

Tôi đi đến buổi lễ với chút hờ hững trong lòng. Ngoài nỗi mong ngóng mơ hồ mùa hoa học trò chưa đến, mà thời gian qua đi qua đi, còn lưa không chút đợi chờ điều chi mầu nhiệm có thể xảy ra trong một ngày nóng bức thế này. Đàng kia loáng thoáng áo vàng, áo lam, áo

nâu trên bức lầu Nghinh Lương Đình, nghe như có một thời xênh xang xe mã bên bờ sông Hương.

Buổi lễ hình như đã bắt đầu, lời giới thiệu quý vị trong chính quyền, trong giáo hội đang vọng đến sân đá nơi tôi đang bước. (Buổi lễ hôm nay sẽ trực tuyến cho cả nước xem). Tôi đến muộn rồi, e không còn chỗ... Tôi nhủ thầm vừa như tự trách mình, vừa nhẹ nhõm vì thoát được những phút nghỉ lễ khuôn sáo.

Khung trời Phú Văn Lâu, trước cửa Ngọ Môn, có một thứ ánh sáng lạ, bằng lòng nổi hoài mong sóng nước cổ kim.

Lại khuôn sáo, nếu tôi nói tiếng vang của chiếc giày tôi mang đang phá vỡ nhịp hò "Chiều chiều trước bến Văn Lâu, ai ngồi ai câu..." thuở nào đang ngân bên tai trái còn nghiêng dĩ vãng.

Bóng chiều chạy dài trên sân đá...

Tôi lên vào giữa đám quan khách đang ngồi dự lễ. Buổi lễ thấp sáng bảy đóa sen cúng dường Phật đàn như biểu tượng bảy bước chân của Đức Phật lần đầu tiên chạm cội trần, đã khai mạc. Loay hoay tìm một chỗ ngồi khuất có thể nhìn rõ cảnh tượng trên sông... lại được anh S. nhường cho cái ghế, thật may... Tôi có dịp tự do âm thầm nhìn, ngắm.

Chuyện làm những đài sen này đã cũ, trước đây hai năm, do thấy Tâm An chùa Hải Đức phát tâm cùng với các Tăng Ni và Phật tử tạo dựng thật công phu. Ý tưởng nên thơ, hơi có vẻ ngây thơ (thoạt tiên tôi nghĩ), hóa ra công việc kết cấu lại không đơn giản. Mỗi đóa sen lớn gần bằng một gian phòng cá nhân, với cánh hoa bằng vải màu hồng đều do các Ni và nữ Phật tử cặm cụi ngày đêm khâu may. Đặt nó trên đất đã khó mà đặt nó trên nước là cả một công trình. Tôi dốt kỹ thuật, nhưng nghe nói đã là một công trình dày cộm công phu nghệ thuật và kỹ thuật. Thấy Tâm An và kiến trúc sư Mạnh Tường đã phải trải qua nhiều vất vả thử thách.

Lần đầu vào mùa Phật đàn 2008, như từ trên trời xuống, những đóa sen khổng lồ, màu hồng nhạt xuất hiện trên sông Hương đã làm kinh ngạc khách qua cầu khi nhìn dòng sông. Tưởng ngạc nhiên một lần rồi thôi, ai ngờ mỗi lần bắt gặp cái đóa sen bóng bệ trên sông là cứ mỗi lần giật mình. Cái giật mình lạ lắm, không phải vì bị ai la hét vào tai, cái giật mình đến từ sự trầm lặng của những cánh sen hồng an nhiên đang mặc định trên dòng chảy, đến từ sự yên lặng được tô đậm hơn một lần nơi dòng sông so với cảnh náo nhiệt bức tử của xe cộ hỗn loạn trên cầu.

Giật mình rồi vui, nhẹ nhõm ưu phiền. Nếu những bông sen ở trên đất liền, có lẽ nó sẽ không cho ta cái cảm giác im lặng, thanh tịnh "sống" động như ở trên nước. Ở trên nước, những đài sen ấy nói nhiều hơn bất cứ một bài diễn văn, xin lỗi tôi viết nhầm, những đóa sen không nói, chúng gây chấn động... yên lặng như nụ cười mỉm của Đức Phật sau 45 năm thuyết giảng.

Trên dòng bèo giạt mây trôi ấy, bảy đóa sen tượng trưng bảy niềm "thanh tịnh" mà Đức Phật gieo xuống

thế gian: bước thứ nhất, Giới thanh tịnh, bước thứ hai, Tâm thanh tịnh, bước thứ ba, Kiến thanh tịnh, bước thứ tư, Đoạn nghi thanh tịnh, bước thứ năm, Đạo phi đạo thanh tịnh, bước thứ sáu, Đạo tri kiến thanh tịnh, bước thứ bảy, Tri kiến thanh tịnh.

Nơi mỗi bước đi, mà thanh tịnh mọc mầm, trỗi lên, khó có thể hình dung bằng mắt trần, nếu không có sông Hương chảy qua Huế, nếu không có con mắt "Tâm An" nhìn thay người trần như tôi, tìm ra biểu tượng... con đường bước sen là dòng sông...

Phật đàn năm nay, nhân kỷ niệm nghìn năm Thăng Long, bảy đóa sen lại được tái tạo để mừng Đức Bổn Sư và cúng dường đại lễ 1.000 năm Thăng Long. Một ý nghĩ cũng lạ, ngồi ở Huế, không gửi bằng... bưu điện món quà, mà lại gửi... bằng cách... không đi, bằng cách cho "bảy bước hoa sen" không bước mà "nổi" trên sông Hương, đòi sông Hương vói tới con rồng đang bay trên sông Hồng? Bằng gì? Bằng cánh hoa hay hương của Hương giang, của sen Hồ Tịnh? Có vọng động không? Có ảo tưởng không? Ảo vọng cuộc đời đang mắc cửi chằng chịt trên thế gian này. Một niệm khởi lên một ngàn thứ vọng. Nhưng vọng bảy đóa sen này chỉ thoảng lên khoảnh khắc như một thứ hương mà không hương, hương của nước, nước của Hương giang cái thời còn là ý niệm nguyên sơ của sông nước... như tấm lòng vô thủy ấy... Vọng ấy làm hiển hiện vẻ đẹp của "thanh" của "tịnh" như thật như không, như một thoáng mơ xa gọi chân tình gần lại... Không cần phải đến Thăng Long, không cần phải bon chen so đo tính toán thiệt hơn, thì Thăng Long hay Huế chẳng khác. Nếu vọng ấy là nỗi khát khao tìm chân trong mỹ... Vọng ấy, Tịnh ấy rốt cùng tuy hai mà một.

Hòa tấu của ban thính phòng quốc gia âm nhạc đã xướng lên, giọng ca lãnh lót của cô nữ ca sĩ phá cách tiếng niệm "Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật" theo nhịp điệu bài ca *Sen trắng, Đêm Khánh đàn* vút lên như phá vỡ bóng chiều đang giăng mau, kêu gọi ánh sáng. Âm thanh của đàn violon réo rắt. Ban tốp ca Nhạc viện Huế sang trọng và mỹ miều đứng trên những tầng cấp bến Văn Lâu, cùng với tốp ca áo lam của các em trong Gia đình Phật tử. Tiếng hát vang rền. Tôi hơi ngỡ ngàng vì âm thanh chấn động, tôi trầm nghĩ hay ước ao giá được nghe đoàn 200 Tăng Ni, mặc áo nâu và áo lam, ngồi xếp bằng trên bờ cỏ tụng kinh *Đại Từ Bi* và *Bát Nhã Ba La Mật*, thật trầm thật sâu. Có lẽ âm hưởng trên sông sẽ bát ngát huyền vi... đến vô cùng... Và giá như không có cái "đại" lơ đãng bóng loáng đứng hoành tráng nơi bàn thờ trên sông!

Nhưng tôi chỉ ngỡ một giây. Trên sông, hai chiếc thuyền rồng đơn sơ (may mà không lòe loẹt!) đứng chầu hai bên Phú Văn Lâu bắt đầu chuyển nhẹ. Mờ xa trong màn đêm vừa buông, bóng bảy đóa sen đang âm thầm "nổi" trên khúc sông giữa hai cầu Phú Xuân và Bạch Hổ.



Sóng cũng thôi dập dềnh. Đóa sen im lặng. Nước im lặng, sao trên trời chưa mọc... phẳng phắc như tờ...

Mọi người như nín thở, đợi chờ. Vòm trời trông như một mảnh lưới đen, như thể mảnh trăng bán nguyệt vừa rơi rụng, chìm trong nước, thả bóng tối mệnh mông. Nước xao xuyến không lời...

Nỗi hồi hộp đợi chờ ánh sáng trở lên từ đóa sen thứ nhất làm cho tai tôi không còn nghe tiếng hát đang bay xa, thị giác mờ đi trong thoáng giây. Người và vật hai bên tôi như nhòa đi, chỉ còn vòm đen phía trước mở ra khỏi nước đen lấp lánh, như được lấy tiêu điểm từ một ống viễn kính. Và nếu không có chuỗi tràng hạt bồ đề của vị sư ngồi đằng trước chậm rãi xoay từng hạt tình cờ rơi vào ống kính thị giác của tôi, kìm lại sự hồi hộp đang muốn vỡ tung, thì tôi ngỡ mình đã bay lên cao...

Chính trong giây phút ấy, đóa sen thứ nhất bùng sáng. Hình như mọi người đều reo lên trong cổ họng không thoát ra lời "đẹp quá" như nỗi toại nguyện ước mơ tìm được ngọc. Hàng nghìn con mắt đổ dồn về hướng sông. Bóng đêm lay động trên nước tạo nên vẻ huyền hoặc bí ẩn cho sự bùng sáng của từng đóa sen. Tôi bỗng đứng thấy mình trẻ lại, nhớ một thời nào đi xem trò ảo thuật và nỗi đợi chờ trẻ thơ tưởng như không dứt, một đóa sen, rồi một đóa sen...

*"Sen hồng một độ
Em ngồi một thuở"*

*xuân xanh...
Có vui cùng sầu...***

Trái tim đang đưa vừa thở vừa đếm theo bước chân sáo nhảy. Đây đi canh một... này sang canh hai, đi chợ về chợ**, đi canh một về canh một, cho đến canh năm... Đợi hết năm canh, cho đến sen hồng một nụ chúm tay trên chân. Nhảy qua một sen búp, nhảy về một sen nở. Thở gấp trong tiếng cười, đi qua đi về...

*Sen hồng một nụ... Em ngồi bốn bề... bát ngát hương trầm**

Chờ đợi đóa sen thứ hai... Bóng nước hòa với bóng đêm đen như mực tàu càng làm cho ánh hồng của hoa sen rực sáng. Cái sân khấu sông Hương này mầu nhiệm khôn lường. Ánh sáng từ hai đóa sen vừa bùng lên chao lượn trên sóng như chuyển tia sáng cho đóa thứ ba, thứ tư, rồi đóa thứ năm. Hàng nghìn con mắt rực sáng trước vẻ đẹp thánh thiện đang bùng dậy trước mắt, long lanh dưới bầu trời chuyển dần từ đen sang xanh thẫm lấm tấm những vì sao vừa xuất hiện. Gió lồng lộng trên sông...

Nhưng rồi... đến phiên đóa sen thứ sáu, bỗng lặng lẽ, đóa sen thứ sáu chưa chịu sáng lên. Đợi thêm một chút... rồi đợi thêm. Không ai nói một lời than vãn, chỉ chờ, kiên nhẫn mà chờ... không can chi. Rồi hoa sẽ sáng.

Trong đêm nay, có lẽ sự khác biệt với nỗi nung nấu mong mùa phượng nở trên kia chỉ ở nơi một chữ ấy: chữ nhẫn! Thông dong trong tự tính "chờ", như khi những bà mẹ nhai trầu chờ, bất cứ chờ ai, chờ gì, bao dung mà chờ, như khi chiếc quạt phe phẩy trong rạp hát bội bà Tuần, các bà các mẹ đợi màn thứ hai của vở tuồng. Thuở ấy ngồi trong lòng mẹ chờ nghe hát, tôi thờ được hương thơm của tâm nhẫn đầy từ bi ấy.

May sao sen bùng sáng. Sự chậm rãi (có thể là lỗi kỹ thuật, bao dung mà nói, một lỗi thẩm mỹ có tính "hậu hiện đại") như kéo dài đợi mong, làm tăng nỗi vui khi đóa thứ bảy được viên thành!

Mọi người còn ngồi như bị thôi miên bởi vẻ đẹp thanh cao thoát tục của những đóa sen đang điểm trần cho dòng sông mê mải.

Rồi như cùng sinh ra trong ánh sáng ấy, những chấm sáng xanh vàng đỏ lữ lượt kéo nhau trẩy hội trên sông. Thuyền ai trên nguồn đang phóng hoa đăng về phố. Những chiếc hoa đăng ngũ sắc chập chờn quanh những đóa sen, cảm giác như huyền như mộng, như có ngàn sinh linh ẩn hiện trên từng cơn sóng nhỏ.

Biết bao lần con sông quấy mình trong ánh sáng lung linh của hoa đăng đã đi qua đời những người Huế như tôi? Biết bao lần con sông quấy khúc như ruột thắt vì dớn đau, vì gian truân sóng gió, vì cuồng nộ tham si? Biết bao lần con sông ấy bỗng hiện ra điểm lệ mà từ bi êm ái một đêm Phật đàn như đêm nay? Bao nhiêu hờ hững trong lòng bỗng tiêu tan. Tôi ngồi bất động trong xúc động nhìn sông. Hình như mọi người đã đi hết mà

tôi vẫn chưa nở rời, vẫn ngồi nhìn như thế. Trong tất cả lặng im, duy chỉ ánh sáng chập chờn, tôi nhắm đọc cho mình bài kinh đã thuộc lòng.

Tất cả pháp hữu vi... như mộng huyền bào ảnh... như sương như điện chớp...

Cùng một lúc nghe mơ hồ giọng mẹ cất cao như lời than vãn trong một ngày bão tuyết lạnh lẽo ở Muenchen "Chiều chiều trước bên Văn Lâu... ai thương ai cảm ai nhớ...", mẹ không biết hát, mẹ chỉ hò, vọng từ bên kia sông. Trong vùng ánh sáng muôn màu tôi chợt nhận ra gương mặt của mẹ, của bà, của chị, của anh, của mọi chúng sinh đang về với tôi. Tôi như "tìm" thấy "trên sông... những dấu hài"...*

Mọi người đã rời xa buổi lễ từ lâu khi tôi gặp thầy Tâm An nơi bến Văn Lâu. Người thầy gầy tọp hằn trong tấm áo nâu vốn đã rộng nay càng rộng thêm, giọng thầy khàn đặc, mặc dù suốt cả Tuần Văn hóa Phật giáo, thầy chưa nói một lời tham luận nào. Chỉ duy hai con mắt sáng lấp lánh và nụ cười rộng còn tươi. Hoa sen và lồng đèn trái úc cắm sáng long lanh như muôn ngàn vì sao rơi xuống đậu trên bờ cỏ bao quanh vị tu sĩ nhỏ bé ấy, như trong một câu chuyện thần tiên khác. Đam mê của chú tiểu Ho Chi với cây đàn tì bà giải oan trong phim Nhật Bản *Kwai Dam* và của ông thầy thấp sáng hoa sen trên sông Hương mừng tượng nhau vài điểm. Mê sáng tác còn hơn ngồi thảo luận, thầy đã bỏ tuần văn hóa để lẫn lộn với những hoa sen. Có chút băn khoăn e rằng tác phẩm chưa tròn của một nghệ nhân đòi toàn bích tuyệt đối còn đọng nơi khóe mắt. Tôi xin thấy một vài đóa sen tươi còn sót lại trên thêm. Thấy vừa trao sen cho tôi vừa bảo, sen tươi thầy phải lặn lội đem từ Quảng Trị, (nào ai biết mỗi thứ là mỗi khó công!), chớ năm nay Huế cũng mất mùa sen...

* *Trịnh Công Sơn, *Đóa hoa vô thường*.

** Trò chơi đi chợ về chợ là trò chơi tập thể, người chơi chia làm hai nhóm, một nhóm ngồi làm chợ, một nhóm đi chợ, một nhóm có ít nhất từ hai người trở lên. Nhóm làm chợ ngồi hai bên, để lối ra vào ở giữa. Nhóm kia đi qua nói, *đi canh một*, rồi trở lại nói *về canh một*. Lần thứ hai, nhóm ngồi đưa một chân gác ngang cổng, nhóm đi chợ phải nhảy qua, vừa nói, *đi canh hai*, rồi nhảy về, nhóm ngồi lại chống một bàn chân lên chân canh hai, nhóm đi qua bảo *đi canh ba*... Cứ như thế. Nhóm ngồi lần lượt chống bốn bàn chân dựng thẳng lên nhau, nhóm kia phải nhảy qua, nếu ai đụng phải là thua, thay phiên phải ngồi. Hết năm canh, nhóm ngồi bụm một tay làm búp sen đặt trên chân canh năm, nhóm kia phải nhảy qua nói *đi sen búp*, rồi nhảy về nói *về sen búp*. Tiếp theo nhóm ngồi xòe tay làm búp sen nở, nhóm kia phải nhảy qua nói *đi búp sen nở*, nhảy về nói *về sen nở*... Một trò chơi thể thao tập nhảy cao, sức khỏe, hồn nhiên, bao hàm cả nhân sinh quan về thời gian của đời người, với hình tượng đóa sen đầy chất thơ. ■

Một mùa an cư lợi lạc

HỒNG TUỆ

Người xuất gia có truyền thống thực hành ba tháng an cư mùa mưa, tuân thủ thể thức cư trú và sinh hoạt tại một trú xứ, hạn chế việc đi lại ở bên ngoài, dành trọn thời gian cho việc thực hành con đường Giới-Định-Tuệ. Đây là thời gian thuận tiện nhất cho người xuất gia nhằm thăng tiến đạo nghiệp qua việc nuôi dưỡng giới đức, trưởng dưỡng tâm đức và phát triển tuệ đức. Đây cũng là thời gian thích hợp nhất cho quần chúng Phật tử các địa phương thể hiện tấm lòng mến mộ Phật pháp thông qua việc phát tâm cúng dường hộ trì cho chư Tăng an cư và nỗ lực học hỏi trau dồi Phật pháp dưới sự chỉ dẫn và sách tấn trực tiếp của chư Tăng. Thật khó có thời điểm nào mà việc học Phật và tu Phật lại thuận tiện và tốt đẹp hơn cho cả người xuất gia lẫn người Phật tử tại gia như thời gian ba tháng an cư của chư Tăng. Chư Tăng thì vận dụng thể chế an cư để trưởng dưỡng đạo nghiệp và hướng thiện cho quần chúng, trong khi các Phật tử thì tranh thủ thời gian ba tháng này để vun bồi công đức và học hỏi Phật pháp. Chính vì thế, truyền thống an cư luôn luôn được mọi người con Phật tuân giữ và xem đây là cơ duyên tốt lành cho việc thực tập hạnh nguyện tự lợi và lợi tha mà chính chư Phật đã trải nghiệm và thiết lập.

Nhân mùa an cư của chư Tăng Ni, chúng ta nhằm ôn lại bài kinh *Giáo giới Phú Lâu Na*, Trung Bộ, nói về hạnh nguyện cao quý của một Tỷ-kheo đệ tử Đức Phật có tên là Punna phát nguyện đến tận xứ sở Sunaparanta (Du-lân-na) xa xôi để truyền bá Phật pháp, làm lợi ích cho nhiều người. Ngoài hạnh nguyện cao cả của một Thánh giả Phật giáo không ngại gian khó trong sứ mạng truyền bá chánh pháp, rất đáng cho mọi người con Phật học tập, bài kinh còn nói cho chúng ta biết một thông tin đặc biệt liên quan đến truyền thống an cư của chư Tăng Ni. Đó là sự kiện Tỷ-kheo Punna đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa hết sức thành công ở xứ sở hẻo lánh Sunaparanta. Trong

mùa an cư năm ấy, Ngài đã tinh cần tinh tấn tu tập và chứng ngộ Tam minh, đắc quả A-la-hán, đồng thời nhiếp độ khoảng 1.000 nam nữ cư sĩ trở thành Phật tử. Như vậy, Tỷ-kheo Punna đã thực hiện một mùa an cư hết sức lợi lạc, lợi cho mình và lợi cho người. Sau đây chúng ta nhắm đọc và chiêm nghiệm lại toàn văn bài kinh:

“Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Punna (Phú-lâu-na), vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể, sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Punna, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Punna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ sanh; và này Punna, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ. Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Punna, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ là sự tập khởi của khổ.

Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo

không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Nay Punna, Ta nói rằng từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ. Nay Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Nay Punna, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Nay Punna, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt, có một quốc độ tên là Sunaparanta, con sẽ sống tại đây.

– Nay Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Nay Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Nay Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: “Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta”. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: “Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta”. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy các cục đất ném đánh Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: “Thật là hiền thiện, Vì rằng họ không lấy gậy ném đánh ta”. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna... lấy gậy đánh đập Ông... Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập con... “... Vì rằng họ không lấy đao đánh đập ta” ... Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, ... lấy đao đánh đập Ông... Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao đánh đập con... “... Vì rằng họ không lấy đao sắc bén đoạt hại mạng ta”... Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta



lấy đao sắc bén đoạt hại mạng Ông... Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: “Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy”. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Punna! Nay Punna, Ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi Ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Nay Punna, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Punna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunaparanta. Tiếp tục du hành, Tôn giả Punna đi đến nước Sunaparanta. Tại đây, Tôn giả Punna sống trong nước Sunaparanta. Rồi Tôn giả Punna nội trú trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chúng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Punna mệnh chung.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện nam tử Punna ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy là thế nào?

– Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna đã nhập Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. ■

TƯỜNG NIỆM
BỔ TÁT QUẢNG ĐỨC

Kinh

Tất cả đều bốc cháy

(ADITTAPARIYAYA-SUTTA)

HOANG
PHONG

Dưới đây là một bản kinh ngắn trích từ *Tương Ưng Bộ kinh* trong *Luật tạng* mang tên là *Adittapariyaya-sutta* (*Samyutta-nikkaya* IV, 19-20; cf. *Vinaya-pitaka*, 1, 36-37). Tiếng Phạn *Aditta-pariyaya* có nghĩa là *Tất cả đều bị thiêu đốt hay bốc cháy*. Trong bản kinh này, Đức Phật thuyết giảng về bản chất vô thường và vô thực thể của năm thứ cấu hợp gọi là ngũ uẩn tạo ra một cá thể con người. Năm thứ cấu hợp ấy thường xuyên bốc cháy và không còn lại gì cả, nhưng sự bốc bốc cháy ấy cũng tượng trưng cho nguyên nhân sâu xa nhất của mọi khổ đau mà mỗi con người phải gánh chịu.

Tuy nhiên sự vận hành chung của ngũ uẩn cũng đã tạo ra sự sống cho mỗi cá thể con người trong thế giới ta bà, và sự sống ấy biểu hiện cho một ý chí hay một sức mạnh nào đó. Mỗi con người đều có thể sử dụng ý chí ấy hay sức mạnh ấy để thực hiện những tham vọng cũng như những đòi hỏi bản năng của chính mình, nhưng mặt khác cũng có thể hướng chúng vào một lý tưởng cao đẹp hơn để mang lại một ý nghĩa nào đó

cho sự hiện hữu của chính mình.

Bản kinh này được dịch để tưởng nhớ đến một vị Bồ-tát vì Đạo pháp đã tự thiêu ngày 11 tháng 6 năm 1963. Năm thứ ngũ uẩn tạm thời kết hợp để tạo ra thân xác và tâm thức của vị Bồ-tát ấy đã bốc cháy gần nửa thế kỷ nay và không còn lại gì cả. Tuy nhiên, hình ảnh ấy, hình ảnh của một vị Bồ-tát ngồi im trong lửa đỏ và gục xuống ở một ngã tư đường vẫn còn lưu lại trong tâm hồn của mỗi người trong chúng ta.

Bản tiếng Việt dưới đây được dịch căn cứ vào bản dịch từ tiếng Pali sang tiếng Pháp của Môhan Wijayaratna trong quyển *Sermons du Bouddha* (*Các bài thuyết giáo của Đức Phật*), Nhà xuất bản Cerf, 1988, Paris.

Một lần, Đức Thế Tôn đang ở tại Tượng Đầu Sơn (Gayasisa), gần Giác Thành (Gaya) cùng với một ngàn đệ tử.

Đức Thế Tôn thuyết giảng cho các đệ tử như sau:

"Này các Tỳ-kheo, tất cả đều bốc cháy. Và những gì đang bốc cháy như thế? Mắt đang bốc cháy. Các hình tướng vật chất đang bốc cháy. Tri thức thị giác đang bốc

cháy. Sự tiếp xúc giữa mắt và các hình tướng vật chất đang bốc cháy. Cảm giác phát sinh do sự tiếp xúc với các hình tướng vật chất, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn đang bốc cháy. Nay các Tỷ-kheo, vậy những thứ ấy bốc cháy từ những ngọn lửa nào? Ta nói rằng những thứ ấy đang bốc cháy từ ngọn lửa của dục vọng, từ ngọn lửa của hận thù, từ ngọn lửa của ảo giác; những thứ ấy bốc cháy từ ngọn lửa của sự sinh, của già nua, của bệnh tật, của cái chết, của nhọc nhằn, của ta thán, của đớn đau, của buồn phiền, của tuyệt vọng.

“Này các Tỷ-kheo, tai đang bốc cháy. Âm thanh do tai tiếp nhận đang bốc cháy. Tri thức thính giác đang bốc cháy. Sự tiếp xúc với những gì do tai tiếp nhận được đang bốc cháy. Cảm giác phát sinh từ sự tiếp xúc với những gì tai tiếp nhận được đang bốc cháy, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn đang bốc cháy. Vậy những thứ ấy bốc cháy từ những ngọn lửa nào? Ta nói rằng những thứ ấy đang bốc cháy từ ngọn lửa của dục vọng, từ ngọn lửa của hận thù, từ ngọn lửa của ảo giác; những thứ ấy bốc cháy từ ngọn lửa của sự sinh, của già nua, của bệnh tật, của cái chết, của nhọc nhằn, của ta thán, của đớn đau, của buồn phiền, của tuyệt vọng.

“Này các Tỷ-kheo, mũi đang bốc cháy. Mùi đang bốc cháy. Tri thức khứu giác đang bốc cháy. Sự tiếp xúc giữa mũi và mùi đang bốc cháy. Cảm giác phát sinh do sự tiếp xúc với những gì do mũi tiếp nhận, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn bốc cháy. Vậy những thứ ấy bốc cháy từ những ngọn lửa nào? Ta nói rằng những thứ ấy đang bốc cháy từ ngọn lửa của dục vọng, từ ngọn lửa của hận thù, từ ngọn lửa của ảo giác; những thứ ấy bốc cháy từ ngọn lửa của sự sinh, của già nua, của bệnh tật, của cái chết, của nhọc nhằn, của ta thán, của đớn đau, của buồn phiền, của tuyệt vọng.

“Này các Tỷ-kheo, lưỡi đang bốc cháy. Vị đang bốc cháy. Tri thức vị giác đang bốc cháy. Sự tiếp xúc giữa lưỡi và vị đang bốc cháy. Cảm giác phát sinh do sự tiếp xúc với những gì lưỡi tiếp nhận, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn bốc cháy. Vậy những thứ ấy bốc cháy từ những ngọn lửa nào? Ta nói rằng những thứ ấy đang bốc cháy từ ngọn lửa của dục vọng, từ ngọn lửa của hận thù, từ ngọn lửa của ảo giác; những thứ ấy bốc cháy từ ngọn lửa của sự sinh, của già nua, của bệnh tật, của cái chết, của nhọc nhằn, của ta thán, của đớn đau, của buồn phiền, của tuyệt vọng.

“Này các Tỷ-kheo, thân xác đang bốc cháy. Các vật thể sờ mó được đang bốc cháy. Tri thức xúc giác đang bốc cháy. Sự tiếp xúc giữa thân xác và các vật thể sờ mó được đang bốc cháy. Cảm giác phát sinh do sự tiếp xúc với những gì do thân xác tiếp nhận được, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng

không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn bốc cháy. Vậy những thứ ấy bốc cháy từ những ngọn lửa nào? Ta nói rằng những thứ ấy đang bốc cháy từ ngọn lửa của dục vọng, từ ngọn lửa của hận thù, từ ngọn lửa của ảo giác; những thứ ấy bốc cháy từ ngọn lửa của sự sinh, của già nua, của bệnh tật, của cái chết, của nhọc nhằn, của ta thán, của đớn đau, của buồn phiền, của tuyệt vọng.

“Này các Tỷ-kheo, tư duy đang bốc cháy. Các vật thể tâm thần đang bốc cháy. Tri thức tâm thần đang bốc cháy. Sự tiếp xúc của tư duy với các vật thể tâm thần đang bốc cháy. Cảm giác phát sinh do sự tiếp xúc với những gì tư duy tiếp nhận được, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn bốc cháy. Vậy những thứ ấy bốc cháy từ những ngọn lửa nào? Ta nói rằng những thứ ấy đang bốc cháy từ ngọn lửa của dục vọng, từ ngọn lửa của hận thù, từ ngọn lửa của ảo giác; những thứ ấy bốc cháy từ ngọn lửa của sự sinh, của già nua, của bệnh tật, của cái chết, của nhọc nhằn, của ta thán, của đớn đau, của buồn phiền, của tuyệt vọng.

“Này các Tỷ-kheo, nếu biết nhìn tất cả mọi thứ theo phương cách đó, thì một đệ tử sáng suốt sẽ phải kinh tởm mắt, kinh tởm những hình tướng vật chất, kinh tởm tri thức thị giác, kinh tởm sự tiếp xúc của mắt với những hình tướng vật chất, kinh tởm cảm giác phát sinh do sự tiếp xúc với các hình tướng vật chất, dù đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn đang bốc cháy.

Đức Phật tiếp tục trình bày như trên đây đối với tai, âm thanh, tri thức thính giác, sự tiếp xúc và cảm giác; mũi, mùi, tri thức khứu giác, sự tiếp xúc và cảm giác; lưỡi, vị, tri thức vị giác sự tiếp xúc và cảm giác; thân xác, các vật thể sờ mó được, tri thức xúc giác, sự tiếp xúc và cảm giác. Đức Phật lại tiếp tục thuyết giảng như sau:

“Này các Tỷ-kheo, nếu biết nhìn tất cả mọi thứ bằng phương cách đó, thì một đệ tử sáng suốt sẽ kinh tởm tư duy, kinh tởm các vật thể tâm thần, kinh tởm tri thức tâm thần, kinh tởm sự tiếp xúc của tư duy với các vật thể tâm thần, kinh tởm giác cảm phát sinh từ sự tiếp xúc với các vật thể tâm thần; dù cho đấy là thích thú hay đớn đau, dù đấy không phải là đớn đau cũng không phải là thích thú, thì cảm giác ấy vẫn đang bốc cháy.

“Khi một đệ tử sáng suốt biết kinh tởm những thứ ấy, thì người ấy sẽ không còn thèm khát nữa và khi được giải thoát thì sự hiểu biết sẽ hiện ra: “Đây chính là sự Giải thoát”, và người ấy sẽ hiểu rằng: “Mọi sự tái sinh đều bị hủy diệt, con đường Đạo hạnh tinh khiết được hoàn tất, những gì phải chấm dứt đã chấm dứt, không còn bất cứ thứ gì lưu lại để chờ đợi một sự thực hiện nào nữa”.

Đấng Thế Tôn thuyết giảng như trên đây. Sau khi được nghe những lời thuyết giảng của Đấng Thế Tôn, các Tỷ-kheo đều vui sướng và hân hoan. Trong khi Ngài thuyết giảng thì tất cả mọi ô nhiễm trong tư duy của một ngàn đệ tử đều được hoàn toàn tẩy xóa. ■



là sống trong tiếng gọi của Đấng Giác Ngộ

NGUYỄN XUÂN CHIẾN

TIẾNG GỌI CỦA CỌP

Nam Bộ có truyền thuyết cọp hú. Chuyện kể rằng có một thầy khóa tài kiêm văn vũ được vợ nuôi ăn học. Để được vợ tạo điều kiện cho mình lập công danh, thầy khóa từng thề độc rằng sẽ suốt đời chung tình với vợ, nếu sai lời sẽ bị cọp hú. Thực ra, thầy chỉ thề thốt nhằm cuội chữ chính bản thân thầy cũng chẳng biết cọp hú là gì. Rồi thầy đi thi, đỗ cao, được quan đầu triều giữ lại gả con gái, được triều đình bổ làm quan ở kinh đô, và quên hẳn lời thề với vợ cũ, người đã có với thầy một cô con gái. Khoảng mười năm sau, con gái của vợ cũ đã mười bảy mười tám tuổi đến tìm ông quan cho biết mẹ cô đã qua đời. Trên đường về quê thăm mộ vợ cũ, ông quan và cô con gái bị một con cọp, vì từng ăn thịt nhiều người nên đã thành tinh, tấn công. Con cọp vừa tấn công hai cha con, vừa hú lên. Mỗi khi nghe tiếng cọp hú, ông quan lại quay sang chém con gái mình. May nhờ dân làng gần đó mang vũ khí ra xua cọp nên

cô gái thoát chết nhưng ông quan thì vẫn là con rối trước tiếng cọp hú. Sau cùng, con cọp kịp moi tim ông ta trước khi nó chạy vào rừng. Tới lúc ấy xác chết của ông vẫn tiếp tục múa may theo tiếng hú của cọp; đến nỗi khi đã được hỏa táng thì tro cốt của ông nằm trong hũ cũng cứ nhảy loi choi khi có tiếng cọp hú, chỉ chịu nằm yên khi nghe tiếng tụng niệm của các vị cao tăng đắc đạo. Từ đó, 'cọp hú' trở thành một thành ngữ nói về những người chịu tác động bởi tiếng gọi bên ngoài để làm những việc không đúng đạo lý.

CỌP HÚ GIỮA ĐỜI

Ngày nay chắc chắn là chúng ta không thể tin được câu chuyện trên nhưng xét ra câu chuyện gợi cho ta nhiều điều để suy ngẫm.

Về mặt xã hội, chúng ta chứng kiến biết bao sự kiện kỳ dị, ngược ngạo, nhiều đến nỗi quen mắt, quen tai, không còn thấy lạ lùng, khó hiểu nữa. Chẳng hạn, con



Ảnh: **Chi Giác Thông**

cọp ở đâu tận trời Tây vừa hú sơ sơ vài ba tiếng nho nhỏ, thì chúng ta đã vội vàng ghi tên học tiếng Anh bồi bếp, tiếng Pháp thông ngôn. Con cọp bên Mỹ vừa khọt khẹt găm gừ thì ở bên này, anh em chúng ta gấp rút ghi danh học vi tính, internet. Nếu con cọp made in Japan mà hú liên tù tì, thì con cháu chúng ta ba chân bốn cẳng chen nhau học tiếng Nhật cu-li; còn khi con cọp Ba Tàu rống lên kinh thiên động địa, thì vô số kẻ hồi hả đua đòi học tiếng Bắc Kinh nặng xì, ồm tồm, lúc nào cũng vỗ *ái nì, nì ái lạo xư, lạo xư ái đồ la*. Khi những chú cọp rùng rình xu hào mà rú lên vài tràng dài, thì chúng ta nhảy cẫng lên như lambada hay hiphop gì gì đó, rồi hành động bất chấp luân thường đạo lý, thực hiện cho kỳ được ý đồ của tiếng hú, đến mức không từ bỏ những việc phản nhân tính, phản dân tộc nữa là đằng khác.

Về mặt đời sống, chỉ tính trong một ngày, ta đã bị bao nhiêu tiếng cọp hú điều động sinh hoạt của mình? Ta vạch mặt chỉ tên được bao nhiêu chú cọp hung dữ đang ẩn nấp đâu đó quanh ta? Con cọp nào đã moi trái tim đồ ổi lương tri khiến ta suốt đời hành xử như chó đại? Con cọp nào đã lén móc trái tim đạo lý của ta, khiến ta chỉ còn là cái xác biết đi, sống không ra sống, chết không ra chết? Hỡi ôi, cọp đâu mà lắm thế? Thuở niên thiếu tóc còn xanh mượt, chúng ta đại khờ

biết chừng nào. Nghe theo tiếng hú của con Cọp Chữ Nghĩa, chúng ta lao vào sự học, ngón vô số kiến thức, tranh giành bằng này bằng nọ. Đến tuổi đôi mươi, Cọp Tinh Yêu vừa hú đôi ba tiếng nhẹ nhàng êm dịu, chúng ta liền quyết liệt rượt theo một bóng hồng nham hiểm hay uốn éo quyến rũ một đấng mày râu bặm trợn. Xúi quẩy hơn, Cọp Đam Mê xúi giục chúng ta chết đứng trong vòng tay nóng bỏng của người khác phái. Rồi từ đó trở đi, vô số những con cọp khác liên tục hú lên tác động tới suy nghĩ và hành động của ta. Nói chung, con cọp Tham Dục ra lệnh cho ta phải bằng mọi cách chiếm đoạt và tích tụ tất cả những gì chúng ta ham muốn không cần biết đến thế nào là lương tâm hay nhân nghĩa; con cọp Sân Hận chỉ đạo ta đối xử thô bạo với tất cả những gì ta cho là không phải ta, khiến tâm ta luôn sùng sục sự ghen tức, giận dữ; và con cọp Si Muội dẫn dắt ta có những hành động sai lạc, không chịu nhận biết đâu là sự thật chân chính. Cả ba con cọp đó thường hú lên cùng lúc để biến ta thành những con rối sẵn sàng làm tất cả mọi việc xấu xa tối tệ nhất chỉ để thỏa mãn cái tôi ích kỷ của mình. Bấy nhiêu cũng đủ cho ta cảm nhận sức mạnh vô địch, khủng khiếp của tiếng cọp hú. Rõ ràng. Cụ thể. Gắn gũi. Trắng trợn. Thế nhưng, từ quá lâu rồi, chúng ta sống chung hòa bình với tiếng cọp hú một cách thân thiết, dút không nổi, bỏ không được. Tệ mạt hơn, nhiều khi chúng ta còn đồng hóa bản thân với tiếng cọp hú. Ta là cọp, và cọp là ta. Cọp hú tức là ta đang hú. Say sưa. Diễn cảm. Hùng hồn. Bởi lẽ, trong những tiếng hú vang vọng mười phương kia, chúng ta thấy thấp thoáng bóng dáng của chính mình. Cái ngà chấp cao như núi Tu-di của ta đang tìm được sự thỏa mãn trong tiếng hú ấy, nghĩa là... chúng ta đang hú, chứ chẳng phải chú cọp chú cuội nào cả!

NHỮNG TIẾNG GỌI KHÁC NHAU Ở TRONG TA

Có bao giờ chúng ta tự đặt câu hỏi tréo cẳng ngỗng mà vô cùng cần thiết như sau: Tại sao cọp lại hú mãi vậy kia? Chỉ vì chúng ta không chịu lắng nghe tiếng gọi của chân như tâm, nên suốt kiếp cứ bị mê hoặc bởi đủ thứ âm thanh trên đời. Mà tiếng cọp hú cũng chỉ là một trong những âm thanh ấy.

Kinh Niệm Phật Ba-la-mật nói: *"Chúng sanh nơi cõi ta bà này, vốn lấy âm thanh làm thế"*. Cho nên tất cả sự nghiệp giáo hóa của Đức Thích Ca đều đặt cơ sở trên lời nói và âm thanh, chứ không hề sử dụng văn tự, mặc dù thời bấy giờ đã sẵn có nhiều thứ văn tự hữu hiệu đang lưu bố trong dân gian. Bởi lẽ chư Phật biết rằng, chúng sanh bị khổ đau trói buộc chỉ vì âm thanh, mà hạnh phúc giải thoát cũng chỉ nương nhờ nơi âm thanh mà chứng viên thông.

Thật vậy, giữa cuộc sống bình thường chúng ta luôn luôn bị chi phối bởi vô số tiếng gọi, vô số âm thanh đang bành bặc khắp mọi nơi trong vũ trụ. Giáo lý Đại thừa tạm chia ra mười thứ tiếng gọi như sau:

1/ *Tiếng gọi của Phật*: còn gọi là *Phật Âm*, *Sư tử Hống Âm*, *Đại Văn Lôi Âm*, *Vô Lậu Âm*, *Pháp Thân Viên Mãn Âm*...

Tiếng gọi của Phật tương ứng với tâm toàn giác, chánh biến tri, đại bi đại trí tuệ, vô lượng vô biên công đức của tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, tứ vô úy, thập lực, thập bát bất cộng... chứa đựng trong danh hiệu Nam-mô Bốn sự Thích Ca Mẫu Ni Phật hay Nam-mô A Di Đà Phật. Có thể nói đó chính là tiếng gọi của Phật, là âm thanh tối thắng, viên mãn.

2/ *Tiếng gọi của Bồ-tát*: còn gọi là *Diệu Âm*, *Quán Thế Âm*, *Phạm Âm*, *Hải Triều Âm*, v.v.

Tiếng gọi của Bồ-tát tương ứng với mười hạnh nguyện của Phổ Hiền, mười hai đại nguyện của Quán Thế Âm, hoặc Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, và Thập địa của Bồ-tát; là tiếng gọi thoát khổ, cứu khổ cứu nạn; luôn luôn ban phát sự vô úy cho chúng sanh, khiến chúng sanh cắt lìa cái Tướng của Sự Hãi, Dày Vò, Bức Xúc ...

3/ *Tiếng gọi của Thanh Văn*: là tiếng gọi giải thoát của bậc Thánh lấy tâm vô ngã quán sát tứ diệu đế, đặc A-la-hán; là tiếng gọi của sự ly dục, sự từ bỏ, sự cắt lìa tham ái, của Niết-bàn vắng lặng.

4/ *Tiếng gọi của Duyên Giác*: là tiếng gọi thanh tịnh vô vi của bậc Thánh lấy tâm vô ngã quán sát thập nhị nhân duyên; là tiếng gọi của sự dứt trừ phiền não, đoạn tận tham sân si, xóa sạch ngã chấp, không còn lưu luyến sinh tử.

5/ *Tiếng gọi của Cõi Trời*: là tiếng gọi của sự ham thích khoái lạc. Nhưng dù là khoái lạc của tứ thiên, bát định cho đến khoái lạc của thiên đường cõi Dục thì cũng đều là những thứ an ổn giả tạo, hạnh phúc có điều kiện của chư thiên, chư tiên, nghĩa là những kẻ được *triển hân trăm luân*.

6/ *Tiếng gọi của loài Người*: Trong pháp giới, chỉ có Cõi Người là được chư Phật chư Bồ-tát thường xuyên vào ra thị hiện để thuyết pháp giáo hóa. Bởi lẽ loài người có đủ trí tuệ và tình thức để thực hiện sự nghiệp tâm linh, có thể tiến bộ trên con đường giải thoát. Nhưng loài người vốn bị quấy rầy bởi tình yêu (ái), của khát vọng (dục), và cho nên tiếng gọi của loài người cũng là tiếng gọi của thị phi, nhân ngã, bỉ thử (phân biệt trí). Đôi khi còn là tiếng gọi của tám khổ, mười phiền, mười sử, lục căn, lục trần, lục thức. Nói chung, tiếng gọi của loài người là tiếng gọi của tám vạn bốn ngàn trần lao. Nhưng, trong phiền não khổ não ấy không loại trừ Nhân Tính, cái làm nên bản chất người. Vì có nhân tính điều động trong mỗi hành vi, cho nên con người dù lâm vào hoàn cảnh cùng tột khổ đau thế nào đi nữa cũng vẫn khao khát Tự do, Công bằng, Bác ái, Vị tha. Hoặc là tiếng gọi của Nhân Nghĩa, của cương thường luân lý, dân tộc, tổ quốc, nhân bản, từ thiện... Vì vậy, tiếng gọi của con người là tiếng gọi của tình thức, của hướng thượng, chứa đựng ít nhiều thuộc tính từ bi, trí tuệ, tiền đề cho sự nghiệp giải thoát.

7/ *Tiếng gọi của A-tu-la*: là tiếng gọi của sự tranh đấu, hơn thua, của lòng kiêu mạn, sân hận; của những kẻ làm việc thiện với ngã chấp kiên cố sâu dày; của siêu nhân, anh hùng, đại hiệp giang hồ; là tiếng gọi chọc trời khuấy nước vì tràn đầy những âm thanh gây gộc giáo mắng; khiến kẻ khác nuốt lệ căm hờn, vì chứa đựng âm thanh giết chóc, náo loạn, ghê gớm của bom hạch tâm, của quyền lực thống trị; là tiếng gọi khiến hào kiệt trên đường ra pháp trường còn khảng khái tuyên bố, hai mươi năm sau sẽ có một tráng sĩ xuất hiện!

8/ *Tiếng gọi của Quỷ Đới*: là tiếng gọi của sự thèm khát mà không được thỏa mãn, của sự thiếu thốn mà không được đáp ứng. Hừng hực. Bực bội. Ấm ức. Tiếng gọi của lòng tham được phát triển quá độ hóa thành sự bôn sôn, ích kỷ. Tiếng gọi của những linh hồn cô độc, không ai quan tâm, chẳng ai cúng kiếng, hoặc của loài dã quỷ lẩn thẩn nơi chốn hoang dã mịt mù, hiu quạnh.

9/ *Tiếng gọi của súc vật, thú vật*: là tiếng gọi của sự sướng khổ vì cảm giác nhục dục, của "con lợn lòng", của những khoái lạc nhầy nhụa, trăng tráo, dơ bẩn, u mê. Đây là tiếng gọi của loài bốn chân, hai cánh, bản tánh ngu si, nếp sống tối tàn, hôi hám, lộn xộn, trần truồng... Trong tiếng gọi của súc vật, ta thường cảm nhận chúng nó luôn luôn rên rỉ, ngậm hờn, u uất, sợ hãi, bồn chồn, đó là những âm thanh bé tắc, tuyệt vọng, nghẹn tức trong yết hầu mà nói không ra được.

10/ *Tiếng gọi của Địa ngục*: là tiếng gọi của sự tối tăm, mù lòa, của vô minh hoàn toàn; là tiếng gọi thảm thiết, khốc liệt nhất của thế gian, thứ âm thanh phát xuất từ lao tù, hình phạt, dụng cụ hành quyết, tra tấn. Tiếng gọi của Địa ngục còn là Tiếng gọi của tàn nhẫn, đứng đưng, lạnh nhạt, của lòng vô cảm, của máy móc, của chiến tranh bấm nút, của sản xuất dây chuyền, của sức mạnh tập thể. Tóm lại, tiếng nói của địa ngục là những âm thanh thuần khổ, âm thanh cảm ứng với mười điều cực ác, những tư tưởng ngăn che sự sáng, những ý niệm chống báng đạo lý như thực, rời xa chánh pháp.

ÂM THANH HIỂN THIỆN NÀO ĐANG KÊU GỌI TA?

Mười loại âm thanh vừa kể, luôn luôn hiện hữu khắp trong vũ trụ, mà cũng mãi mãi hiện hữu trong chính ta. Vì giữa ta và vũ trụ nào phải là hai? Có gì khác biệt và cách biệt giữa vũ trụ và ta? Nhưng, vấn đề là: âm thanh hiển hiện nào đang kêu gọi chúng ta? Cứ tiếp tục hỏi như vậy khoảng vài trăm triệu lần, thì bạn sẽ biết bạn là ai. Và tôi cũng sẽ hiểu mình là gì? Âm thanh hiển hiện nào đang kêu gọi chúng ta? Tiếng gọi cao thượng nào đang réo mời bạn? Hỏi nữa, hỏi nữa đi...

TIẾNG GỌI VÔ THANH CỦA PHÁP THÂN

Người nói tiếng gì hồi biển?

tiếng của câu hỏi muôn đời ...

Người đáp tiếng gì hồi trời?

tiếng của muôn đời thinh lặng ...

Bốn câu thơ ngắn của đại thi hào Tagore ngẫu nhiên hé mở cho tất cả chúng ta những rung cảm nhẹ nhàng về Tiếng Gọi của một cảnh giới siêu nhiên, lâu nay bị những âm thanh dơ bẩn của thế gian làm nhiễu loạn, phân tán. Và chúng ta chỉ được cứu độ bởi tiếng gọi siêu nhiên ấy, như Đức Phật đã dạy:

"... âm thanh của Đức Như Lai thì không có hình trạng, chẳng thể thấy được, chẳng phải có phương sở, chẳng phải không có phương sở, chỉ tùy nơi duyên dục giải của chúng sanh mà phát ra. Âm thanh của Phật thì chỉ có một vị giải thoát, tùy theo tâm sai khác của chúng sanh nên có vô lượng sai khác ...!" (Kinh Hoa Nghiêm).

Vì tâm chúng sanh sai khác nên cảm nhận về Phật âm với vô lượng sai khác. Mà chúng ta lại không thể nào nhận biết hoặc mô tả về một cái gọi là Tâm. Tuy vậy, qua cuộc sống và ngôn ngữ cụ thể hàng ngày, chúng ta cũng có thể nắm được vài dấu vết về Tâm, thấy những hành tướng của Tâm biểu lộ cụ thể qua một cái tâm gọi là năng lực của Tâm.

Năng lực của Tâm thường có tác dụng của một Tiếng Gọi. Tiếng Gọi là ý niệm, tư tưởng, hoặc tín hiệu, làn sóng, hoặc Mầm Tưởng hay Chủng Tử gì cũng được. Từ đó, phát sinh cảnh giới, hoặc y báo, chỗ thọ dụng của Tâm. Ngược lại cũng thế, cảnh giới tạo ra hình ảnh, tư tưởng, ý niệm, tín hiệu, làn sóng, từ đó phát sinh Tiếng Gọi, và Tiếng Gọi tạo ra Tâm. Tóm lại, tiếng gọi tức là tư tưởng, tức là cảnh giới, chỗ biểu hiện của Tâm.

Do đó, chúng ta cứ xem xét bản thân, hàng ngày sống theo âm thanh nào, tiếng gọi nào thì đương nhiên tự biết Tâm ta như thế nào, và ta đang sống trong cảnh giới nào, tương lai sẽ đi về đâu. Rõ ràng ta đã biết mọi tiếng gọi của thế gian đều dẫn đến chỗ trói buộc, khổ não và luân hồi. Nhưng nếu Tâm ta lúc nào cũng rung cảm theo tiếng rống uy hùng của Sư Tử Chứa tràn trề Phật lực, mang tính chất đại bi đại trí, giải thoát viên mãn, vô lượng quang, vô lượng thọ, thì đương nhiên Tâm đang ở trong cảnh giới thù diệu trang nghiêm của chư Phật. Nếu Tâm không rời tiếng gọi thanh tịnh vi mật của Bát Nhã ba la mật âm, hoặc tiếng gọi Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn của Quán Thế Âm thì chắc chắn Tâm đang sum vầy trong cảnh giới an lạc, vô úy của Bồ-tát, xa lìa tất cả sợ hãi, điên đảo tưởng, vọng nghiệp. Nếu Tâm ta nghe được tiếng gọi của Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục và suốt đời đáp ứng những tiếng gọi ấy... thì ta đã và đang đoàn viên trong cảnh sống của con người. Duy chỉ tiếng gọi của Phật là bậc nhất, là rốt ráo, là giải thoát tròn đầy, khắp đến tất cả, vang vọng mười phương pháp giới, không bị chướng ngại, không bị biến đổi, sinh diệt. Và tiếng gọi của Phật chính là danh hiệu Phật. Danh hiệu Phật chính là Đức Phật, với đầy đủ vô lượng vô biên đức tướng và năng lực Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác.

Kinh Đại thừa Phương quảng cho biết ngay cả chư vị đại Bồ-tát còn luôn khao khát lắng nghe tiếng gọi của Phật, bởi duy chỉ phương thức ấy mới có thể "nuôi

lớn tất cả phước báu vô tận, thành tựu viên mãn đạo bồ đề". Vì thế, chúng ta phải làm thế nào để được "thường xuyên nghe Danh Hiệu Phật", phải làm thế nào để mãi mãi "tiếp nhận Tiếng Gọi của Như Lai.

Trên hành tinh nhỏ bé này, hàng ngày biết bao đài phát thanh, đài T.V, đài phát sóng liên tục đổ vào không gian biết bao tín hiệu, làn sóng, kể không hết. Chưa kể vô số đài phát thanh tuôn ra từ cửa miệng những người xung quanh, thì số lượng những tiếng gọi lừng lờ khắp trái đất đang tác động đến cuộc sống khổ lụy của chúng ta, quả là khó tính đếm nổi. Lại còn những tiếng gọi từ các thiên thể ngoài trái đất, những tiếng gọi từ nghìn muôn kiếp xa xưa.

Trong cuộc sống, ta phát ra làn sóng nào, thì sẽ nhận làn sóng ấy. Ta gởi tín hiệu nào thì tiếp thu tín hiệu ấy. Đó là định luật Phản Phức.

Trong vũ trụ, loại âm thanh nào được phát ra, chỉ cảm ứng với loại âm thanh ấy. Đó là định luật Cộng Hưởng.

Trong pháp giới, loại tiếng gọi nào được thốt lên, thì chỉ mời mọc, hấp dẫn loại tiếng gọi ấy. Đó là định luật Đồng Khởi.

Nói cách khác nghiêm túc hơn, dù chấp nhận hoặc không muốn chấp nhận, thì sự thực vẫn là sự thực: *Tâm gọi Tâm, ý niệm thì chiêu cảm ý niệm. Tư tưởng thì ứng hợp với Tư tưởng v.v.* Do đó, nếu chúng ta muốn bước khỏi cảnh giới khổ lụy, vô nghĩa, trói buộc của cuộc sống, thì chúng ta phải biết lắng nghe Tiếng Gọi từ cảnh giới chư Phật. Nghĩa là: chúng ta phải thốt lên tiếng gọi của Phật, hoặc hát lên khúc tuyệt vời bằng những âm thanh thiêng liêng chứa đựng hoàn toàn đức tướng Như Lai, tràn trề ánh sáng rực rỡ của đạo lý giải thoát - thì Phật sẽ xuất hiện lập tức, và kêu gọi chúng ta bằng âm thanh tối thắng, viên mãn của Ngài.

Chính vì vậy mà thi sĩ huyền bí Kahlil Gibran trong tác phẩm *The Prophet* đã nói:

Đấng Chí Tôn chỉ lắng nghe tiếng nói của các người, khi chính Ngài cất tiếng nói ấy qua bờ môi các người. (God listens not to your words save when he himself utters them through your lips).

Hiểu được như thế rồi, chúng ta sẽ không còn ngơ ngẩn đặt ra câu hỏi âm thanh nào đang kêu gọi mình. Mà chúng ta sẽ tự mỉm cười vỡ lẽ rằng: chúng ta đang kêu gọi cái gì? và với âm thanh nào?

Hoặc gọn nhẹ hơn, chúng ta sẽ tự hỏi: Chúng ta đang réo gọi bằng loại thanh âm nào? Hoặc ngắn gọn hơn, vắn tắt hơn nữa: Ta Đang Thốt Tiếng Gọi Nào? Xin lặp lại lần nữa cho chắc chắn, chính xác:

Ta Đang Thốt Tiếng Gọi Nào?

Cho tới khi nào đó, có lẽ chúng ta hốt nhiên biến thành Tiếng Gọi, và Tiếng Gọi biến thành chúng ta. Tất cả thế gian này bỗng dưng chỉ còn Tiếng Gọi giục giã Tiếng Gọi, Tiếng Gọi nối theo Tiếng Gọi. Không còn gì cả. Không còn gì hết. Chẳng cần ai cảm nhận. Chẳng cần ai hiểu. Chẳng cần ai hay. Ngay cả cái "ai đó" cũng chẳng còn hiện hữu. Bí mật? ■

Sự tôn trọng

NGUYỄN THẾ DĂNG

Mọi vấn nạn đưa đến khổ đau trong xã hội hầu như đều bắt nguồn từ thái độ không tôn trọng.

Lái xe ẩu gây tai nạn: không tôn trọng sinh mạng và sự an toàn của người khác. Xả rác ngoài đường, vất rác xuống sông: không tôn trọng cuộc sống sạch sẽ trật tự của người khác, không tôn trọng sự bình an sạch sẽ của thiên nhiên. Trộm cướp: không tôn trọng tài sản và tính mạng của người khác.

Chúng ta thấy trong xã hội văn minh, những câu nói thông thường là: Cám ơn, xin lỗi, xin vui lòng, tôi có làm phiền, cho phép tôi..., tất cả đều phát xuất từ sự tôn trọng người khác. Thời nay cũng như ngày xưa, có một người nổi danh nào, dù ở bất cứ lĩnh vực gì, mà được trọng vọng vì sự coi thường khinh bỉ người khác? Và ngược lại, có phải người ta càng nổi danh khi người ta càng tôn trọng người khác, do đó được người khác quý mến?

Sự tôn trọng của đạo Phật càng đi sâu xa hơn sự tôn trọng có tính cách bề ngoài của xã hội. Có thể nói một trong những lý do khiến đạo Phật tồn tại và phát triển chính là bởi sự tôn trọng của nó đối với toàn bộ đời sống. Năm giới: không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không say sưa chính là sự tôn trọng xã hội và thiên nhiên. Chẳng hạn ăn chay không chỉ vì tốt cho sức khỏe như khoa học nghiên cứu, mà nguyên nhân chính là tôn trọng sinh mạng của chúng sinh.

1. Tôn trọng con người và chúng sanh

Đức Phật nói: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành", "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh".

Chúng ta tôn trọng người khác không phải vì bề ngoài hay hoàn cảnh của họ, nhưng tôn trọng ở bề sâu của họ, nơi đó họ có tiềm năng thành Phật, có tiềm năng trở nên toàn thiện, dù có trải qua bao nhiêu thời gian đi nữa. Chính cái nhìn này không chỉ đưa đến từ bi hỷ xả mà cả trí huệ, cả cái thấy biết của Phật (Phật tri kiến).

Trong kinh *Pháp Hoa*, Bồ-tát Thường Bất Khinh (một tiền thân của Đức Thích Ca) "chỉ đi lễ lạy, dù ở xa thấy bốn chúng, cũng cố đến lễ lạy ca ngợi mà nói rằng: 'Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ làm Phật'. Trong hàng bốn chúng có người tâm không thanh tịnh, sanh giận ghét, buông lời mắng nhiếc... Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc, chẳng sanh lòng giận oán, thường nói 'Ngài sẽ làm Phật'. Lúc nói lời đó, có người lấy gậy cây ngói đá đánh ném. Ông liền chạy tránh, đứng xa mà vẫn lớn tiếng xưng rằng: 'Tôi chẳng dám khinh quý ngài, các ngài sẽ thành Phật'".

Cũng nhờ tu hạnh "Thường Bất Khinh" ấy mà vị Bồ-

tát được "sáu căn đều thanh tịnh", chứng ngộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, "khai thị ngộ nhập Phật tri kiến".

Phải tôn trọng người khác, phải "thường bất khinh" chúng sanh, vì mỗi chúng sanh đều có Phật tánh. Mỗi chúng sanh đều là một hoa sen Phật tánh, dầu còn trong nước chưa nở hoặc còn ngâm trong bùn.

Điều này Thiền sư Chân Nguyên (1647 – 1726) nói trong *Thiền Tông Bản Hạnh* (*Chân Nguyên toàn tập*, Lê Mạnh Thát biên soạn và chú giải 1978):

Trần trần sát sát Như Lai

Chúng sanh mỗi người mỗi có hoa sen

Hoa là bản tánh tự nhiên

Bao hàm thiên địa phương viên cùng bằng.

Muốn thấy Phật tánh, thì một trong những phương pháp là thấy Phật tánh nơi mỗi chúng sanh. Và muốn thấy Phật tánh nơi mỗi chúng sanh thì bước đầu tiên và bước cuối cùng là sự tôn trọng:

Bảo Sát hải chúng môn đồ

Ai ai cũng có mình châu trong mình

Pháp thân nghiêm hỷ trường linh

Tỳ Lô đỉnh thượng tung hoành thái hư

Thánh phàm vô khiếm vô dư

Đường đường đối diện như như thể đồng.

2. Tôn trọng thiên nhiên

Một trong những bài học rõ ràng trước mắt là khi hậu trái đất nóng lên tới mức báo động. Đó cũng vì từ lâu, chúng ta không tôn trọng cuộc sống của thiên nhiên; chúng ta đã "giết hại" thiên nhiên nhiều quá; chúng ta đã "trộm cướp" của thiên nhiên nhiều quá.

Một phần những giới luật của đạo Phật là sự đối xử với thiên nhiên: không sử dụng nhiều nước để tắm giặt, không khắc gỗ vào sông, không chặt cây khi chưa hoàn toàn cần thiết... Hình ảnh gắn liền với cuộc đời Đức Phật là cây cối: cây Bồ-đề, cây Ta la, rừng, vườn... Cõi Tịnh độ A-di-đà là nơi có cây Bồ-đề cao lớn nhất, có cây cối, chim chóc đẹp đẽ.

Sự bất hại, tâm từ, sự thân thiện với thiên nhiên là một yếu tố của một nhân cách Phật giáo. Như Nguyễn Trãi:

Núi láng giềng, chim bậu bạn

Mây khách khứa, nguyệt anh em

Tào Khê rửa, ngàn năm suối

Sạch chẳng còn một chút phàm.

và: *Đàn cầm suối trong tai đôi*

Còn một non xanh là cố nhân

Còn Nguyễn Bình Khiêm thì:

Băng thán cốt nhục thân

Ngõa lịch bằng hữu nghĩa

(Băng giá và than hồng là tình cốt nhục

Ngôi gạch vô tri là nghĩa bạn bè)

Niềm vui toát ra từ việc sống với thiên nhiên:

Bốn mùa đều hưởng thiên nhiên lộc

Thong thả ngồi chơi cỏi Thuần Nghiêu.

Tôn trọng thiên nhiên đem lại bình an, không xung đột và sáng suốt cho tâm. Đi xa hơn nữa, sự tôn trọng trả thế giới sự vật về với sự thanh tịnh vốn có của nó, chuyển hóa chốn lưu đầy xung đột hỗn loạn này thành quê nhà nghiêm tịnh, đến độ chỗ nào cũng là nơi chốn của cái thiêng liêng. Thiền sư Thường Chiếu (? – 1203) nói:

Đạo vốn không nhan sắc

Mỗi ngày mỗi mới khoe

Ngoài đại thiên sa giới

Chỗ nào chẳng phải nhà?

Bằng sự tôn trọng con người và thế giới, chúng ta có được hạnh phúc và bình an. Sự tôn trọng ấy nâng cấp xã hội, tịnh hóa, thiêng liêng hóa đời sống. Một xã hội hài hòa và hạnh phúc phải được bắt đầu bằng sự hài hòa giữa con người với nhau và giữa con người với thế giới. Thế giới hài hòa ấy trong cảm nhận và hình dung của Nguyễn Trãi là Thái Bình, của Nguyễn Bỉnh Khiêm là Thái Hòa, của Nguyễn Công Trứ là Thái Bình Vũ Trụ.

Nhưng đạo Phật không chỉ cảm nhận và hình dung, mà còn phải thực hiện “thái bình vũ trụ” nơi tâm của mình. Sở dĩ chúng ta bất hòa, xung đột, làm khổ người khác và thiên nhiên vì chúng ta đang khổ đau, đang không mãn nguyện, đang không yên tâm. Sự tôn trọng được đạo Phật mở rộng và đào sâu để chúng ta có được sự yên tâm và hài hòa trong tâm thức. Sự tôn trọng sâu rộng ấy sẽ nâng cấp, tịnh hóa, thiêng liêng hóa tâm thức.

Tâm thức một khi được tịnh hóa, thiêng liêng hóa thì nó mở ra và trong sáng để thấy đời sống thực sự là bình an, thanh tịnh và thiêng liêng. Kinh Kim Cương nói: “Tất cả các pháp đều là Phật pháp”.

Tâm thanh tịnh thì “con mắt pháp thanh tịnh” mở ra để thấy đóa hoa Phật tánh bao trùm trời đất vũ trụ:

Trần trấn sát sát Như Lai

Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen

Hoa là bản tánh tự nhiên

Bao hàm thiên địa phương viên cùng bằng.

Khi ấy người ta thấy được và sống được cái thực tại bình thường mà siêu việt, hiện đây mà tối hậu, tức là thực tại Phật tánh Pháp thân, để cõi trần gian biến thành cõi Phật thanh tịnh, như Thiền sư Chân Nguyên nói:

Bản lai thanh tịnh Pháp thân

Viên dung pháp giới đâu gần đâu xa.

Trong cái thấy ấy, chúng ta, người khác và thế giới vốn thanh tịnh, hài hòa khắp cả:

Pháp thân trạm tịch viên minh

Tự tại tung hoành phổ mãn thái hư

Tùy hình ứng vật tự như

Hóa thiên bách ức độ chư mọi loài

Ứng hiện dưới đất trên trời

Khắp hòa thế giới mọi nơi trong ngoài. ■





Lợi ích của **nội tâm tĩnh lặng**

VIÊN MINH

Người có nội tâm tĩnh lặng gặt hái được rất nhiều lợi ích trong đời sống cũng như trong hành trình giác ngộ giải thoát:

- *Sống an lạc trong hiện tại:* đối với những người đang trú trong *an chỉ định*, tâm họ thoát khỏi các đối tượng giác quan, không bị ngoại cảnh quấy rầy và họ an hưởng được hương vị *hỷ, lạc* hoặc *nhất tâm và trạng thái xả* trong thiền định, được gọi là sống an lạc trong hiện tại. Những người đạt được tùy thời định không bị dính mắc trong quá khứ, hiện tại, vị lai nên họ cũng sống an nhiên trong hiện tại.

- *Ở trong cảnh trần mà tâm không dao động:* Những người đạt được tùy thời định có khả năng luôn trầm tĩnh không dao động trước mọi thăng trầm biến đổi của cuộc sống. Dù không cách ly các đối tượng giác quan họ vẫn không bị ngoại duyên chi phối.

- *Có thể đạt được năng lực siêu nhiên:* Theo định luật của tâm (citta niyāma) thì định càng kiên cố năng lực càng được phát huy. Hầu hết khả năng siêu nhiên của tâm đều phát xuất từ năng lực thiền định. Người có định tâm đến mức bất động có thể đạt được năng lực siêu nhiên, chẳng hạn như tàng hình, độn thổ, đi trên nước v.v.

- *Làm nền tảng cho trí tuệ:* Chức năng quan trọng nhất của tâm tĩnh lặng là tạo không gian rộng rang cho trí tuệ tỏa sáng. Giống như mặt hồ tĩnh lặng thì cảnh sắc mới hiện rõ, khi tâm ổn định rộng rang thì trí tuệ tự nhiên soi chiếu rõ ràng. Trong lãnh vực này thì sát-na định và tùy thời định hỗ trợ cho trí tuệ tốt hơn an chỉ định.

- *Khi lâm chung tâm bất loạn:* Chết như thế nào và trong tình huống nào là do nghiệp quá khứ. Vì vậy không nên quan tâm làm sao để được chết trong điều kiện như ý, mà tốt nhất là khi chết tâm không loạn. Điều này quá dễ dàng cho những ai nội tâm tĩnh lặng trong sáng.

*

Hỏi:

- *Không biết định có phải là hiện tại lạc trú thật không? Vì nhiều người tự cho là đã đắc định rất cao, nhưng khi ở trong đời thường họ có vẻ như trầm cảm, thụ động, sợ ồn ào, chỉ thích nơi yên tĩnh để dễ trú vào trạng thái định, nên cũng rất dễ sân khi gặp nghịch cảnh. Họ không quan tâm việc gì ngoài nhập định và truyền bá phương pháp thiền định của mình, nên tỏ ra cố chấp và ngã mạn. Nói chung họ không hiện tại lạc trú chút nào. Xin thấy vui lòng giải thích.*

Trả lời:

- Đó là một nhược điểm của định an chỉ. Đức Phật dạy rằng định quá nhiều sẽ sinh ra trạng thái hôn trầm, vì hai thiền chi nhất tâm và xả có thể làm cho tâm hành giả trở nên thờ ơ thụ động, như ta đã thấy. Hơn nữa, phần lớn người thích định chỉ mong cầu đạt được an

lạc hoặc muốn tránh khỏi phiền phức, nên dễ có cơ hội là họ liền trú vào trạng thái hỷ lạc của định. Nhưng khi ra khỏi trạng thái đó họ khó thích nghi với môi trường sống ồn ào phức tạp, khiến họ dễ dàng nóng giận. Họ bị dính mắc vào trạng thái định cùng với tâm cố chấp và ngã mạn. Nếu ta hành thiền định chỉ vì khao khát có được năng lực thần thông thì vô cùng nguy hiểm. Như Devadatta đã đắc định rất cao, và có cả thần thông nữa nhưng vì tham vọng quyền lực nên đã hãm hại Đức Phật, để rồi堕 vào địa ngục vô gián.

Khi nhập chánh định thì đúng là hiện tại lạc trú, thậm chí còn bất khả xâm phạm nữa. Nhưng thực ra hiện tại lạc trú đúng hơn là để nói đến các bậc Thánh khi an trú trong Thánh Quả Định hoặc Diệt Thọ Tướng Định. Các bậc Thánh cũng là những người hoàn hảo trong tùy thời định. Vì họ không dao động trước mọi hoàn cảnh, ở đâu và lúc nào cũng thông dong tự tại, an lạc tự nhiên.

Hỏi:

- *Làm thế nào để phân biệt được chánh định và tà định?*

Trả lời:

- Về phương diện định luật tâm (citta niyāma), khó mà phân biệt được chánh định với tà định. Bởi vì, trong cùng một bậc định giống nhau, tất nhiên phải có cùng một trạng thái gồm những thiền chi giống nhau.

Về phương diện định luật nghiệp (kamma niyāma), thiền định được phân biệt chánh tà theo động cơ và mục đích. Nếu động cơ hành thiền định là tham, sân, si và mục đích là để thọ lạc hoặc quyền năng thì đó là tà định. Ngược lại, nếu động cơ là vô tham, vô sân, vô si và mục đích là giác ngộ giải thoát thì đó là chánh định.

Hỏi:

- *Nhân tiện xin hỏi: chánh định và Thánh định có khác nhau không?*

Trả lời:

- Yếu tố thiền chi thì cả hai đều giống nhau. Sự khác biệt duy nhất là chánh định thường ám chỉ định tốt đẹp của người thường, còn định của bậc Thánh gọi là Thánh định, nhưng cả hai đều có thiền chi không khác nhau. Cần lưu ý rằng ta không thể hành Thánh định mà chỉ có thể hành chánh định thôi. Chỉ hành thiền định ta không thể giác ngộ được nếu không hành thiền tuệ. Khi đã giác ngộ Thánh quả, lập tức chánh định của ta trở thành Thánh định chứ không cần phải thực hành để đắc.

Hỏi:

- *Có một vị sư giảng phải hành thiền định trước mới hành thiền tuệ sau, nhưng cũng có vị lại giảng không cần đắc định vẫn có thể đắc tuệ. Theo thấy điều nào đúng hơn?*

Trả lời:

- Nếu hiểu đúng, cả hai đều đúng; nếu hiểu sai, cả hai đều sai. Vì hiểu lầm "định năng sinh tuệ" là phải có định trước mới có tuệ sau, nên một vài phái thiền mới chủ trương phải hành thiền định trước rồi sau đó mới chuyển qua thiền tuệ. Thực ra, định luôn kết hợp với

tuệ, không thể tách rời nhau trong sự giác ngộ. Giống như một tấm gương phải có hai điều kiện là tình trạng yên tĩnh và trong sáng. Thiếu một trong hai yếu tố đó ta không thể soi mặt được. Dù tấm gương đứng yên nhưng không trong sáng, hoặc trong sáng mà không đứng yên thì không thể soi được vật gì. Cũng vậy, định, tuệ phải đồng thời mới có thể thấy được thực tánh.

Tuy nhiên, định được kết hợp với tuệ quán phải là sát-na định, tùy thời định hay chánh niệm chứ không phải là an chỉ định. Giống như tấm gương cố định một hướng không thể phản ánh đối tượng di chuyển qua một hướng khác. Cũng vậy, người đắc định bất động chỉ có thể thấy đối tượng tĩnh chứ không thể thấy đối tượng động. Hơn nữa, giống như tấm gương bị đặt vào trong một hộp kín, tâm định sâu cách ly ngoại duyên, bị khuôn định trong khái niệm, làm sao soi thấy thực tánh của vạn pháp.

Chúng ta cần lưu ý một điểm vô cùng quan trọng là khi Đức Phật dạy thiền tuệ cho những người trước kia đã đắc định, không phải theo nghĩa chuyển thiền định qua thiền tuệ, vì hai loại thiền này không thể hoán chuyển được. Đức Phật chỉ muốn giúp họ biết dùng tuệ soi chiếu để phá chỗ vướng mắc của họ trong thiền định mà thôi. Nếu họ không khai thông được thì sẽ bị vướng kẹt mãi trong những thành tựu tự tâm mình tạo.

Hỏi:

- Những phương pháp rèn luyện như yoga, khí công, thôi miên, ấn chú v.v. có phải là thiền định không?

Trả lời:

- Những phương pháp rèn luyện này đều dựa trên một mức độ nào đó của thiền định để phát huy. Nếu động lực và mục đích đúng tốt thì những phương pháp này đều đem lại lợi ích cho đời sống con người

trên nhiều lãnh vực. Tuy nhiên, nếu động cơ là tham vọng và mục đích để phát triển năng lực cho bản ngã, không phải giác ngộ giải thoát thì không thể xem là chánh định trong Phật giáo.

Hỏi:

- Nghe nói người nào chỉ hành thiền tuệ vipassanā thì không thể đắc an chỉ định được; cho nên nhiều người tranh thủ hành để đắc an chỉ định trước. Như vậy có đúng không?

Trả lời:

- Một người đã đạt được sát-na định và tùy thời định trong khi hành thiền tuệ vipassanā, thì nếu cần vị ấy có thể vào an chỉ định một cách dễ dàng. Hơn nữa, pháp hành thiền tuệ vipassanā đúng giúp chúng ta thoát khỏi tham ái và tà kiến. Điều này phù hợp với nguyên tắc “ly dục ly bất thiện pháp” trong định an chỉ, vì vậy người ít tham ái và tà kiến không những sẽ rất dễ đắc định, mà còn không sợ rơi vào tà định.

Hỏi:

- Nghe nói có một loại thiền gọi là Kim cang định, đó là loại định gì?

Trả lời:

- Kim cang là ý nói định kiên cố bất khả xâm phạm. Định an chỉ tồn tại có điều kiện nên không thể là Kim cang định được, trừ phi đó là Thánh định.

Tuy nhiên, tùy thời định có thể là Kim cang định vì nó có khả năng định vô điều kiện, bất cứ ở đâu và lúc nào. Với một bậc Thánh, định này chính là tịch tịnh (santi) được gọi là an lạc tối thượng (paramam sukham).

Hỏi:

- Sau khi thực hành thiền định được một thời gian và theo thiền sư hướng dẫn thì hành giả đã chứng được thiền sắc giới thứ tư. Hành giả thấy rất an lạc và thiền an chỉ đã giúp hành giả cải thiện được bản thân rất nhiều. Hành giả định sẽ luyện thần thông, nhưng bây giờ nghe thấy giảng thì hành giả mới nhận ra rằng mình thật sự có vướng mắc trong sở đắc nên đã không tiến bộ trong thiền tuệ được. Vậy hành giả nên tiếp tục hay nên bỏ thiền định?

Trả lời:

- An chỉ định tự nó không đúng hay sai. Nếu tâm ta ít tham dục hay vọng động mà định đến một cách tự nhiên, không cần cố gắng sở hữu, cũng không cần chấp giữ nó thì không có vấn đề gì. Nhưng nếu sở đắc đến do tham vọng sở hữu hỷ lạc hay năng lực siêu nhiên thì nó trở thành chướng ngại cho tuệ giác. Hơn nữa, định an chỉ dựa trên những khái niệm để phát triển, trong khi tuệ giác phải vượt qua mọi khái niệm để trực nhận thực tánh. Vì không nhận ra điều này, nên trong một trạng thái định nào đó nhiều người đã lầm lẫn khái niệm của họ là thực tánh. Đó không phải là tự đánh lừa sao? Vậy nếu ta thấy đó là vướng mắc chỉ cải thiện bản ngã và mất thời gian cho sở đắc không thôi, thì sao không thoát ra càng sớm càng tốt? ■





Ảnh: Lý Hậu

CHÙA TỈNH HỘI

LÊ TRÂM

Tôi nhẹ bước lên bậc tam cấp vào chùa, rón rén đi nhẹ nhẹ như sợ thời gian đột nhiên vỡ vụn, như sợ tiếng lá rơi nhanh trong chiều vàng hanh hanh của miền đất Quảng Trị. Chùa Tỉnh Hội vẫn vậy, vẫn khung cảnh tĩnh lặng của chốn thiền môn khiến người đi xa nay trở lại cứ tưởng chừng quá khứ và hiện tại là một. Tôi nhẹ mở cánh cửa chánh điện, một chút lành lạnh trên đôi chân trần. Tôi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi đi vòng quanh chánh điện. Nghệ thuật bày biện nơi đây cũng như những ngôi chùa miền Trung, cảnh vật như quen mà lạ... Tim tôi đập mạnh khi bắt gặp bức hình của cố Hòa thượng Thích Chánh Trực. Ánh mắt của thầy tôi không thể nào quên được, quả thật, cái nhìn bao dung đó đã đi theo tôi vào tâm thức và biến thành giấc mơ. Trong cơn mơ tôi vẫn luôn bắt gặp ánh mắt hiền từ đó mỗi khi tôi làm điều gì sai sót trong cuộc sống. Một làn gió se lạnh thổi qua làm chiếc chuông gió rung lên những tiếng thánh thót như kể lại câu chuyện của ngày xưa.

Lúc đó tôi khoảng chín tuổi, là khắc tinh của những chú tiểu của chùa. Tôi có sở thích là đi ăn trộm trái cây của chùa. Nhà tôi cũng có vườn cây ăn trái, nhưng lạ

một điều tôi vẫn thích hái trộm trái cây của chùa. Tôi khoái chí khi leo lên cây này hái trái này rồi nhảy qua cây khác hái trái khác; rồi ngồi trên cây nhắm nháp vị ngon giòn của trái ổi, vị chua chua của trái xoài và vị thanh của trái nhãn. Trong vườn chùa, tôi thích nhất là cây nhãn trước sân, bên cạnh bờ tường. Cây nhãn ấy cũng là “cổng chính” để từ đó tôi lên “thâm nhập” chùa. Không chỉ một mình mà tôi còn rủ rê chúng bạn vào vườn chùa hái trộm trái cây. Mỗi lần hái trộm của chúng tôi thành công là vườn cây lại tươi tắn với cành lá và trái non mà chúng tôi vút đầy sân. Thấy vườn cây tươi tắn như thế, sư trụ trì lại sai các chú tiểu dọn dẹp; có lẽ chính vì vậy mà các chú rất sợ những “thí chủ” như chúng tôi. Mùa hè là niềm hạnh phúc lớn nhất của tôi. Được nghỉ học, tôi tha hồ qua chùa đùa giỡn phá phách. Lúc đó tôi không hiểu tại sao mặc dù thấy trụ trì vẫn biết tôi là kẻ ăn trộm trái cây của chùa mà thầy không nói gì cả, đến mức coi như không biết gì, thầy còn cho tôi xôi chè mỗi khi chùa có kỵ giỗ. Khi nào thấy tôi, ánh mắt thầy nhìn tôi vẫn thật hiền từ, khiến lúc đó tôi cũng hiền theo ánh mắt của thầy, nhẹ nhàng hai tay cầm lấy những gì thầy đưa cho, cảm ơn thầy



rồi len lén biến mất. Biết rằng thầy trụ trì đối xử với tôi như vậy không phải vì thầy không biết tôi là kẻ đầu têu những vụ hái trộm trái cây, nhưng tôi vẫn cứ thích đến chùa để nghịch ngợm phá phách. Những đêm trăng rằm, ở trước cổng chùa chúng tôi la hét vui đùa chơi trò trốn tìm hay rổng rần lên mây, mặc cho trong chùa mọi người đang làm lễ. Tôi vô tư nhìn các cô các bác đi chùa với con mắt hồ hững, coi đó là chuyện bình thường của mọi người. Vì ở đây người theo đạo Phật là chuyện dĩ nhiên. Nhà tôi cũng thờ Phật nhưng chuyện đó là của ba mẹ tôi. Còn tôi chỉ biết chùa là nơi cho tôi vui chơi thỏa chí phá phách.

Mùa hè năm đó, cây nhãn trước chùa rất sai quả, những chùm nhãn nặng trĩu cả cành, trái ơi là trái. Tôi chờ mong đã lâu, canh me bao nhiêu lần. Rồi tôi quyết định "hành động" trước khi các chú tiểu hái xuống đem cúng Phật. Một buổi trưa, đợi mọi người nghỉ trưa, tôi một mình trèo lên bờ tường leo qua bấm đu lên cây, mỉm cười thích thú khi nhìn cận cảnh những trái nhãn no tròn phơi ra đầy khắp trước mặt tôi, trong tầm tay tôi. Tôi nhanh chóng bẻ cành không thương tiếc, như Tôn Ngộ Không lạc vào vườn đào tiên. Chùm này đến chùm khác, cành này qua cành kia, tôi say sưa ăn rồi nhả hạt; tay hái chùm này thì mắt đã ngược lên cao nhìn chùm nhãn khác... Đang mải mê thì bỗng tôi nghe tiếng các chú tiểu la lên. Nó hái nhãn kia! Nó hái nhãn kia! Bắt nó lại, lần này bắt nó đem đến ba mẹ nó đánh cho một trận để chữa cái tội ăn trộm của chùa. Nghe nói tóm tôi lại để giải giao cho ba mẹ tôi là tôi quên hết mọi thứ trên đời. Ba tôi đánh tôi rất mạnh tay

mỗi khi tôi bị người ta mắng vốn vì ông cho rằng cha làm thầy giáo mà con đốn sách là điều ông không chấp nhận được. Tôi cuống cuống. Một tay ôm bịch nhãn tay kia níu lấy cành bên ngoài bờ tường, tôi vội nhảy ào xuống, thậm chí chỉ cần thoát khỏi tay mấy chú tiểu là thoát khỏi trận đòn của ba tôi. Ý nghĩ đó vừa khởi lên cũng là lúc tôi nhảy ào một cú, những tưởng sẽ xuống được tới đất rồi cõ giò chạy, ai dè... tôi cũng không biết mình đang đứng ở đâu nữa! Định thần lại tôi mới biết, trời ơi! mình vừa nhảy ngay vào trong cái hòm mà bác thợ hòm đang sơn. Bên cạnh chùa có bác thợ hòm, thường thường tôi vẫn thấy bác hay sơn hòm trong sân nhà bác, chẳng hiểu trời xui đất khiến ra sao mà hôm nay bác lại khiêng hòm ra sát bờ tường nhà chùa để sơn. Tôi đang định làm một cú nhảy thứ hai để thoát khỏi cái oái oăm này thì cũng vừa lúc bác thợ hòm đang sơn ở đáy hòm cùng với một hộp sơn to tướng đứng lên. Như một định mệnh mà tôi cho là "xui" nhất trong cuộc đời mình. Thế là tôi lại nhảy vào người bác... Điều gì đến đã đến... Bác lôi tôi đến trước mặt ba tôi, khắp người tôi và người bác đều được tẩm bởi sơn, bác kể tội tôi cho ba tôi nghe. Kết quả tôi bị một trận đòn như tử. Qua ngày sau, ba tôi dẫn tôi qua chùa xin lỗi thầy trụ trì và các chú tiểu. Tôi xấu hổ cúi gằm mặt không dám nhìn ai. Đến tận lúc ấy mà thầy trụ trì cũng chỉ nhẹ nhàng nói với tôi những lời từ ái mà tôi nhớ mãi "Con à, biết lỗi của mình là tốt rồi, Đức Phật dạy có lỗi mà biết nhận lỗi và cam kết không tái phạm thì tội sẽ tiêu trừ. Lần sau con nhớ đừng nghịch ngợm nữa, muốn hái trái cây của chùa thì cứ xin phép nhà chùa là được". Tôi nghe vậy mà xót cả lòng, nghĩ lại những lần nghịch ngợm của mình thật là quá đáng, vậy mà thầy trụ trì vẫn không trách mắng, vẫn cho mình xoi chẻ, vẫn nhìn mình với ánh mắt hiền từ. Lần đó tôi hối hận lắm, và kể từ đó, tôi không còn qua chùa hái trộm trái cây nữa.

Sau đó không lâu, gia đình tôi chuyển ra Bắc sinh sống. Thế là tôi già từ tuổi thơ bên dòng sông Thạch Hãn, chia tay với những kỷ niệm nghịch ngợm quanh làng quanh xóm hoặc hái trộm trái cây của chùa, và rời bỏ nếp sống miền quê để trở thành một chàng trai thành phố. Tôi nhanh chóng thích nghi với cuộc sống phố thị, nhưng những kỷ niệm ngày nào bên ngôi chùa xưa thì vẫn còn đó. Ánh mắt của thầy trụ trì vẫn đi theo tôi trong tận đáy lòng. Lời dạy của thầy ngày nào tôi vẫn còn nhớ rất rõ, nhưng khổ nỗi lòng người khó lường, đã bao lần tự hứa với lòng phải sống cho thật tốt mà tôi vẫn đôi lần vấp ngã...

Sau bao nhiêu thăng trầm với cuộc sống, có dịp, tôi đã trở về thăm lại ngôi chùa xưa với bao kỷ niệm của thời thơ ấu. Thầy trụ trì nay không còn nữa, nhưng ngôi chùa vẫn hiện diện ở nơi đây như để lưu giữ cho tôi những kỷ niệm xưa. Cây nhãn có lẽ quá già mà đã bị đốn đi rồi. Tôi lặng nhìn hàng cây xanh dọc theo bờ tường, bên kia là sông Thạch Hãn vẫn ngày đêm chảy... ■



Đi tìm hơi ấm trên tử thi

THIÊN PHÁT

Triết học có nhiều chức năng và một trong những chức năng của nó là thành lập học thuyết để xây dựng nên một thể chế xã hội. Trong xã hội Ấn Độ ngày xưa, người ta căn cứ vào những tư tưởng triết học trong *kinh Vệ-đà* (Veda) để phân chia xã hội làm bốn giai cấp: Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá và Thủ-đà-la.

Giai cấp thứ nhất được cho là sinh ra từ miệng của Phạm thiên (Brahma) – Nơi cao quý nhất – Do đó đương nhiên họ là những người lãnh đạo tinh thần và đứng đầu trong xã hội. Giai cấp thứ hai được sinh ra từ cánh tay của Phạm thiên; họ là những người thuộc dòng dõi vua chúa, đảm đương về chính trị cũng như quân sự. Giai cấp thứ ba được sinh ra từ phần đùi của Phạm thiên; họ là những thương gia, thợ thuyền hoạt

động trong các ngành công nghiệp, thương mại. Giai cấp thứ tư được sinh ra từ gót chân của Phạm thiên cho nên họ là những người nô lệ thuộc thành phần thấp kém nhất trong xã hội.

Đức Phật là người xuất thân từ một giai cấp thượng đẳng trong xã hội Ấn Độ đương thời. Nhưng Ngài không xem thể chế giai cấp là khuôn vàng thước ngọc cần phải duy trì và bảo vệ. Ngài đã đưa ra ý niệm vô ngã để khai mở một cái nhìn mới về vũ trụ, nhân sinh giúp con người tiến đến sự thật trên con đường khám phá thực tại. Quan niệm vô ngã đồng thời cũng là một sự công phá vào thành lũy kiên cố và lâu đời của hệ tư tưởng Vệ-đà lấy hữu ngã làm nền móng. Vì vậy mà ý niệm vô ngã được xem như một cuộc cách mạng vĩ đại nhằm xóa bỏ chế độ giai cấp để hướng về một xã hội



bình đẳng và có nhiều tình thương.

Ngày nay có những người khi nhìn thấy một ai đó vừa mới qua đời, thì họ trực tiếp hoặc bảo người khác sờ vào tử thi để tìm kiếm hơi ấm còn lưu lại sau cùng ở vị trí nào trên bốn phần của thi thể. Họ cho rằng nếu hơi ấm còn lưu lại sau cùng nơi phần đầu thì người chết sẽ được sinh về Thiên giới. Nếu như ở phần ngực thì sinh làm người, phần bụng thì sinh làm súc sinh và phần chân thì rơi xuống địa ngục. Khởi nguyên của quan niệm này không biết từ đâu. Có lẽ do một ai đó vẽ ra hoặc có thể họ dựa vào *kinh Vệ-đà* để xây dựng một "học thuyết mới" nhằm thiết lập ra bốn giai cấp để phục vụ cho người quá cố.

Từ ý tưởng này nó gây ra không ít lo lắng, đau khổ

cho những gia đình có người thân đã khuất. Rồi xa xôi hơn nữa khi nghĩ tới một ngày kia cái hơi ấm đó nó có đồn trú trên "vùng bốn" của hình hài mình không? Nếu như vậy thì chắc mình phải xuống địa ngục để bị hành tội và sống chung với các loài ma quái.

Chúng ta biết rằng bất cứ một điều nào gây cho con người sự bất an, đau khổ thì điều đó không phải xuất phát từ giáo pháp của Phật. Bởi giáo pháp của Phật luôn là sự băng bó trị liệu và tất cả các góc nhìn đều dựa trên kiểm chứng. Và lại quan điểm trên cũng chống trái với tinh thần vô ngã, bình đẳng phi giai cấp của đạo Phật. Nếu đi tìm chỗ trở về theo cách đó thì có lẽ "Đường chạy vòng quanh một đời tiều tụy" mà cũng không thấy được.

Chúng ta không thể nào biết nổi hành trình của một chiếc lá hay một hoa cam thì làm sao biết được chỗ đi về của một con người đã chết. Nhưng không hẳn sau khi chết rồi thì mới ra đi. Chiếc lá nó không đợi đến lúc lìa cành mới lên đường đi luân hồi, nó đã đi luân hồi từ khi còn ve vẩy trên cây, từ khi mùa thu chưa tới. Cũng như nước, nó không phải chờ đợi đến mùa khô hạn ao hồ trơ đáy thì mới đi luân hồi. Nó đã lên đường từ khi mấy chú ếch còn ngồi trong ao và mấy chú cá rô con còn tung tăng bơi lội.

Đứng trên bình diện rộng mà xét thì ta, người thân của ta cũng như chiếc lá, hoa cam đều không phải là khác (phi dị). Nếu như có một khoảnh khắc nào đó trong đời ta thấy được quê hương của mình thì đồng thời ta cũng thấy được quê hương của chiếc lá, hoa cam hay người thân của mình nữa.

Qua câu chuyện đi tìm hơi ấm trên tử thi làm chúng tôi nhớ đến mẩu đối thoại giữa Đức Phật và ngài Anurādha. Đức Phật hỏi: Này Anurādha, thấy nghĩ sao, có thể nhận ra Như Lai nơi hình sắc không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không.
- Có thể tìm Như Lai ngoài hình sắc không?
- Bạch Đức Thế Tôn, không.
- Có thể nhận ra Như Lai nơi cảm thọ, tư tưởng, hành nghiệp và nhận thức không?
- Bạch Đức Thế Tôn, không.
- Có thể nhận ra Như Lai ngoài cảm thọ, tư tưởng, hành nghiệp và nhận thức không?
- Bạch Đức Thế Tôn, không.

Đức Phật nhìn ngài Anurādha mỉm cười và nói: Ta đang ngồi sờ sờ trước mặt thấy đây mà thấy không tìm thấy, vậy thì sau khi ta ẩn diệt thì làm sao thấy có thể tìm thấy ta được.

Mẩu đối thoại khá lý thú này được chép lại trong *Kinh A-Na-Luật-Đà*.

Như vậy, để biết được chỗ trở về của mình hay người thân của mình là vấn đề tu tập chứ không phải lục lạo tìm kiếm trên trời dưới biển, bên trong bên ngoài hay phải sờ mó dò tìm hơi ấm còn đọng lại chỗ nào trên một tử thi. ■



Băng-cóc mùa Phật đản

áo vàng, áo đỏ và sinh nhật Đức Phật

TRẦN ĐĂNG KHOA

Nơi mà tôi muốn có mặt trong mùa hè này là Thái Lan. Các bạn thận trọng thì sẽ mắng tôi là "cái thằng dở hơi, nơi ổn định yên bình không đi mà đi vô chỗ bất ổn như rứa", các bạn cười mở hơn thì sẽ nói "thằng cha ấy nó thích phiêu lưu". Thực sự thì tôi chỉ có một lý do là "Tôi yêu dân tộc Thái". Tôi muốn chứng kiến sự thay đổi và chia sẻ với người Thái nỗi đau của sự chia rẽ.

Tôi đến Thái Lan lần đầu tiên cách đây 13 năm. Những hình ảnh đầu tiên của xứ sở này làm tôi mềm lòng: nụ cười vui vẻ trẻ trung của cô nhân viên sân bay giữ giùm hành lý, ánh mắt thân thiện của anh lái xe bus từ sân bay vào phố, đám học sinh tan trường chứng

chắc và đoàn nhà sư trong nắng bên ngoài Hoàng cung. Một thoáng Băng-cóc ấy vẫn còn nguyên sau chừng đó năm, chưa một lần quay lại. Chừng đó hình ảnh đủ xua đi những lời đàm tiếu về xứ Thái vào những năm đầu thập niên 90, nào là sự phát triển lộn xộn gây ra nạn kẹt xe (sau này tôi tự hỏi cái nạn kẹt xe ấy so với điều đang diễn ra ở đường Nguyễn Hữu Cánh, Hai Bà Trưng... thì như thế nào?), nào là nạn mại dâm lan tràn (lúc ấy hình như chưa có phong trào tìm chống Đài Loan hay Hàn Quốc)... Thế rồi người Việt lũ lượt rủ nhau đi Thái Lan du lịch, các đồng nghiệp, bè bạn có người đi vài lần trong năm. Tôi nghe kể lại nhiều về Thái Lan, đất nước ấy không còn xa xôi nữa, vậy mà bởi cái duyên làm sao, tôi chưa hề trở lại.



Thái Lan là đất nước duy nhất ở Đông Nam Á, và thứ hai tại châu Á (nước kia là Nhật Bản) không rơi vào ách thực dân trong hơn 400 năm qua. Trước những hạm thuyền phương Tây dữ dằn vào thời đó, Băng-cốc dang tay chào đón, không im lìm bất hạnh như Đà Nẵng hay Thượng Hải. Đế quốc Siam biết mình phải thay đổi. Quốc hiệu thay đổi và nhiều thứ thay đổi theo. Thái Lan, xứ sở của người Thái, những người tự do, nhẹ nhàng tham gia vào chính trường thế giới. Lịch sử ghi công hai vị vua anh minh, Mongkut và con là Chualongkorn, khởi đầu cho những cải cách xã hội làm nền tảng cho nước Thái đi lên.

Phật giáo từ lâu đã là nền tảng của dân tộc Thái, điều ấy làm cho người Thái cởi mở và hiếu hòa. Vua Mongkut đã có thể hào hứng bàn luận về Moise và kinh Thánh với các giáo sĩ, trong hoàng cung của ông các công chúa và hoàng tử học tiếng Anh để chuẩn bị cho “toàn cầu hóa”. Phải chăng tinh thần Phật giáo đã làm cho người Thái dễ dàng chấp nhận những điều mới? Tránh xung đột, xả bỏ mọi ưu phiền! Những nhận định có vẻ ngược đời vào cái thời điểm mà một phần Băng-cốc vẫn còn những cột khói đen chưa tắt.

Tư tưởng Phật giáo ngay từ đầu đã được người khai sinh ra nó đánh giá là khó lòng được thông hiểu bởi mọi người. Chỉ với tinh thần Bồ-tát mà Đức Phật và các đệ tử của Ngài mới dẫn thân mang đuốc Tuệ trên đường khai sáng đầy chông gai. Ngay lúc còn tại thế, Ngài cũng đã từng bắt lực nhìn cuộc chiến thăm sát dòng họ mình bởi sự sân hận u mê quá lớn. Và trong suốt lịch sử xiển dương Phật giáo không ít lần sự sân hận u mê ấy lại bùng phát đầy máu của chiến tranh và bạo lực. Các cuộc ám toán đằng sau bức tường điện Potala ở Tây Tạng, cuộc chiến Miến-Thái của những vị vua theo Phật để tranh giành xá lợi! Những sân hận u mê ngay trong Tăng đoàn, ngay giữa những người con Phật.

Đất nước Phật giáo Thái Lan cũng không tránh được những duyên nghiệp chống chọi của của u minh. Cuộc

cách mạng năm 1932, rồi các cuộc biểu tình cuối thập niên 80,... là những xung đột chính trị trên cõi thế, là những chập chờn của đuốc Tuệ ở cõi Tâm. Người Thái đều thoát ra khỏi những bi kịch ấy với ít tổn thương nhất, nếu so với những cuộc cách mạng vĩ đại khác, ở nơi khác. Máu đã đổ trong cuộc xung đột lần này của hai phe đỏ và vàng trong hai năm qua, đất nước Thái đã đứng bên bờ nội chiến. Các cột khói đen đầy u tối ám ảnh bầu trời Băng-cốc trong mấy tuần qua. Người đứng đầu chính phủ Thái kêu gọi hòa giải sau khi bạo lực đã bị dập tắt bằng bạo lực. Những thủ lĩnh áo đỏ buông vũ khí, họ nói rằng họ đau lòng trước bạo lực. Tôi tin lời cả hai phía, một bên từ bỏ bạo lực, còn bên kia phải cải cách xã hội. Tôi tin lời một quan chức Thái rằng đất nước Thái Lan sẽ có một nền dân chủ khỏe mạnh hơn sau biến động này. Những người Thái sẽ lại tìm được tiếng nói chung, sẽ thức tỉnh sau những giây phút sân hận u mê không lý trí. Sẽ là u mê hơn đối với những người mong muốn cho dòng đầu tư từ bỏ người anh em láng giềng đang hoạn nạn, những người chưa gì đã “nâng quan điểm” một cuộc đấu tranh giai cấp (nếu như vậy thì tôi cũng không biết xếp ông Thaksin vô giai cấp nào). Với lòng chân thành, chúng ta hãy mong cho ánh đạo vàng lại rực rỡ trên đất Thái, mong cho ông Thủ tướng hòa giải được bất đồng với những người anh em áo đỏ của mình (ông vẫn công nhận những bất hòa chứ không đổ cho một thế lực ngoại bang nào cả).

Những cơn gió mùa nóng ẩm sẽ xua tan những cột khói vô xe ở Băng-cốc. Chính những cơn gió mùa này ngày xưa đã mang những nhà sư vượt trùng dương cùng tư tưởng Phật giáo đến cho vùng Đông Nam Á. Hoa lan sẽ nở và du khách sẽ trở lại với đất nước của nụ cười. Tôi nhớ về cái đêm Băng-cốc mùa Phật đàn năm xưa với tràng hoa nhài thơm nhẹ trong một ngôi chùa. Mùa Phật đàn lại đến, tôi mong trở lại Băng-cốc để thấy cả màu đỏ lẫn màu vàng đều nằm trong lá cờ của Đức Thế Tôn. ■

Nét đạo trong chuyện đời

Cúng dường ngọc quý

Một vị đại sư đang ngồi thiền bên bờ sông thì một đệ tử thế tục đến quỳ xuống đặt dưới chân ngài hai viên ngọc trai lớn, thể hiện lòng tôn kính của anh ta. Vị đại sư mở mắt, hờ hững nhặt một viên ngọc trai lên đặt trên tay. Bất ngờ, viên ngọc trượt ra khỏi tay ngài rồi lăn xuống dòng sông. Người đệ tử thế tục sửng sốt và vội lao nhanh xuống nước, nhưng anh ta lặn tìm đến tận cuối buổi chiều cũng không kết quả. Sau cùng, ướt loi loi ngoi và mệt đến đứt hơi, anh ta làm kinh động đến cuộc thiền định của đại sư, hỏi, "Hẳn là thầy phải nhìn thấy chỗ viên ngọc rơi xuống. Xin thầy chỉ giúp con để con lấy lại viên ngọc ấy cho thầy". Vị đại sư nhặt viên ngọc còn lại lên ném xuống mặt nước và nói, "Chỗ ấy đấy".

Kẻ cờ bạc

Một người đàn ông cùng với vợ đến thăm bạn ở một tỉnh khác và được mời xem đua ngựa. Bị quyến rũ bởi hình ảnh bảy ngựa đua nhau trên đường đua, hai người lao vào các cuộc cá cược suốt buổi chiều cho đến khi chỉ còn được hai đô-la. Hôm sau, người đàn ông thuyết phục được bà vợ để anh ta đến trường đua một mình. Có một con ngựa được cá với mức năm mươi ăn một trên vòng đua đầu tiên. Anh ta đặt cược vào con ngựa đó và cuối cùng, ngựa về ngược, anh ta thắng độ. Anh ta lại đặt tất cả số tiền đang có vào một cuộc cá độ

mà phần thắng rất mong manh. Thật bất ngờ, anh ta lại thắng. Cứ thế suốt buổi chiều, anh ta chỉ đặt cược vào những con ngựa ốm yếu nhất và đến cuối ngày, anh ta đã có tất cả bảy mươi lăm ngàn đô-la.

Trên đường về nhà, anh ta đi ngang một xóir bạc. Cùng một linh tính đã hướng dẫn anh đặt cược vào những con ngựa trên đường đua bảo với anh, "Hãy vào thử thời vận một lần nữa". Bước vào, anh ta đến trước một sòng bạc kiểu quay số. Linh tính lại nói cho anh ta con số mười ba. Anh ta đặt tất cả bảy mươi lăm ngàn đô-la vào số mười ba. Khi bánh xe quay số dừng lại, người hồ lý xướng, "Số mười bốn thắng".

Người đàn ông thất thểu ra về, trong túi không còn một xu. Bà vợ đứng đón anh ta trước cửa, hỏi dồn, "Thế nào?" Anh ta nhún vai trả lời, "Tôi đã thua mất hai đô-la".

Cái chết của người khổ khổ

Một người nửa đời khổ sở tích cóp được số tiền năm trăm ngàn đô-la đang mong đợi nghỉ ngơi một năm thật thoải mái trước khi quyết định tiếp tục đầu tư tiền bạc vào việc làm ăn mới thì thần chết đến đòi mạng.

Anh ta van xin lay lục và đề nghị đổi một trăm ngàn đô-la lấy một vài tuần nghỉ ngơi nhưng thần lắc đầu quầy quậy. Anh ta năn nỉ, "Vậy thì xin ngài cho tôi thêm ba ngày nữa, tôi sẽ chuyển cho ngài một nửa những gì tôi có". Thần chết không thèm nghe anh ta nói và bắt

đầu túm lấy kẻ khốn khổ. "Tôi lạy ngài, hãy cho tôi một ngày thôi, và tôi sẽ cúng dường ngài tất cả những gì tôi đã đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có được". Vị thần chết cũng không hề xiêu lòng.

Anh ta cũng nài nỉ để thần chết cho phép anh ta có được vài phút ghi lại mẫu giấy như sau, gửi lại cho hậu thế, "Xin gửi cho bất kỳ người nào tình cờ đọc được mẫu giấy này. Nếu bạn vẫn còn đủ phương tiện để sống, đừng nên phung phí cuộc đời trong việc tích góp của cải mà hãy biết sống. Hãy sống! Năm trăm ngàn đô-la của tôi không mua nổi một giờ cho cuộc sống thanh thoi của mình".

Loại trà ngon nhất Nhật Bản

Một nhóm nhà quý tộc Nhật Bản đã có tuổi thường gặp nhau hàng tuần để trao đổi tin tức và uống trà. Một trong những thú tiêu khiển của họ là tìm kiếm các loại trà ngon và pha trộn để tạo nên những hỗn hợp mang lại hương vị cho thanh giọng. Đến lượt người lớn tuổi nhất và cũng là người có địa vị cao nhất trong nhóm thiết đãi các bạn. Ông pha trà bằng một nghi thức trịnh trọng với những động tác vừa uyển chuyển vừa tinh tế, đếm từng giọt trà một được chứa trong một cái thau bằng vàng. Mọi người đều ca ngợi hương vị tách trà mà ông rót vào từng chiếc chén hột mít một cách thật cẩn thận rồi yêu cầu ông cho biết cách pha trộn cùng thành phần của thứ trà mà ông vừa thiết đãi. Ông mỉm cười, chậm rãi trả lời, "Thưa quý ngài, thứ trà mà quý ngài vừa thưởng thức và khen ngợi đó chỉ là loại trà vẫn thường được nông dân trong trang trại của tôi uống cho đã khát hàng ngày. Điều đó cho thấy những gì tinh tế nhất trong cuộc sống thật ra không đắt và cũng chẳng hề khó kiếm".

Kẻ mộ đạo đáng bị trục xuất khỏi sơn môn

Một người mộ đạo đến trước một vị đại sư xin được truyền giáo pháp giải thoát. Vị đại sư thì thắm vào tai kẻ mộ đạo một câu thần chú và giảng giải rõ về các biện pháp tu tập theo sự hướng dẫn của câu thần chú đó. Rồi, trước mặt các đệ tử khác, ngài lưu ý kẻ mộ đạo không được tiết lộ câu thần chú ấy cho bất kỳ người nào khác.

"Bach đại sư, nếu như con tiết lộ câu thần chú ấy thì chuyện gì sẽ xảy ra?", kẻ mộ đạo hỏi lại.

Vị đại sư nói, "Bất kỳ ai nhận được câu thần chú do con tiết lộ và chịu khó tu tập theo sự hướng dẫn của câu thần chú đó đều sẽ được giải thoát khỏi mọi triền phược của vô minh. Riêng con, con sẽ bị loại trừ khỏi hàng ngũ đệ tử của ta và chịu sự đau khổ vì đọa vào ác đạo".

Nghe được những lời giáo huấn đó, kẻ mộ đạo lập tức đến chốn thị tứ. Sau khi tập hợp quanh mình một đám đông sẵn sàng nghe giảng pháp, người này tuyên đọc câu thần chú và giảng giải rõ về các biện pháp tu tập đúng như những gì người ấy đã được nghe đại sư truyền dạy.

Nghe được chuyện ấy, các đệ tử khác của vị đại sư liền mách với thầy và yêu cầu đại sư công bố việc trục

xuất kẻ mộ đạo ra khỏi sơn môn vì tội không vâng lời.

Vị đại sư bật cười và bảo, "Kẻ kia cố còn cần ta dạy bảo điều gì nữa đâu? Hành vi của người ấy đủ chứng tỏ người ấy xứng đáng là một vị thầy rồi".

Quả tim loài chuột

Có một con chuột khổ sở vì lúc nào cũng cảm thấy sợ loài mèo. Nó tìm đến một vị thuật sĩ bày tỏ nỗi lòng. Vị thuật sĩ lấy làm thương hại mới biến nó thành con mèo. Trong lột mèo, nó cho biết nó lại run sợ trước loài chó. Vị thuật sĩ bèn biến nó thành con chó. Khi đã thành chó, nó lại sợ cạp. Vị thuật sĩ bèn biến nó thành cạp. Dưới lột cạp, nó sợ người thợ săn.

Đến lúc ấy, nhà thuật sĩ đành chịu thua. Ông biến nó trở thành con chuột như cũ và nói, "Dù ta có làm gì đi nữa thì tất cả những việc ta làm cũng chẳng giúp được gì cho nhà ngươi khi nhà ngươi chỉ có một quả tim của loài chuột".

Ông già trên đảo

Có một ông già đã từng sống gần hết cuộc đời của mình trên một hòn đảo, một nơi được coi là hòn đảo đẹp nhất thế giới. Khi ông về hưu và đến sống tại một thành phố lớn, có người nói với ông, "Hắn thật là tuyệt vời khi được sống bằng ấy năm trên một hòn đảo được coi là đẹp nhất thế giới như vậy". Ông già ngẫm nghĩ một lát rồi trả lời, "Thật tình mà nói, nếu như tôi được biết hòn đảo ấy nổi tiếng đến vậy, tôi đã ngẫm nhìn nó rồi".

Biết cách lắng nghe những lời lăng mạ

Layla là một vị nữ hoàng của một vương quốc Ả-rập. Trí tuệ của bà soi sáng mặt đất chẳng khác ánh mặt trời, vẻ đẹp của bà làm mọi đàn ông trở nên mù lòa và của cải của bà không một thần dân nào sánh kịp. Một hôm, viên quan đại thần làm cố vấn cho bà xin triều yết và tâu, "Tâu lệnh bà, lệnh bà là người phụ nữ khôn ngoan nhất, xinh đẹp nhất và giàu có nhất trên cõi đời này. Nhưng thần vẫn nghe được những điều không vừa ý. Có những kẻ dám cười nhạo hoặc bình phẩm những quyết định của lệnh bà. Mặc cho tất cả những gì lệnh bà đã làm cho thần dân của mình, tại sao vẫn còn có kẻ chưa hài lòng?".

Nữ hoàng mỉm cười trả lời, "Này viên cố vấn trung thành của ta, ông là người biết rõ những gì ta đã làm cho vương quốc này. Dưới quyền kiểm soát của ta, cả bảy trấn đều thanh bình và thịnh vượng. Tại mọi thành phố, những quyết định do triều đình ban hành đều công chính và có tính sáng tạo. Ta có thể thực hiện bất kể điều gì ta muốn. Ta có thể ra lệnh đóng cửa biên giới, khóa chặt cổng ra vào hoàng thành hoặc niêm phong vĩnh viễn mọi kho tàng. Nhưng vẫn có một điều ta không thể nào làm được, ấy là việc khờp mở mọi thần dân trong lãnh thổ. Có đáng gì đâu những điều sai lạc mà dân chúng rêu rao? Điều quan trọng là cứ tiếp tục làm những gì mà ta chân thành biết chắc đó là điều công chính".

Lương Danh Sơn sưu tầm và dịch



Câu chuyện tô mì

THANH TIẾN

Truyện này được Phạm Thị Hạnh Hoa giới thiệu trên tờ báo *Phụ Nữ Chủ Nhật TP.HCM*, số 37 (29-9-2002). Tôi trình bày câu chuyện trong phần chữ in nghiêng và chen vào đó một số ý của mình trong phần chữ còn lại. Thông điệp của câu chuyện là bạn hãy gieo trồng và nuôi dưỡng các việc tốt nhỏ nhất. Tôi thích truyện này hơn truyện *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn O. Henry, kể lại câu chuyện người họa sĩ già hy sinh mạng sống của mình để vẽ một cái lá thật sống động, đem lại niềm tin và cứu sống một cô gái trẻ bệnh tật và mất hy vọng. Đó là một câu chuyện cao thượng. Tuy nhiên, trong cuộc đời bình thường khó gặp những câu chuyện như *Chiếc lá cuối cùng*.

Câu chuyện ở đây bình thường hơn, và có phần nhạt nhẽo. Nhưng điều quan trọng là nó giải thích để bạn biết thế nào là việc tốt nhỏ nhất nhưng trọn vẹn và bạn

phải nuôi dưỡng nó ra sao. Hơn nữa, người làm điều tốt ấy cảm thấy sung sướng, hoan hỷ ngay khi còn đang sống, giống như người làm vườn hưởng được quả ngọt của cái cây chính mình đã gieo trồng và vun xới.

Câu chuyện này xảy ra cách đây năm mươi năm, khi nước Nhật vừa trải qua Chiến tranh thế giới thứ hai. Vào một ngày 31/12 lạnh lẽo, bà chủ tiệm mì Bắc Hải Đình đang đóng cửa để chuẩn bị đón giao thừa thì cánh cửa được đẩy ra nhẹ nhẹ. Một người phụ nữ dẫn hai đứa bé trai trạc chừng sáu tuổi và tám tuổi bước vào. Nhìn chiếc áo khoác lỗi thời của người phụ nữ, bà chủ mời họ vào tiệm. Người phụ nữ rụt rè nói: "Có thể... cho tôi... một tô mì được không?"

Người phụ nữ có lẽ đã đợi rất lâu ngoài trời lạnh. Ở Nhật, trong những ngày cuối năm thậm chí ta không thể đi ra ngoài vì trời tuyết. Cô đang trong cảnh thiếu thốn. Nhưng hai đứa trẻ thì lại muốn ăn mì vì chúng

thấy mọi người đều ăn mì sợi đón năm mới theo tục lệ của người Nhật. Trẻ con không như người lớn có thể giấu đi điều mong ước của mình. Thương hai đứa trẻ, muốn cho chúng giống mọi người, người phụ nữ dẫn chúng đi ăn mì. Có thể cô đã phải đi qua đi lại nhiều lần ngang tiệm mì, hỏi dò giá cả của một tô mì. Cô chỉ có thể mua một tô mì, mà tới ba người ăn, cho nên cô ngại ngần, sợ mọi người dè bủ, sợ ông bà chủ tiệm mì không bán cho cô, sợ hai đứa con của cô đau khổ. Cô và hai con đành phải chờ ngoài trời lạnh cho đến khi mọi người về hết mới vào tiệm. Đây là sự thiếu tự tin thường thấy ở những người túng quẫn. Nó là hệ quả của một thói quen xã hội luôn đánh giá người khác qua bề ngoài. Thiển sư Soko trong cuốn sách *Từ nụ đến hoa* (NXB Thanh Niên, 2003) có viết: "Đó là một xã hội mà trong đó tâm trí mỗi người đều đầy ắp những vấn đề riêng tư của mình; đó không phải là một thế giới trong đó người ta đối xử với nhau bằng sự thông cảm và quan tâm. Ngược lại, đó là một xã hội đẩy đẩy những người cảm thấy thích thú khi người khác thất bại, thường thức sự nghèo nàn của hàng xóm như một miếng thịt thơm ngon...". Người phụ nữ hoàn toàn lương thiện, cô gọi một tô mì và không ăn quyết, lẽ ra cô không nên rút rè như vậy. Nếu bạn không ăn cắp, không nói dối, không làm điều gì phải che giấu, bạn không có gì phải rút rè.

Bà chủ đáp "Vâng... vâng" rồi bà dắt họ vào bàn số hai, quay vào bếp gọi to "Cho một tô mì!"

Bà chủ thoáng ngạc nhiên, nhưng bà chẳng nói gì thêm. Nói bất cứ điều gì cũng không hay. Người già từng trải cuộc đời, qua những năm tháng chiến tranh, bà biết là người ta cần phải cẩn thận trong lời nói. Bà không nói gì nhưng đã chia sẻ với ba mẹ con. Bà chia sẻ điều gì? Bà chia sẻ điều bình an, điều làm cho người khác an tâm. Một số nhà văn cho rằng phải có vốn sống mới có thể viết được sâu sắc. Tuy nhiên, bạn chẳng cần phải từng trải, lịch duyệt mới có thể được như vậy. Theo dõi nội tâm mình, bạn có thể thấy những điều sâu sắc. Một người trẻ tuổi nhưng có thói quen chỉ nói những điều có lợi ích, không nói những điều phù phiếm, những điều không có mục đích, cũng sẽ xử sự được như bà chủ tiệm mì.

Ba mẹ con ăn tô mì ngon lành. Sau khi ăn xong, người phụ nữ trả một trăm năm mươi đồng, cảm ơn, cúi chào rồi bước ra khỏi quán. Ông bà chủ cùng nói: "Cảm ơn quý khách, xin chúc một năm mới vui vẻ".

Mặc dù chẳng nói gì cả, hai vợ chồng chủ tiệm mì đã tặng cho ba mẹ con người phụ nữ một món quà. Bạn có thể cho đi của cải, nhưng còn nhiều thứ khác có thể cho được: bạn có thể cho đi các quy tắc sống hữu ích và bạn có thể giúp người khác trở nên không sợ hãi. Ông bà chủ tiệm mì, bằng các hành động tử tế của mình, đã tặng một món quà đặc biệt: ba mẹ con có thể đến ăn mì ở Bắc Hải Đình, ba người một tô, mà không lo lắng. Món

quà tặng này thật là bình thường, dễ có nhưng đem lại nhiều lợi ích. Bạn có thể cho đi món quà này dễ dàng. Bạn chỉ cần về nhà đúng giờ, dễ chịu thoải mái, là đã đem tặng cho người nhà của mình sự bình an. Bạn đến nhà một người và có thể ban cho họ sự chia sẻ lớn lao. Chia sẻ điều gì? Chia sẻ sự yên ổn. Nếu bạn là người ngay thẳng thì sự có mặt có bạn làm chủ nhà không lo lắng về sự trộm cắp, an tâm về các hành động của bạn. Đó là sự chia sẻ mà không cần làm gì đặc biệt. Lời cảm ơn cuối cùng của ông bà chủ tiệm mì đã làm hoàn hảo hành động của họ. Có lẽ đó chẳng phải là "thuật đặc nhân tâm", họ cảm ơn thực sự vì đã bán được thêm một tô mì. Người bán phải cảm ơn người mua, vì nhờ có người mua mà họ có thể sinh sống được.

Đến 31/12 năm sau, khi bà chủ đang đóng cửa thì cánh cửa lại được đẩy ra nhẹ nhẹ. Nhìn thấy người phụ nữ với chiếc áo khoác lỗi thời và hai đứa trẻ, bà mời họ vào. Người phụ nữ rút rè nói: "Có thể... cho tôi... một tô mì được không?". Bà chủ đáp: "Vâng, vâng", dắt họ vào bàn số hai và quay lại nói to vào bếp: "Cho một tô mì".

Bà chủ hẳn đã không còn nhớ chuyện năm ngoái nữa. Tuy nhiên, bà sẽ nhớ lại câu chuyện giao thừa năm cũ. Bà không còn ngạc nhiên như trước. Người phụ nữ chắc cũng tự tin hơn năm ngoái vì đã một lần được tiếp đón tử tế. Chị bớt sợ hãi khi bước vào quán mì. Đó là món quà tặng mà ông bà chủ đã chia sẻ với chị. Người ta không chỉ chia sẻ với nhau tiền bạc. Chia sẻ tiền bạc để làm gì? Để giúp người khác. Giúp người khác để làm gì? Để họ thoát sự khó khăn. Thoát khó khăn để làm gì? Để có sự vui vẻ. Vui vẻ để làm gì? Để yên ổn. Vậy thì đâu cần tiền bạc mới được yên ổn. Nếu không có tiền, bạn vẫn còn nhiều thứ khác để giúp người khác yên ổn.

Ông chủ đáp: "Vâng, một tô mì" và cho thêm củi vào bếp. Ông bỏ nhiều mì vào nồi nước lèo và làm một tô mì to. Ăn xong, trả một trăm năm mươi đồng, ba mẹ con rời khỏi tiệm mì cùng với lời chúc năm mới của ông bà chủ tiệm.

Ông chủ đã chuẩn bị nghỉ bán, không cho thêm củi vào lò nữa. Bây giờ, để làm thêm một tô mì, ông phải cho thêm củi vào lò. Phải mất công một chút nhưng ông đã không ngại. Nếu câu chuyện diễn ra ngày nay thì chắc câu văn sẽ là "ông chủ bật bếp ga". Nhưng dù cho củi vào lò hay bật bếp ga thì lòng tử tế vẫn không thay đổi, thậm chí còn dễ thực hiện hơn. Năm ngoái ông bà chỉ âm thầm tặng món quà không sợ hãi cho ba mẹ con. Năm nay ông tặng thêm một ít thứ mà ông vốn dư dả. Ông tăng lượng mì trong tô cho họ. Chắc là ông rất muốn làm cho ba tô mì, nhưng người phụ nữ chỉ gọi một tô. Sợ người phụ nữ tự ái, tủi thân và nhiều nguyên nhân không thể ngờ được, ông đã làm một tô mì theo yêu cầu, nhưng ông cho nhiều mì vào đó. Món quà nhỏ nhưng đúng lúc và chứa đầy tấm lòng của ông chắc chắn được ba mẹ con nhận thấy.

Đến ngày 31/12 lần thứ ba, ông bà chủ tiệm mì đã chờ đợi ba mẹ con từ chập tối. Bàn số hai được để một tờ giấy:

“Đã đặt chỗ”. Khi mọi người ra về hết, ông chủ nhanh chóng tháo tấm bảng “200đ một tô”, thay bằng bảng giá cũ và cất tờ giấy ở bàn số hai. Ba mẹ con đã đến và được mời vào bàn số hai. Người phụ nữ với cái áo khoác cũ, khéo vá, nói: “Làm ơn... cho chúng tôi... hai tô mì”. Ông chủ nói to: “Vâng, hai tô mì, có ngay!”. Và ông đã bỏ ba phần mì trong hai tô.

Ngày hôm qua khác ngày hôm nay, việc tốt nhỏ nhặt của ông bà chủ quán càng lúc càng tăng trưởng. Nếu điều tốt không được vun trồng thì nó cũng tàn lụi theo thời gian. Bạn đừng để mình phải nhớ lại chuyện quá khứ và hối tiếc: “Hối đó, giá mà...”. Tôi nhớ đến một đoạn kệ xưa:

Nếu người làm điều thiện,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện được an lạc.

Ông bà chủ tiệm đã chờ đợi, chuẩn bị đón ba mẹ con người phụ nữ đến ăn mì. Niềm vui đó tuy nhỏ nhưng họ biết khéo léo nuôi dưỡng nó. Họ cũng rất vui mừng khi người phụ nữ bây giờ đã có tiền để gọi hai tô mì.

Ba mẹ con vừa ăn vừa chuyện trò. Người phụ nữ nói: “Bố các con chết vì gây ra tai nạn xe hơi. Tám người bị thương, công ty bảo hiểm chỉ bồi thường một phần. Vì vậy mấy năm nay, mỗi tháng mẹ đều phải nộp năm mươi nghìn đồng để trả phần chi phí còn lại. Lẽ ra đến tháng ba năm sau chúng ta mới trả hết nợ. Nhưng năm nay chúng ta đã nộp xong tất cả rồi”. Bà chủ quán đứng bên trong, không dám đứng đây. Người phụ nữ nói tiếp: “Các con đã giúp mẹ rất nhiều: anh cả đi giao báo, Tiểu Thuận giúp mẹ làm việc nhà. Hôm nay mẹ muốn cảm ơn các con”.

Gia đình người phụ nữ gặp khó khăn. Nhưng trong đó cũng có điều may mắn. Khi bị tai họa, người phụ nữ và hai đứa con phải cố gắng, cần mẫn để khắc phục sự không cẩn thận, sự thụ động, sự biếng nhác nhỏ nhặt trong cuộc sống của mình. Ba mẹ con chắc chắn không có thì giờ để tiêu tốn vào những việc không ích lợi. Họ cũng phải dựa vào nhau để vượt qua khó khăn, phấn đấu trong cuộc sống. Do vậy họ đã thu thập được nhiều bài học và thành tựu trong cuộc sống. Tai họa lớn của họ thành nhỏ, tai họa nhỏ không nảy sinh thêm. Trong khi đó có những người sinh ra trong hoàn cảnh thuận lợi thì do sự phóng túng xa hoa, ham muốn nhiều điều vô ích, lười biếng ngày càng tăng trưởng nên tai họa nhỏ trở thành lớn, tai họa chưa có từ từ sinh ra. Vậy nên mới có câu: “Nếu gặp nhiều gian nan thì chí người đó thành, nếu không có gian nan thì thân người đó mất. Được tức là đầu mối của mất, mất tức là nguyên lý của được”.

Đứa bé trai lớn nói: “Tiểu Thuận và con có một bí mật chưa nói cho mẹ biết. Thấy giáo của Tiểu Thuận ra đề bài văn tháng mười một với đề tài: Chí hướng và nguyện vọng của em là gì? Tiểu Thuận đã kể lại chuyện tô mì ăn vào ngày 31/12, kể lại lời cảm ơn và chúc mừng năm mới của

hai vợ chồng ông bà chủ tiệm mì đã giúp cho ba mẹ con vượt qua khó khăn như thế nào. Cuối cùng Tiểu Thuận mơ ước sau này sẽ trở thành ông chủ một tiệm mì lớn nhất Nhật Bản và cũng sẽ nói với khách của mình những câu: Cố gắng lên! Chúc hạnh phúc! Cảm ơn!”. Đứng sau bếp, hai vợ chồng chủ tiệm mì lắng nghe ba mẹ con nói chuyện mà nước mắt lăn dài.

Chỉ với bốn tô mì, một món quà gần như không có giá trị với những người có của ăn của để, ông bà chủ đã thực hiện được thêm hai dạng quà tặng: nâng cao lòng tự tin cho ba mẹ con, bớt đi sợ hãi đối với cuộc đời và, quý giá hơn, đem lại cho hai đứa bé trai lòng ước mong làm điều tốt. Ông bà chủ đã tạo ra món tài sản vô giá. Thật là:

Bạc trí với ít vốn,
Bạc có mất, ít hàng,
Tự xây dựng cho mình
Tài sản lớn như vậy.
Như dùng hơi thở mình
Thổi lớn đám lửa nhỏ.

Sau lần ăn mì đó, ba mẹ con nhiều năm liền không quay trở lại tiệm mì. Theo thời gian, toàn bộ bàn ghế, nội thất của tiệm Bắc Hải Đình dần dần thay đổi nhưng bàn số hai cũ kỹ vẫn được giữ như xưa. Đến gần giao thừa mỗi năm, tờ giấy “Đã đặt chỗ” lại được đặt lên bàn này. “Việc này có ý nghĩa như thế nào?”, nhiều thực khách ngạc nhiên hỏi. Ông bà chủ lại kể lại câu chuyện xưa. Dần dần, bàn số hai trở thành “cái bàn hạnh phúc”, ai cũng muốn có cảm giác được ngồi ăn mì ở đó một lần.

Ở đây ta thấy điều vĩ đại trong một chuyện nhỏ. Ông bà chủ tiệm mì quả là khéo vun trồng điều thiện của mình. Từ chuyện chỉ xảy ra vào những khoảnh khắc ngắn ngủi của ba đêm 31/12 so với 730 ngày của hai năm liên tiếp, hai ông bà đã giữ lại cái bàn số hai. Mỗi khi nhìn thấy cái bàn, việc tốt kia lại được gợi đến. Vậy điều tốt ấy được nhắc nhở hằng ngày. Hai ông bà làm nó càng tăng trưởng hơn nữa khi kể lại câu chuyện ấy cho nhiều người. Điều ấy làm cho hững người tốt bụng cảm thấy phần khởi, còn những người xấu bụng cũng phải có vài khoảnh khắc không nghĩ đến điều ác. Hành động thiện nhỏ nhoi đã không bị biến mất. Hai ông bà chủ tiệm mì đã biến nó thành một hành động thiện toàn diện. Tôi bỗng nghĩ đến hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM của người Nhật, trong đó thành phần cốt lõi của nó là sự cải tiến chất lượng liên tục bao gồm một số lượng lớn các cải tiến nhỏ, thực hiện trong một thời gian dài không ngưng nghỉ, và ở tất cả các mặt. Cách đây năm mươi năm, hai ông bà chủ tiệm mì đã làm điều đó cho việc thiện của mình. Và bạn có thể hình dung được vì sao hệ thống TQM lại phát triển ở Nhật Bản.

Cho đến ngày 31/12 năm nọ. Đã thành thông lệ, đến gần giao thừa, những người ở lân cận tiệm Bắc Hải Đình lại đến ăn mì rồi sau đó đi bái thần. Không ai nói ra nhưng tất cả họ đều chờ một điều gì đó sẽ xảy ra ở bàn số hai.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cò Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cò Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền & Tâm Hoa (California - USA)	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Định	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đinh Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 493 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaov@vnn.vn

Ban Biên tập



Trước kia, đến gần giao thừa, quán mì đóng cửa. Còn bây giờ thì ngược lại, đến thời điểm ấy, người ăn mì lại đông. Doanh số bán tăng lên hẳn. Điều thiện ông bà chủ thực hiện cách đây nhiều năm đã đem lại kết quả thật kỳ lạ. Khi làm điều tốt cho người khác, bạn cũng làm điều tốt cho chính mình. Và tất nhiên khi làm điều có hại cho người khác, nó cũng hại chính mình.

Đến 10g30 tối, cửa tiệm bỗng nhiên mở ra nhẹ. Mọi người liền im bật. Hai thanh niên mặc veston, tay cầm áo khoác bước vào. Bà chủ bước ra định xin lỗi khách vì quán đã hết chỗ thì một phụ nữ ăn mặc lịch sự bước vào. Mọi người trong tiệm dường như nín thở nghe người phụ nữ ấy nói chậm chậm: "Làm ơn... cho ba tô mì... có được không?". Gương mặt bà chủ tiệm chợt biến sắc, còn ông chủ tiệm thì lắp bắp hỏi: "Các vị... các vị là...". Một trong hai thanh niên trả lời: "Vâng, cách đây mười bốn năm, ba mẹ con cháu đã cùng ăn một tô mì ở đây, nhận được sự khích lệ từ lòng tử tế của ông bà đây, ba mẹ con cháu đã có thêm nghị lực sống qua thời khó khăn. Sau đó ba mẹ con cháu đã chuyển đến sống ở nhà ông ngoại. Năm nay cháu đã sắp tốt nghiệp trường Y khoa và sẽ đến làm việc tại bệnh viện của vùng này. Còn em cháu thì mơ ước làm chủ tiệm mì lớn nhất Nhật Bản không thành, hiện đang làm nhân viên của ngân hàng Kinh Đô. Hôm nay ba mẹ con cháu muốn đến chào hỏi mỗi người và ăn mì ở Bắc Hải Đình".

Ông bà chủ tiệm thật là hạnh phúc vì điều ông bà mong chờ đã đến. Cậu bé anh cả bây giờ đã thành bác sĩ, với lòng nhân ái mà anh đã nhận được từ bé, chắc chắn anh sẽ là một bác sĩ có lương tâm. Còn Tiểu Thuần, chắc chắn sẽ là một nhân viên tích cực, có trách nhiệm. Các nhà văn thường băn khoăn về việc nên để kết thúc tác phẩm của mình có hậu hay là không có hậu. Tuy nhiên vấn đề có lẽ ở chỗ các nhân vật được mô tả có làm một điều tốt gì đấy một cách trọn vẹn hay không. Nếu quan sát kỹ sự dụng công của ông bà chủ tiệm mì, bạn có thể thấy rằng kết thúc có hậu thật là tự nhiên. Câu chuyện còn một đoạn nhỏ nữa thì kết thúc, nhưng ai cũng có thể biết được nó là gì. Vì thế tôi sẽ không viết ra đây.

Tôi có quen một người bạn đã có thời viết truyện ngắn. Anh nói anh không thể viết truyện ngắn được nữa. Tôi hỏi "Vì sao?". Anh trả lời: "Cái cốt yếu nhất trong truyện ngắn là nó phải có một thông điệp, và điều đó phải được dàn dựng để đến đoạn cuối cùng người ta mới nhận ra được và "à" lên một tiếng". Tôi không phải là dân văn chương nên không thể bình luận gì. Tôi chỉ biết là có những loại truyện ngắn không phải như vậy, thông điệp của nó có thể nói được từ đầu nhưng đọc cho đến dòng cuối cùng ngấm ý vẫn trùng trùng điệp điệp. Loại truyện ngắn như vậy người ta không cần dàn dựng gì, không cần kỹ thuật đặc biệt nào mới trở nên hấp dẫn. Có lẽ vì nó đi vào nơi nội tâm sâu thẳm của từng con người. Truyện ngắn này cũng được như vậy chăng? ■

Bụi bên ngoài tọa cụ

GARY THORP

Khi chúng ta bắt đầu tu tập một thời gian, có nhiều khả năng tọa cụ của chúng ta sẽ trở thành một hòn đảo giữa một đại dương hỗn độn. Cỏ dại sẽ mọc đầy vườn, đồ vật sẽ ngổn ngang trong nhà. Và đến một lúc nào đó, chúng ta phải sắp xếp nhà cửa lại cho ngăn nắp.

Đối với phần đông chúng ta, chăm sóc nhà cửa đã trở thành công việc thường xuyên. Tuy nhiên, khi cầm một tấm giẻ lau hay một bàn chải để lau rửa nhà, chúng ta thường có một tâm trạng không mấy hăng hái hay thoải mái, có khi bức bối.

Dưới con mắt Phật giáo, nếu chúng ta có một cái nhìn bình tĩnh và đúng đắn, những công việc lật vật hàng ngày có thể được thực hiện một cách khéo léo để trở thành một nghệ thuật.

Ở một số phương diện nào đó, những công việc hàng ngày giúp cho Thiền Phật giáo không bị lãng quên. Trong thế kỷ thứ tám và thứ chín, các tự viện Phật giáo có rất đông Tăng sĩ, một số vào đó để khỏi đi lính, trốn tránh những phiền toái của đời sống gia đình, không phải đóng thuế và tạp dịch. Ngồi trên bồ đoàn và thỉnh thoảng đọc kinh sách thích thú hơn nhiều so với thực tế của đời sống bên ngoài. Và Thiền sư Bá Trượng đã đơn thương độc mã cứu vãn tình trạng đó của Phật giáo. Với nguyên tắc "*Không làm không ăn*" ngài đã đưa Tăng chúng và các vị thầy vào đời sống bận rộn trong việc trồng trọt và thường xuyên tu bổ chùa chiền. Với cách này, ngài làm sống lại đời sống trong cộng đồng tự viện và tiếp sinh khí cho việc hành thiền. Tự viện bận rộn với những sinh hoạt hàng ngày, và người nào chảnh mảng sẽ bị yêu cầu rời khỏi. Năng lượng tạo ra trong những lúc làm việc chung có một hiệu quả trực tiếp và năng động trên việc tham thiền của chư Tăng và mài dũa sự thiện xảo của vị thầy. Ngay cả những thời gian tĩnh lặng trong ngày cũng thấm đẫm ý nghĩa mới mẻ.

Trong những trung tâm tu tập ngày nay, khi chúng ta quét dọn mạng nhện ở thiền đường hoặc lau bồn nước ở nhà bếp, chúng ta đang trải nghiệm một sự kết nối sống động, trực tiếp, và tức thời với ngài Bá Trượng cũng như với tất cả các vị thầy đi theo bước chân của ngài. Với sự bền bỉ không lay chuyển nhưng đầy lòng lân mẫn, những bậc tiền bối của chúng ta đã có mặt ở mọi ngõ ngách trong đời sống của chúng ta.

Có thời gian tôi sống trong một căn hộ nhỏ đến nỗi muốn mở cửa lò nướng, tôi phải bước ra ngoài hành lang. Căn phòng với chỉ một cái giường, một máy khâu thanh, và một thùng rác tông để đựng sách. Tôi để áo quần trong một nhà kho ở tầng dưới. Ngay cả trong một không gian hạn chế như vậy, vẫn có việc để làm. Yêu cầu bảo trì đi theo chúng tôi ở mọi nơi.

Thi sĩ người Ý, Cesare Pavese viết trong nhật ký của ông rằng chúng ta không bao giờ nhớ những ngày, chúng ta chỉ nhớ những phút giây. Và những vị thầy Thiền tông nói với chúng ta rằng khoảnh khắc này là khoảnh khắc duy nhất mà chúng ta có. Có thể đó là cách nhìn vào sự giác ngộ. Nó không phải là sự đạt đến hoặc thu hoạch được một thứ gì. Cũng không phải là mất đi hay lấy được một thứ gì. Đơn giản là bước ra ngoài căn phòng đang ở và mở cánh cửa lò nướng. Là kiểm soát nhiệt độ và lau chùi nước đổ tháo dưới chân.

Dụng cụ tốt nhất thường là cái gần nhất, và làm sạch chỗ ở của chúng ta có thể là việc làm quen thuộc và gần gũi. Khi ngài Bá Trượng xóa bỏ hệ thống thứ bậc truyền thống, khuyến khích những công việc hàng ngày, trừng phạt thái độ biếng nhác của các tu sĩ, ngài đi xa hơn việc chỉ làm những công việc. Ngài đã tìm ra một phương pháp tu tập kết hợp tham thiền với những công việc vì nhu cầu hàng ngày. Và ngày nay không có gì thực tiễn hơn việc học cách chăm sóc chỗ ở. Chăm sóc nhà cửa có thể đưa đến một kết quả ăn sâu tận gốc. Tuy nhiên, chúng ta không nên lầm lẫn. Chúng ta



không phải là một cô bé Lọ Lem lau chùi lọ bình, lấy tro ra khỏi bếp, gọt vỏ các loại rau củ để có được tình thương, chân lý, và sắc đẹp mãi mãi sau đó. Chân lý đến với chúng ta ngay trong những hành động lau chùi, khuôn vác, gọt vỏ. Khi làm công việc trong tinh thần này, điều quan trọng là sự bức bối đối với công việc nhẹ đi, và chúng ta bắt đầu thành thới an định trong chính chúng ta.

Thiền đôi khi được xác định đúng nhất bằng những điều xảy ra chung quanh nó. Về mặt hình thức, chúng ta có thể nhìn thấy thiền sinh ngồi trên bồ đoàn, tụng kinh, cúng hương... Hầu hết chúng ta nhận ra đó là "Thiền" và biết rằng đó là việc làm nghiêm chỉnh. Nhưng có cái gì bên trong cách thể hiện đó? Phương diện ít hình thức hơn của Thiền là gì? Khi nào thì việc "tu tập nghiêm chỉnh" và "đời sống thật sự" kết nối nhau hoặc phân cách nhau? Và mức độ nghiêm chỉnh nào chúng ta phải có?

Khi làm bữa ăn tối, một trong những việc thích thú của tôi là dùng một lượng nhỏ chất lỏng với một nhiệt độ thích hợp để biến những thứ còn thừa dưới đáy chảo thành thức ăn ưa thích. Những thứ vốn khô, cứng trở thành mềm mại và không dính. Đây cũng là một thực đơn tốt để tạo nước xốt thiền: Với sự quân bình giữa tham thiền và làm việc, chúng ta có thể làm cho chúng ta trở thành không dính. "Không dính" ý tôi muốn nói là không tùy thuộc. Chúng ta thật sự kết nối

với mọi sự vật, nhưng chúng ta cảm thấy được tự do di chuyển, tự do kết nối với người khác, tự do thẩm xét những định kiến và những giải thích sai lầm, và tự do tìm thấy Phật tánh trong những lúc chúng ta làm những công việc bình thường nhất mỗi ngày.

Việc nhà là cơ hội để chúng ta tiếp cận với đời sống của chúng ta một cách toàn bộ. Giặt áo quần, rửa ly chén không phải là những bốn phận để chúng ta chuộc tội. Mỗi công việc là một cơ hội đem đến sự sinh động trong hạnh phúc của chúng ta. Mỗi hành động là một cơ hội để chúng ta quan sát cách tâm và thân làm việc với nhau và đôi khi trái nghịch nhau. Tâm có thể trải qua nhiều giờ lo lắng về một việc mà thân có thể làm xong trong vài phút. Mặc dù âm nhạc có thể dài, cuộc khiêu vũ tự nó thì ngắn.

Với nghệ thuật, một họa sĩ có thể làm cho một sự việc bình thường trở nên sống động. Là những người tu tập thiền, chúng ta cố gắng đem sự sống động này vào mỗi phút giây trong đời sống của chúng ta, mỗi phút giây chứa đựng mọi phút giây này. Bằng cách này, chúng ta cho phép những sự việc bình thường làm sinh động đời sống chúng ta. Đôi khi thành công, đôi khi không, nhưng con đường luôn luôn hướng về phía trước. Kiên trì là một trong những đức hạnh chính cho con đường nghệ thuật cũng như con đường giác ngộ.

Bằng cách thực hiện trọn vẹn những công việc hàng ngày, chúng ta có thể làm cho lời nói của ngài

Bá Trượng trở nên sống động. Mỗi khi nhận thấy bụi bám và sự bề bộn chung quanh, chúng ta bước thêm một bước nữa trong việc làm tăng trưởng sự kết nối của chúng ta. Một bước này có thể đưa chúng ta bước vào điểm quyết định trên con đường tu tập khi chúng ta nhận ra rằng kem đánh răng đổ tháo trong bồn rửa, khăn ăn bị bẩn vì cà phê... không phải là những thứ xảy ra để phá đi sự an vui của chúng ta. Khi đối diện trực tiếp với những sự việc xảy ra, với lòng nhẫn nại và hài hước, chúng ta sẽ khám phá ra sự tôn trọng của chúng ta đối với công việc chúng ta đang làm. Và chúng ta sẽ đến với thế giới bụi bám này với một tâm hồn trong trẻo như một tấm gương.

Sau đây là những gợi ý về cách tiếp cận với những công việc nhà trong chánh niệm, rút từ tác phẩm *"Sweeping Changes: Discovering the Joy of Zen in Everyday Tasks"* của tôi.

Lau bụi

Dùng thời gian lau bụi để làm tăng trưởng sự bén nhạy cảm giác xúc chạm. Chúng ta có thể trải nghiệm một cảm giác thân thuộc với sự vật chung quanh bằng cách chạm vào những đồ vật trước mắt, để ý đến hình dạng của chúng một lần nữa, ghi nhớ cách chúng đến với đời sống của chúng ta. Trong việc lau chùi, chúng ta nên để toàn tâm ý đến những chỗ dễ làm cho chúng ta vội vàng hoặc bỏ qua. Nguyên tắc là không phải chỉ đến với bề ngoài của sự vật mà là đến bên trong của chúng.

Quét nhà

Cố gắng di chuyển một cách thông thả, cảm nhận cả sàn nhà đang nâng đỡ bàn chân của chúng ta và trần nhà đang che chở trên đầu của chúng ta. Nhận rõ sự khác biệt giữa các phòng và giữ tâm rõ ràng khi di chuyển từ khu vực này đến khu vực khác, từ môi trường này qua môi trường khác. Ghi nhận những sự đổi thay của ánh sáng và bóng tối. Cảm nhận cả sự mỏng manh và vững chãi của thân thể khi làm việc. Khi quét nhà, nếu cái chổi được di chuyển đồng đều từ trái sang phải và từ phải sang trái, nó sẽ mòn đều đặn hơn, và khi đó, chúng ta cũng sẽ nhận ra hai mặt khác nhau của chính chúng ta. Chúng ta có thể cảm thấy vụng về khi đưa cây chổi lẩn tránh, giống như chúng ta thấy một cảm giác không thoải mái khi thay đổi cách nhìn về sự vật. Thử thay đổi thế đứng hay cách cầm chổi để thấy điều gì khác xảy ra. Chú ý hơn vào những khe kẽ và góc nhà, nghĩ về những vùng tối trong tâm thức của chúng ta cũng như những phần được mở ra trong ánh sáng.

Dọn giường

Khi phơi vải phủ nệm và màn, chúng ta có thể cảm thấy dễ chịu với mùi thơm mới và ánh mặt trời thấm đượm trong chúng. Khi sửa gối, chúng ta nhớ lại những giấc mơ phát sinh trên đó. Khi làm thẳng những nếp nhăn trên vải trải giường, chúng ta có thể liên tưởng đến sự đang thức dậy của đời sống. Đến với đời sống một cách trọn vẹn có nghĩa là gì? Chúng ta đã thay đổi

thế nào khi chuẩn bị để ra ngoài và tiếp xúc với những con người khác? Chúng ta đã bỏ lại gì sau lưng? Giờ đây là lúc chúng ta trở lại với đời sống. Chiếc giường có được cơ hội nghỉ ngơi và chúng ta có thể chia sẻ một phần sự thoải mái của nó.

Rửa chén đĩa

Cảm nhận tánh mát của nước. Nhìn vào ánh sáng lung linh trên mặt đồ vật. Cảm nhận sự tiếp xúc của ngón tay với cạnh của lưỡi dao, rìa của chiếc đĩa. Không nghĩ gì đến các sự việc khác. Những ý nghĩ đó chỉ tạo sự lo ra, kéo chúng ta ra khỏi công việc chúng ta đang làm. Cảm nhận đồ vật đang cầm trên tay. Cảm nhận năng lượng của thân thể khi nó thực hiện những hành động này. Để ý ghi nhận những chất liệu khác nhau của chén đĩa và đồ dùng. Tập trung vào việc rửa, súc, và làm khô từng chiếc muỗng và đĩa, chúng ta sẽ bắt đầu phát triển cách cầm đồ vật riêng của mình. Khi rửa và lau khô một chiếc muỗng và hoàn toàn để ý đến nó, chúng ta đang trải nghiệm việc chăm sóc cho cả vũ trụ.

Lau cửa sổ

Lau chùi cửa sổ có thể cho chúng ta một trải nghiệm giá trị, nhất là khi chúng ta làm việc vào một ngày nắng đẹp. Chúng ta có thể cảm nhận hơi ấm của mặt trời từ xa rọi đến. Khi lau chùi cửa sổ, chúng ta có thể lo lắng về điều chúng ta đang nhìn thấy. Nhưng chúng ta còn tìm kiếm điều gì khi chúng ta đang đi tìm sự rõ ràng hơn trong đời sống của chúng ta? Cái gì ngăn cản chúng ta có được cái thấy rõ ràng này? Sự rõ ràng có thể trải rộng đến đâu? Trong khi lau cửa sổ, ngoài việc trải nghiệm cái thấy, chúng ta còn trải nghiệm về cái nghe. Nghe tiếng chạm giữa mặt kính và dụng cụ lau, nghe tiếng nhỏ giọt của nước. Tập trung vào những cử động, vào cái thấy, cái nghe trong khi lau chùi, chúng ta có thể cảm nghiệm được suối nguồn của sự giải thoát.

Sắp xếp đồ đạc

Đặt những đồ vật ngăn phía trước những thứ dài hơn. Đặt những đồ vật nhẹ trên những đồ vật nặng hơn. Tránh để đồ dễ vỡ sát bên những đồ cứng có thể làm nó vỡ. Cất mỗi đồ vật một cách cẩn thận. Nên nhớ rằng cất đồ vật ở chỗ an toàn khác với cất giữ vào kho, hay giữ kín. Cất giữ đồ vật không cẩn thận hay quên chúng không khác gì vất bỏ chúng. Ngay cả khi một thứ gì đó không dùng sau một thời gian dài, thỉnh thoảng coi lại nó, nhớ nó đến với mình ra sao, nhắc nhở về giá trị của nó, kiểm soát tình trạng của nó. Kiểm tra định kỳ vật dụng mới mua. Đừng lo sợ việc biết rằng mình đã sắm nó một cách sai lầm. Trên hết, đừng quên những cái gì chúng ta có.

Thị Giới dịch (Trycle)

Gary Thorp là một thiền sinh từ 1960. Là một người viết sách thuộc loại bán chạy nhất và là một nhạc sĩ dương cầm, ông là một nhà văn chuyên nghiệp, hiện sống ở Marin County, California. ■



Túp lều tranh của Tây Hành ở Yoshino (huyện Wakayama hiện nay)

SAIGYÔ HÔSHI

(1118-1190)

Thi sĩ tài hoa yêu phiêu du của Nhật Bản

VINH SINH

Vào hậu bán thế kỷ XII, sau gần bốn mươi năm tranh hùng giữa hai họ Taira và họ Minamoto, họ Minamoto nắm được phần toàn thắng. Với sự ra đời của chính quyền võ sĩ (*samurai*) ở Kamakura do Minamoto-no-Yoritomo lãnh đạo vào năm 1185, lần đầu tiên trong lịch sử Nhật Bản có hai chính quyền tồn tại song song. Chính quyền của giai cấp võ sĩ đóng ở Kamakura¹ gọi là *bakufu* (幕府 *mạc phủ*; nói nôm na là “chính quyền quân sự”), còn triều đình thiên hoàng vẫn ở Kyoto giống như trước. Đây là một sự kiện vô cùng trọng đại vì trên nguyên tắc *shôgun* (将軍 *tướng quân*) đặt dưới quyền của thiên hoàng và do thiên hoàng bổ nhiệm (Minamoto-no-Yoritomo nhận chức *Shôgun* năm 1192), nhưng trong thực tế *shôgun* mới thật là người có nhiều quyền bính nhất ở Nhật Bản. Cơ chế hai chính quyền tồn tại song song này kéo dài gần 700 năm - mãi cho đến Minh Trị Duy Tân (1868) thì mới chấm dứt.

Nửa phần sau cuộc đời của Saigyô trùng hợp với giai đoạn nhiễu loạn của thế kỷ XII. Saigyô chứng kiến những đổi thay trong cuộc tranh hùng giữa hai họ Minamoto và Taira và sự ra đời của chính quyền giai cấp võ sĩ. Nhưng không phải vậy thôi, chính Saigyô là dòng dõi của Fujiwara Hidemoto (藤原秀郷, Đằng-nguyên Tú-hương), võ sĩ có công trạng trong cuộc đánh dẹp họ Taira.

Trước hết, vì sao lại gọi là Saigyô Hôshi (西行法師 Tây Hành Pháp sư)? “Saigyô/Tây Hành” lấy từ chữ “Tây phương tịnh độ”, tức là “Tây phương cực lạc” hay “Cực lạc tịnh độ” của Phật A Di Đà - luôn nguyện cầu để được đi về thế giới Tây phương². “Hôshi/Pháp sư” có nghĩa là người xuất gia, vị thầy thông thạo giáo pháp³. Cũng ở trong nghĩa Phật giáo đó, chúng ta thường gọi là “Thầy” trong tiếng Việt. Như vậy, Saigyô Hôshi có nghĩa là “Thầy Saigyô”.

Saigyô vốn tên thật là Satô Norihide (佐藤義清 Tâ

Đằng Nghĩa Thanh), từ nhỏ theo học võ nghệ và trau dồi cung kiếm. Saigyô làm võ sĩ cận vệ ở nội thành cho Thái thượng hoàng Toba (鳥羽 醍醐 Vũ). Năm 23 tuổi, Saigyô đột nhiên xuất gia và lấy pháp danh là En'i (円位 Viên Vị).

Cuối đời Heian chiến loạn triền miên khiến lòng người mất nơi nương tựa. Saigyô nghĩ rằng nếu là võ sĩ không thôi thì khó lòng cứu vớt được người khác, nhưng trở thành nhà sư có thể dùng chánh niệm để dẫn dắt con người khỏi lầm đường lạc lối. Saigyô xin cắt tóc ở chùa Shôji-ji (勝持寺 Thắng Trì tự; còn có tên gọi là Hana-no-tera 花の寺, hay chùa Bông) ở Kyoto.

Thơ waka và tiếng gọi ngàn phương

Xuất gia được ít lâu, Saigyô đi lên miền Ôshû. Ôshû tức là miền Tôhoku ở miền Bắc bây giờ, có khi người ta cũng gọi là miền Oku. Sau đó, Saigyô ở lại Hiraizumi (huyện Iwate hiện nay) chừng hai năm. Hiraizumi là nơi Saigyô có nhiều người thân thích. Saigyô lại đi ngược về Kôya-san (huyện Wakayama hiện nay) để theo học Phật giáo, theo tông Shingon (真言 Chân Ngôn) do đại sư nổi tiếng Kûkai (空海 Không Hải) bắt đầu ở Nhật Bản vào thế kỷ IX.

Thiết tưởng cũng nên nhắc lại rằng cuối đời Heian chỉ có tông Shingon và tông Tendai (天台 Thiên Thai) - tông Shingon nguyên chủ yếu dành cho giới quý tộc và tông Tendai cho dòng họ thiên hoàng. Những tông phái khác như Thiền tông (禪宗) hay Jôdo (浄土 Tịnh Độ), Jôdo Shinshû (浄土真宗 Tịnh Độ Chân Tông) và Hokke (法華 Pháp Hoa) thì phải bước vào thời Kamakura mới ra đời. So với Shingon và Tendai, việc giảng dạy kinh kệ và cách thức tu hành của các tông phái này rất đơn giản, đồng thời Phật giáo đã rời xa giới quý tộc đã ăn sâu vào dân chúng. Nhưng chúng ta cũng nên nhớ rằng Saigyô sinh vào cuối đời Heian, tông phái Saigyô theo tu học là Shingon và đến cuối đời của Saigyô mới bước vào đầu thời Kamakura. Sau nhiều năm loạn lạc, đói kém và thiên tai cuối đời Heian, con người cảm thấy cuộc thế quá nhiều vật đổi sao dời và sự "vô thường" của cuộc sống nên có khuynh hướng tìm cách giải thoát.

Khi xuống núi, Saigyô lại đi về Kinh (Kyoto) hay các tỉnh miền Nam. Saigyô quyết chí học làm thơ waka (和歌, tức "hòa ca", hay "thơ Nhật") bắt đầu từ đó. Thơ waka gồm tanka (短歌 đoản ca, tức thơ ngắn)

có 31 âm tiết theo thứ tự 5-7-5-7-7; và chôka (長歌 trường ca) với số âm tiết không có giới hạn. Cũng nên nói thêm là thơ haiku (俳句 bài cú) với 17 âm tiết phải đợi đến lúc Bashô ra đời, tức là khoảng 500 năm sau mới xuất hiện.

Người ta kể lại rằng một hôm Hòa thượng Mongaku (文覚 Văn Giác) quở mắng Saigyô vì thấy Saigyô thích học làm thơ waka quá đỗi: "Saigyô đã xuất gia thì lo mà tu học, đằng này lại còn làm thơ rồi đi đây đi đó là nghĩa lý gì?". Nhưng rồi Hòa thượng thấy Saigyô khi tu học hay khi dẫn bước phiêu du rồi làm thơ waka mà sắc mặt vẫn nghiêm trang giống nhau, lúc nào cũng có tư thế đứng đắn, không một chút nào xao lãng. Từ đó, Hòa thượng Mongaku đổi hẳn thái độ đối với Saigyô, không còn quở la như trước nữa.

Ra đi lần cuối

Năm 1186, cuộc giao tranh Gempei đã chấm dứt. Saigyô mặc dù tuổi cao nhưng vẫn lên Hiraizumi gặp Fujiwara Hidehira (藤原秀衡 Đằng Nguyên Tú Xung) là chỗ quen biết ngày xưa để quyền tiến giúp chùa Todaiji (東大寺 Đông Đại tự) ở Nara bị tàn phá sau chiến tranh. Trên đường, Saigyô ghé đến Tsuruoka

Hachimang ở Kamakura để tham bái, rồi tình cờ gặp ngay Minamoto-no-Yoritomo, người đã đánh dẹp họ Taira và sẽ là vị Shôgun đầu tiên năm 1192.

Biết Saigyô vừa làm thơ hay lại vừa bắn cung giỏi trong "kiếp trước" - tức là trước khi đi tu - Yoritomo mời Saigyô đến thăm dinh thất của mình. Tương truyền hai người trò chuyện về thơ waka mãi cho đến sáng. Khi chia tay, Yoritomo tặng Saigyô một cái đĩa bằng bạc chạm hình con mèo. Sáng hôm sau, khi Saigyô đi ra khỏi dinh, thấy một đứa trẻ con đang chơi đùa vui vẻ, Saigyô bèn lấy cái đĩa đó đem cho. Câu chuyện không biết có thật hay không, nhưng có lẽ muốn nói lên rằng Saigyô là người muyoku (無欲 vô dục) - đã vượt vòng tục lụy, ham muốn mà người đời thường có.

Saigyô Hôshi là một trong ba nhà thơ được yêu chuộng nhất ở Nhật Bản từ trước đến nay - cùng với Kakinomoto Hitomaro (柿本人麻呂 Thị Bản Nhân Ma Lữ; 662-710 sau CN) và Matsuo Bashô (松尾芭蕉 Tùng Vĩ Ba Tiêu; 1644-1694). Chính thơ Saigyô đã tạo những cảm hứng cho Bashô và không biết bao nhiêu thế hệ sau trong việc làm thơ và quan niệm về mỹ học.

Chúng ta thử đọc bài thơ bài tanka (đoản ca) sau



Họa ảnh Pháp sư Tây Hành (tranh của Kikuchi Yosai)



Tượng Pháp sư Tây Hành

đây của Saigyô, và bài *Cây liễu du hành* của Bashô.

*Michinoben/shimizu nagaruru/yanagikage/shibashi
tote koso/tachidomari tsure.*

Dịch nghĩa:

Dưới bóng cây liễu bên đường, có dòng nước trong veo/ Tôi dừng chân lại trong giây lát.

Dịch thơ:

Lơ thơ cây liễu bên đường,

Trong veo dòng nước tản ngấn bước chân.

Bài thơ của Saigyô và cây liễu trở nên nổi tiếng một phần vì dao khúc (謡曲, tức là bài ca trong tuồng Nô) của vở tuồng *Yûgyô yanagi* (*Cây liễu du hành*) dựa trên bài thơ này. *Cây-liễu-du-hành* ấy vẫn còn ở trên bờ ruộng làng Ashino, huyện Tochigi, khi Bashô ghé qua và vẫn còn cho đến bây giờ. Bashô đã viết bài *haiku* sau đây khi đứng dưới gốc cây liễu đó:

Ta ichimai/ uete tachisaru/yanagi kana.

Dịch nghĩa:

Người ta gieo mạ dưới ruộng/ Lúc đó tôi rời/ Cây liễu.

Dịch thơ:

Lơ thơ cây liễu Tây Hành,

Nông phu cấy mạ tôi đành bỏ đi.

Được xem là người dịch thơ của Saigyô từ tiếng Nhật ra tiếng Anh hay nhất, Burton Watson đã có nhận xét về Saigyô như sau: "Cái tên Saigyô xui ta nhớ đến túp lều tranh trên một triền núi, một người lữ hành cô độc trên quãng đường xa, hay một nhà-thơ-và-nhà-sư (a Buddhist poet-priest) viết về cái đẹp của thế giới vô thường, và cũng không bao giờ giấu giếm rằng mình đang chiêm ngưỡng hoa anh đào hay ánh trăng trên trời cao"⁴. Thật là cô đọng!

* * *

Trong tập *Shin Kokinwaka shû* (新古今和歌集 Tân Cổ kim hòa ca tập) do Fujiwara Teika (藤原定家 Đằng Nguyên Định Gia), biên soạn do lệnh của thiên hoàng Gotoba năm 1202, tức là đầu thời Kamakura, Saigyô có đến 94 bài, tức là nhiều nhất trong các thi nhân⁵. Ngoài ra, Saigyô còn có tập *Sankashû* (山家集 Sơn gia tập). Saigyô còn lại tất cả là 2.090 bài thơ. Ba phần tư của *Sankashû* là thơ về bốn mùa, một phần tư là thơ đủ loại để tài. Cuối cùng, chúng ta thử thưởng thức một bài thơ về hoa anh đào.

*Negawaku wa/hana no moto/nite haru shinamu/
sono kisaragi no/mochizuki no koro.*

Dịch nghĩa:

Nếu được, lúc trăng tròn mùa xuân tháng hai (âm lịch) tôi xin được nằm dưới gốc hoa anh đào. Trăng sẽ tròn vì là khoảng trăng rằm.

Dịch thơ:

Xuân sang nở rộ anh đào,

Trăng rằm tỏ sáng bao la đất trời.

Năm 1188, Saigyô về ở chùa Hirokawa (弘川寺 Hoàng Xuyên tự) ở Kawachi (河内 Hà Nội; nay thuộc Osaka-fu). Hai năm sau, ngay giữa mùa hoa anh đào, trong lặng lẽ, Saigyô ra đi vào cõi vĩnh hằng.

Chú thích:

1. Tượng Phật ở Kamakura lớn nhất Nhật Bản, gọi là Daibutsu (大仏 Đại Phật). Tượng này được đúc thời Kamakura. Khi Nhật Bản tiếp thu Phật giáo, người ta tin rằng mỗi vùng phải có một chùa thì đất nước mới được bình an. Bởi vậy các chùa ấy mới có tên là Gokokuji (護国寺 Hộ Quốc Tự) để chứng tỏ thế lực hùng mạnh của giai cấp võ sĩ mới vùng lên. Theo giáo sư Katô Shûichi, Daibutsu ở Kamakura còn lớn hơn tượng Phật ở Nara để chứng tỏ sức mạnh của chính quyền giai cấp võ sĩ.

2. Shinmura Izuru, *Kôjien* (広辞苑 Quảng từ uyển). Tokyo: Iwanami Shoten, 1984, trang 936.

3. Như trên, trang 2182.

4. Burton Watson, *Saigyô: Poems of a Mountain Home*. New York: Columbia University Press, 1991.

5. Tập này có tất cả là 1.978 bài. Người có nhiều bài sau đó cũng là một nhà sư, Jien (慈円 Từ Viên). Fujiwara Teika cũng đọc là Fujiwara Sadaie. ■

Người thành công và người giá trị

NGUYỄN HỒNG

1. Chúng ta tìm kiếm nó. Nhiều người đeo đuổi nó suốt đời mà không gặp. Có kẻ chỉ mới bắt đầu đi tìm dường như đã thấy nó mỉm cười với mình rồi. Nó là ước mơ, là hy vọng của mỗi đời người. Khi nắm bắt được nó, người ta mãn nguyện, sung sướng, hạnh phúc. Họ gọi nó là sự thành công. Ý nghĩa của sự thành công được mỗi người hiểu một cách khác nhau. Các vận động viên có thể có một định nghĩa riêng về thành công, bà mẹ ở nhà có thể có một định nghĩa khác. Với một nhạc sĩ, thành công là một bản nhạc ăn khách. Với một bác sĩ, thành công là một ca giải phẫu hoàn hảo. Người ta thành công là do biết lựa chọn khôn ngoan chứ không do may mắn. Ý nghĩa của sự thành công rõ ràng tùy thuộc vào việc bạn tìm kiếm gì trong cuộc sống. Hơn ai hết, bạn biết rõ ước mơ, mục tiêu theo đuổi trong đời mình, và bạn biết rõ bạn đã nỗ lực, quyết tâm thế nào để thực hiện nó. Thành công của bạn vì thế quan trọng hơn thành công của người khác.

Để thành công dễ dàng, khuynh hướng phổ biến trong xã hội ta ngày nay là đi theo lối mòn có sẵn của lớp người đi trước. Đó là sự chọn lựa an toàn. Muốn thành công trong học tập, học sinh chỉ cần học theo đề cương nhà trường vì họ biết trước rằng nội dung để thi không nằm ngoài đề cương. Muốn thành công ngoài xã hội, người ta chỉ cần làm đúng theo những kịch bản có sẵn. Thành công là thực hiện được điều mà người ta đã biết trước rồi. Thế nên khi thành công chẳng mấy ai ngạc nhiên, hào hứng. Đó là một hành trình đơn điệu, chẳng có gì thú vị, đột phá, bất ngờ. Thành công dễ dàng thường cho người ta cái mặc cảm tự tôn đến độ ngây thơ.

2. Ngày nay hầu như mọi người đều dùng đồng tiền làm thước đo thành công. Thành công đồng nghĩa với giàu có. Nhà cao cửa rộng, xe hơi đắt tiền,

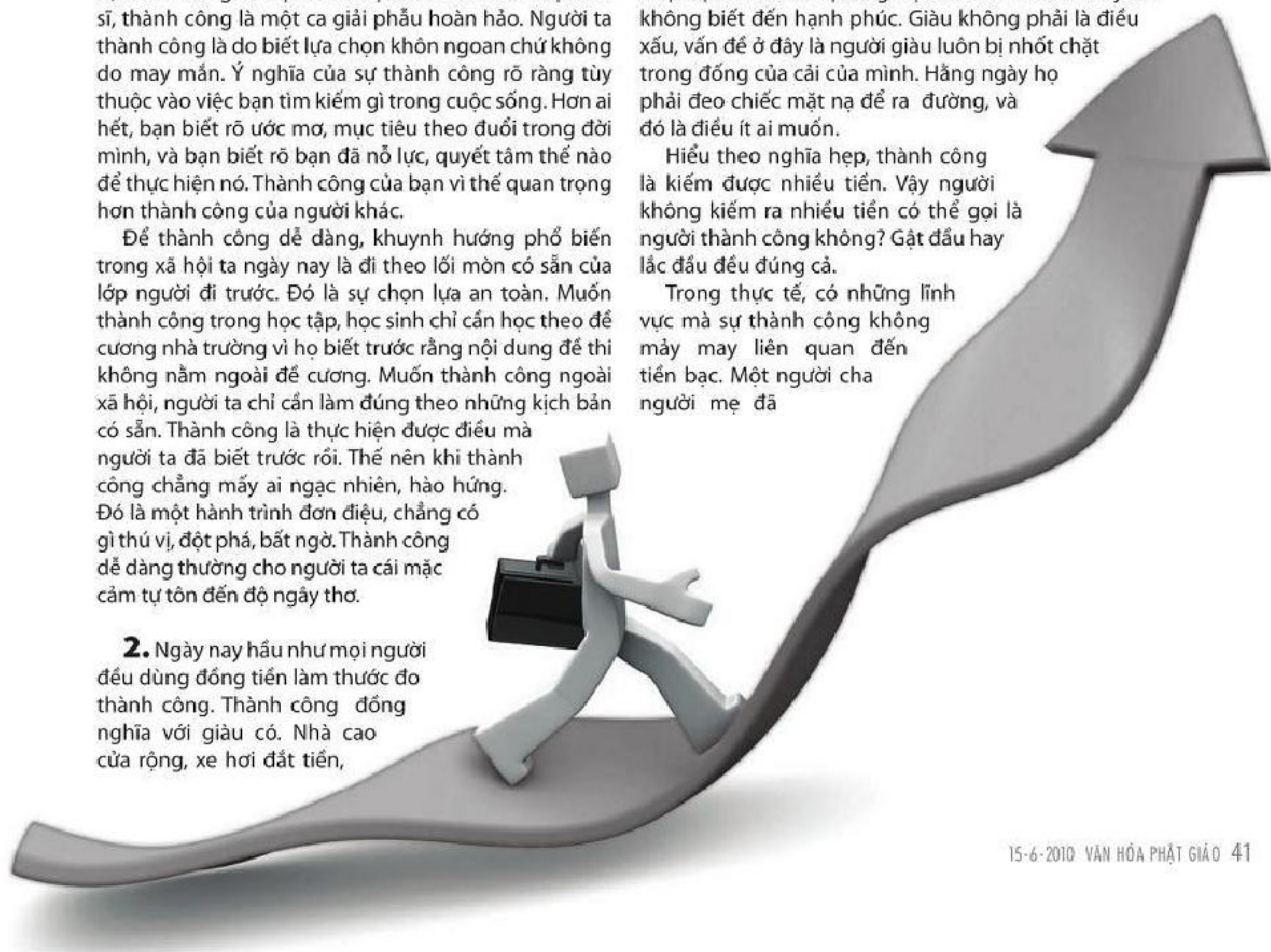
những chuyến đi xả hơi tốn kém, ra vào những khách sạn nhiều sao... là những biểu hiện của người thành công trong xã hội ta ngày nay.

Vậy người có nhiều tiền có phải là người thành công?

Thành công đồng nghĩa với hạnh phúc. Nhưng thực tế cuộc sống chứng minh rằng người hạnh phúc không nhất thiết phải là người có nhiều tiền. Phần đông, người giàu sống như những con rô bốt, chỉ biết nhận lệnh và luôn bị công việc điều khiển. Cái máy thì không biết đến hạnh phúc. Giàu không phải là điều xấu, vấn đề ở đây là người giàu luôn bị nhốt chặt trong lồng của cái của mình. Hằng ngày họ phải đeo chiếc mặt nạ để ra đường, và đó là điều ít ai muốn.

Hiểu theo nghĩa hẹp, thành công là kiếm được nhiều tiền. Vậy người không kiếm ra nhiều tiền có thể gọi là người thành công không? Gật đầu hay lắc đầu đều đúng cả.

Trong thực tế, có những lĩnh vực mà sự thành công không mấy may liên quan đến tiền bạc. Một người cha người mẹ đã





nuôi dạy một đứa trẻ thành người tốt. Đó là một thành công tuyệt vời mà bằng chúng được biểu hiện qua tính cách đứa bé chứ không phải bằng cái trương mục ở ngân hàng. Một vị nhạc sư cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi đem ngón đàn điêu luyện của mình gieo niềm vui yêu đời vào lòng kẻ khác, thay vì đem âm nhạc của ông ra bán kiếm tiền.

Những tài sản quý giá nhất trên cõi đời không có tiền nào mua được. Bạn có thể mua một căn hộ hai trăm mét vuông nhưng không thể mua hai trăm mét vuông tình bằng hữu, bạn có thể mua hai ký thịt bò nhưng không thể mua hai ký lòng tận tụy hy sinh.

3. Nếu bạn gặp những khôi nguyên giải Nobel vật lý, toán học, và hỏi về những thành công của họ, bạn sẽ ngạc nhiên nghe họ kể về những chuỗi thất bại. Đối với họ, những thử thách và thất bại ấy là những điều khó quên, và chúng có giá trị hơn cả sự thành công.

Ngược lại, nếu tình cờ được xem phỏng vấn một nhân vật thành công trên ti vi, bạn sẽ không ngạc nhiên khi nghe nhân vật ấy thao thao kể hết thành công này đến thành công khác với giọng điệu rất tự mãn. Họ không bao giờ nhắc đến những thất bại của họ. Có thể họ chưa hề gặp thất bại, cũng có thể họ muốn che giấu những thất bại ấy. Tại sao người ta chỉ thích nói đến thành công? Có lẽ nói về thành công dễ vẽ rắn thêm chân. Khi nói về thất bại, họ ngại phải phơi bày cho người khác thấy những yếu kém của mình. Loại người này chỉ muốn xã hội nhìn họ như những con người hoàn hảo, không có khuyết điểm. Họ là người sinh ra

là để thành công.

Người Việt ta có câu: “Thất bại là mẹ thành công”. Thành công thường đi đôi với thất bại. Đây là đôi bạn đồng hành, không phải là đối thủ. Nhiều người không hiểu rằng thất bại góp phần quan trọng đưa họ đến thành công.

Vậy thất bại là gì? Tại sao thất bại?

Thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại chủ yếu gồm mấy điểm sau đây: chọn sai mục tiêu, không có hành động tích cực, bỏ cuộc.

Muốn thành công, trước tiên phải để ra mục tiêu để thực hiện. Việc chọn mục tiêu rất quan trọng. Mục tiêu phải thiết thực và phù hợp với bản thân mình. Trong lớp người trẻ ngày nay không ít người thất bại vì không hiểu rõ khả năng của mình, không, biết tự lượng sức. Chưa biết đi đã muốn chạy. Con nhái muốn to bằng con bò. Khi thất bại họ không biết nguyên nhân và cũng chẳng buồn tìm hiểu nguyên nhân. Họ thiếu sự hướng dẫn của người lớn hoặc bị hướng dẫn sai lệch.

Một số người khác có ước mơ nhưng không hành động tích cực nên chỉ biết nuôi hình ảnh ước mơ của mình. Mơ trở thành ca sĩ, diễn viên, người mẫu, MC, giám đốc, nhà lãnh đạo. Chỉ ước mơ suông, không tìm cách thực hiện. Họ chờ chiếc đũa thần của bà tiên. Chuyện cũng dễ hiểu vì trước đây đã có người ngủ qua đêm, sáng thức dậy bỗng thấy mình biến thành tiến sĩ.

Một nguyên nhân khác nữa dẫn đến thất bại là tính ngại khó. Gặp trở ngại là chứng lại rồi bỏ cuộc. Đây là những người thiếu tự tin, không bản lĩnh. Họ

chỉ chờ gặp vật cần là sẵn sàng chuyển hướng. Không có năng lực, thiếu khả năng tư duy độc lập, thiếu khả năng nghiên cứu sáng tạo, họ chỉ còn cách tìm kiếm sự thành công bằng con đường bất chính. Nhưng sớm muộn rồi họ cũng hiểu rằng đồng tiền không thể mua cho họ tất cả những gì họ muốn.

Trong thực tế, không có con đường trải thảm đỏ đón chào bạn, không có con đường tắt dẫn đến thành công. Bất cứ ai thành công đều phải đối diện với thử thách, và đều đã nếm mùi thất bại. Nhưng họ đã không bỏ cuộc. Đó là mấu chốt của sự thành công. Nếu Bill Gates bỏ cuộc nửa chừng thì ngày nay làm gì có chiếc máy vi tính giá cả phải chăng để mọi người học tập, kinh doanh, làm việc, giải trí? Nếu Edison bỏ cuộc thì giờ này làm gì có bóng đèn điện để bạn ngồi đọc sách trong đêm.

Bạn có biết Bill Gates đã từng bị đuổi học? Thomas Edison đã thất bại hơn 1.800 lần thí nghiệm trong quá trình mò mẫm tìm tòi chất liệu thích hợp để làm tim cho bóng đèn điện của ông? Và, để cho thiên hạ biết nhìn người da đen xa hơn màu da của họ, Martin Luther King phải vượt qua hơn 6 triệu dặm đường đi khắp nước Mỹ, đọc hơn 2.000 bài diễn văn, bị cảnh sát bắt không dưới 20 lần, bị ngược đãi và cuối cùng bị ám sát?

Ông cha ta dạy “Thua keo này ta bày keo khác” là để nhắc nhở chúng ta nếu có té ngã cũng đừng bỏ cuộc. Hãy đứng dậy đi tiếp đến đích.

Cũng có khi không thực hiện được điều mơ ước, không đi đến đích nhưng bạn vẫn là người thành công. Điều này mới nghe qua có vẻ nghịch lý, nhưng xung quanh ta không thiếu ví dụ để chứng minh. Ai cũng biết huấn luyện viên đội tuyển Việt Nam, ông H. Calisto, mới đây được Liên đoàn Bóng đá Việt Nam mời tái ký hợp đồng để tiếp tục dẫn dắt đội tuyển bóng đá quốc gia với số tiền thù lao tăng gấp đôi. Báo đài và dư luận người hâm mộ trong nước đều công nhận ông đã thành công trong thời gian nắm đội tuyển quốc gia, dù ông không mang được chiếc cúp vô địch về cho Việt Nam như mọi người mong đợi. Ở đây, chúng ta thấy rõ thành công không phải là điểm đến, mà là những gì chúng ta thể hiện được trên đường đến cái đích phía trước. Thêm một định nghĩa nữa về sự thành công.

4. Nếu chẳng may thần đèn hiện ra và cho bạn chọn một trong hai điều: làm người thành công và làm người giá trị, bạn sẽ ước điều gì?

Để việc chọn lựa được dễ dàng, trước hết chúng ta thử định nghĩa giá trị là gì, giá trị từ đâu mà có. Sau đó câu trả lời tự nó sẽ đến với bạn.

Ai cũng biết rằng bán giày dép dễ hơn bán bảo hiểm nhân thọ, vì giày dép đếm được, thấy được. Giá trị của chúng rõ ràng, đương nhiên. Nhưng giá trị của lòng tốt hoặc đức tính có thể không rõ ràng để mọi người nhận

ra ngay. Thế nên chẳng có gì ngạc nhiên khi đọc câu này của Oscar Wilde (1856-1900): “Ngày nay người ta biết giá cả mọi thứ nhưng chẳng biết giá trị gì cả”. Bàn về cái hữu hình và cái vô hình, Albert Einstein (1879-1955) nói: “Không phải bất cứ cái gì giá trị là đếm được, và không phải bất cứ cái gì đếm được là giá trị”.

Giá trị là những đánh giá về những gì quan trọng trong cuộc sống. Giá trị là phần cần thiết để tạo sự hoàn chỉnh cho mọi nền văn hóa. Giá trị bảo cho ta biết điều gì có lợi, quan trọng, hữu ích, tốt đẹp, đáng theo đuổi. Nó trả lời câu hỏi tại sao người ta làm điều này mà không làm điều kia. Giá trị giúp con người giải quyết những vấn đề phổ biến của con người để sống còn. Với thời gian, nó trở thành gốc rễ của những truyền thống quan trọng đối với nhiều nhóm người trong sinh hoạt hằng ngày. Để có thể hiểu được những nền văn hóa khác, chúng ta phải tìm hiểu các giá trị, tín ngưỡng và giá định đã khiến họ có những lối hành xử riêng biệt.

Chúng ta thừa hưởng một số giá trị từ cha mẹ, thầy cô và những người khác. Đọc sách, xem ti vi và kinh nghiệm ở trường học cũng cho bạn những giá trị nhất định. Giá trị con người bạn cũng phản ánh thành phố, khu vực, quốc gia nơi bạn sống. Nó cũng phản ánh lớp người thuộc thế hệ bạn. Khác với thành công, giá trị kéo dài suốt cả đời người. Ai cũng có giá trị của riêng mình ngay cả khi họ không hề ý thức điều ấy. Có khi nào bạn tự hỏi mình có những giá trị gì không?

5. Không ai phủ nhận giá trị của việc làm, tiền bạc và tài sản. Nếu những thứ ấy có giá trị vì đã mang thêm giá trị cho cuộc sống, thì những tài sản vô hình cũng có giá trị vì đã cho cuộc sống con người ý nghĩa, mục đích, và hướng đi. Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831) dạy: “Cuộc sống chỉ giá trị khi nó có cái gì giá trị làm mục tiêu. Một cuộc sống đơn sơ, khiêm nhường đầy ý nghĩa cũng đủ có giá trị hơn một đời sống chăm chút, hào nhoáng mà vô nghĩa. Ai cũng có sở trường sở đoản của mình. Chúng ta dùng sở trường để giúp kẻ khác, dùng sở đoản để hoàn thiện bản thân mình”.

Đến đây những ai chấp nhận Phật giáo làm triết lý sống có lẽ đã biết mình chọn gì. Danh lợi đời này là vật vô thường. Tránh xa nghiệp chướng là để sống đời tử tế. Trước tiên là tử tế với chính mình. Sự tử tế làm ấm lòng kẻ khác, trút bỏ cho họ những gánh nặng và làm họ cảm thấy họ giá trị. Chúng ta đừng quên rằng một hành động tử tế giá trị hơn cả chục ý tưởng cao đẹp trong lòng. Những gì bạn làm được cho đời, dù lớn dù nhỏ, đều mang một ý nghĩa. Người đời sẽ nhớ đến bạn. Giá trị nói chung hay giá trị của từng cá nhân cũng là một thứ. Đó là những phẩm chất, chuẩn mực, nguyên tắc mọi người muốn có. Với những ai còn lương lực chưa tìm ra câu trả lời cho thần đèn, xin mách bạn câu nói bất hủ này của A. Einstein: “Bạn đừng tìm cách trở thành người thành công. Hãy cố gắng trở thành người giá trị”. ■



Khai tâm hướng về đất Tổ

Xin được vào để hơi dài dòng. Như bao làng khác, làng Ngọc Mỹ quê tôi cũng có một ngôi đình. Chiến tranh tàn phá, đình được người dân tháo dỡ mang cất giấu; hòa bình mấy chục năm con cháu mới đóng góp dựng lại với quy mô nhỏ hơn. Đình ngày trước thờ Đặng Tất (con trai Đặng Dung, cùng với con, Đặng Tất, là hai tướng lĩnh trụ cột thời Hậu Trần với câu đối truyền sử: *Quốc sĩ vô song song quốc sĩ/ Anh hùng bất nhị nhị anh hùng*). Đặng Tất là Thành hoàng làng tôi. Vậy nên bây giờ gọi là đền. Gọi đình hay đền đều được. Hồn thiêng nguyên vẹn. Riêng tôi có thêm một cách gọi khác: đền Ngọc Mỹ là Bàn Thờ của làng.

Suy rộng ra: Đền Hùng là Bàn Thờ của Tổ quốc Việt.

Ở mức độ nhỏ hơn, bàn thờ gia tiên. Nhà nào cũng phải có. Chẳng ai muốn chuẩn bị ngày giỗ gia tiên với một thể xác và tâm hồn như nhuốc. Vậy tại sao tôi lại

không thanh tẩy như nhuốc trước lúc hành hương về Đất Tổ linh thiêng dâng hương tưởng nhớ Vua Hùng.

*

Dân gian xưa và bây giờ vẫn thông dụng cách nói, đại loại: thằng ấy không cha; con kia không mẹ. Ngoại trừ khoa học phát triển như thời nay với cừu Dolly... - thụ tinh ống nghiệm - ghép nhân tạo... thì ai là người lớn cũng chắc chắn thừa nhận một điều: không đứa trẻ nào có mặt trên đời mà không cha không mẹ. Do vậy "lý lịch" của người cha và người mẹ vẫn tối quan trọng đối với người con.

Việt Nam là một trong ít dân tộc trên trái đất còn lưu lý lịch của người cha và người mẹ đầu tiên. Đây đã trở thành văn bản thông dụng được sao chép lại trong rất nhiều loại sách (kể cả những sách chẳng liên quan gì đến sử) và lưu hành rộng rãi trên internet, song tôi cũng xin chép lại như một điều kiện cần trong kết cấu bài viết.



NHUY NGUYỄN

Lý lịch trích ngang Người Cha (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*):

"Xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, rồi sau Đế Minh đi tuần phương Nam, đến dãy Ngũ Lĩnh gặp Vụ Tiên nữ sinh ra Vương (Lộc Tục). Vương là bậc Thánh trí thông minh. Đế Minh yêu quý lạ, muốn cho nối ngôi. Vương cố nhường cho anh mình, không dám vâng mệnh. Đế Minh vì thế lập Đế Nghi là con trưởng nối dòng trị phương Bắc. Lại phong cho vua là Kinh Dương Vương, trị phương Nam, đặt tên nước là Xích Quỷ. Vương lấy con gái Chúa Động Đình tên là Thần Long, sinh ra Lạc Long Quân".

Qua các tư liệu thư tịch thành văn cũ, lý lịch Người Mẹ được tóm lược:

"Nguyễn Minh Khiết, hiệu Thái Khương Công hay Khương Thái Công, tức là Đế Minh (cháu 4 đời của Thần Nông) anh em sinh đôi với Đế Nghi được giao cai quản

đất Ô Châu, sau mất ở đất Sở (Sở Hùng Thông), gần hồ Động Đình. Ông có con là Đế Lai. Đế Lai sinh ra Âu Cơ".

Không triều đại nào giao việc chép sử cho một nhà văn. Với óc tưởng tượng hạn chế, văn sĩ nhà ta cũng dễ viết một chương đầy lãng mạn về quãng thời gian Mẹ Âu Cơ và Cha Lạc Long Quân đến với nhau, nói theo ngôn ngữ hiện đại là yêu nhau, rồi cưới nhau. Rồi đến cảnh đêm tân hôn. Sau đó là tuần trăng mật (ở vùng đất Phú Thọ nên thơ chẳng hạn)... sinh ra bọc trứng, vân vân.

Người chép sử không dài dòng văn tự, mà chỉ lấy ra vài dòng được chép trong *Lĩnh Nam chích quái* thời Trần như sau:

"Âu Cơ kết hôn với Lạc Long Quân, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con. Về sau, Lạc Long Quân tạm thời chia tay với Âu Cơ; 50 người con theo cha xuống biển, 50 người con theo mẹ lên núi. Người con cả được tôn làm vua, gọi là Hùng Vương".

Hùng Vương là một thời đại trong tiến trình dân tộc Việt, mang rất nhiều bí ẩn và đậm chất truyền thuyết. Vậy nên cũng có quá nhiều thắc mắc xung quanh niên biểu và thời gian trị vì của các vị vua Hùng. Dẫn ra một: Kinh Dương Vương với quốc hiệu Xích Quỷ năm 2879 TCN; trong lúc con trai trưởng của Lạc Long Quân lên làm vua hiệu Hùng Vương đặt tên nước Văn Lang và cũng vào năm 2879 TCN; để thấy rằng đây quả thực là một bài toán họa chăng "bói" mới giải thông. Hoặc như tôi cũng có thể đặt câu hỏi: Ai là nhân vật "hợp hôn" với 50 người con trên núi (hoặc 50 người con ở biển) của Lạc Long Quân và Âu Cơ để có con cháu đời đời sinh sôi nảy nở là tôi và hơn 80 triệu người hôm nay trên nước Việt này? Không thể trả lời. Nhưng tôi chẳng may mắn bản khoản tìm kiếm. Chỉ muốn mình đặt được chân lên miền Đất Tổ, thấp nén hương dâng lên 18 vị vua Hùng, mặc nhiên cúi đầu trước khoảng trống mệnh mang hương khói mà tạ ần về một dạng năng lượng siêu nhiên đã truyền đúng khí cho đất nước biết gượng đứng lên trong những thời điểm tưởng chừng đã hoàn toàn sụp đổ!

Không phải Đến Hùng là Bàn Thờ Tổ quốc Việt mà tôi nổi hứng phóng đại. Chỉ đặt chân lên Đến Hạ thôi cũng đã cảm nhận được hồn thiêng tự khí đang ngàn ngút bao trùm hết thảy cảnh cây ngọn lá, bao trùm ý nghĩ chưa phát ngôn của mỗi ai đang tiếp bước từng bậc thang lên đỉnh *Núi Hồn*. Đến Đến Hùng đúng đêm khai mạc Giỗ Tổ, chọn một góc núi cheo leo ngó xuống toàn cảnh sắc màu lễ hội, cảm giác như từ niên đại vua Hùng đến nay dân tộc này chỉ sống trong hòa bình. Tiếng trống Đông Sơn dội vang lồng ngực...

Chạm tay vào các hiện vật thời đại Vua Hùng, tôi vẫn tin sự thật đang được vén lên theo từng lớp đất đá. Đông Sơn là thời đại gần nhất so với các lớp trầm tích văn hóa khác như Gò Mun - Đồng Đậu - Phùng Nguyên trong tiến trình phát triển của thời đại Hùng Vương. Do vậy, việc người dân ngẫu nhiên phát hiện ra trống đồng xã Hy Cương ngay dưới chân núi Nghĩa



Linh ngày 7 tháng 8 năm 1990 là một minh chứng sáng nhất cho sự tồn tại kỹ thuật bậc cao chỉ có thể có dưới một thể chế chính trị phát triển và ổn định vùng Đông Nam Á thuộc thời đại Đồ Đồng. Vì sao? Lịch sử nhân loại gắn liền với vô vàn những cuộc xâm lăng và những cuộc đấu tranh giữ yên bờ cõi. Tiếng trống là sự thúc giục niềm kiêu hãnh về mảnh đất các tướng lĩnh đang đứng, cũng là "làm dịu" tính hung hãn của giặc Thương - Ân luôn tìm cách dầy xéo lên những gì không thuộc về họ. Tiếng trống trong thời đại Hùng Vương là lời hiệu triệu hùng tráng đẩy lùi giặc già. Tiếng trống hân hoan cuồng nhiệt trong niềm vui gắn kết các bộ lạc anh em, trai gái vui vầy hẹn ước. Tiếng trống cũng là lời kinh cuối cùng nguyện yên lòng người đi về chân trời khác. Ngày nay kế thừa ngày hội Trống đồng của dân tộc Mường ở vùng đất Thanh Sơn, tại Đền Hùng đúng ngày Giỗ Tổ các vua Hùng mừng 10 tháng 3 Âm lịch, lễ đánh trống đồng được khôi phục và là một điểm nhấn đậm sắc tâm linh nguồn cội.

Không có niềm tin nào thấm hơn khi con người chìm vào tâm linh. Hãy nhìn dòng người kín kịt từ khắp miền nước Việt nối nhau đặt chân lên từng bậc thang lên dâng hương Đền Hùng mới biết được sức mạnh vô bờ như chính sức mạnh từng giữ yên bờ cõi nối dài tới thời đại Lý - Trần và thật hào khí mới cách đây ba bốn chục năm thôi.

Lần đầu tiên về miền Đất Tổ, cũng là đêm đầu tiên Quốc Giỗ được tiến hành, thời gian chỉ cho phép trong 2 giờ đồng hồ, tôi đã bỏ lại khán trường rực rỡ đèn hoa, bỏ lại cuộc trình diễn của hàng trăm nam thanh nữ tú là diễn viên chuyên nghiệp đầy sức trẻ và cả hương núi sắc rừng của vũ nữ Tà Xèng, Thái, Mường... mang hơi thở hoang dã lẫn vào điệu múa chao đảo buồn làng, leo lên Đền Hạ - Đền Trung - Đền Thượng - nơi ngọn gió từ Biển và Núi của một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ đã lớn lên và khoẻ mạnh giữa bao thăng trầm loạn lạc của thời đại Mẹ Cha.

Nằm trong quần thể di tích Đền Hùng, Giếng Ngọc có

thể ví như chiếc gương, ai đến Đền Hùng dâng hương, cũng nên ngấm lại khuôn mặt từ đó mà soi lại tâm mình. Tôi ngồi trên núi Nghĩa Linh vì vu gió mà nhớ về một ngày đẹp trời vua Hùng thứ 18 đã dẫn vợ con và quần thần lên tại đây thanh lọc tâm hồn cầu trời cho dân tình được no ấm, xã hội phồn vinh thịnh trị, tích đức cho muôn đời con cháu tiếp tục nối dõi đế nghiệp... Cũng như tôi, hẳn rất nhiều nhà thơ đã soi khuôn mặt của mình xuống lòng giếng trong vắt để hình dung ra bóng dáng của Tiên Dung và Ngọc Hoa ẩn hiện trong mây trời bảng lảng. Không ai muốn múc một ngụm nước như hai nàng đã uống sương trời tụ lại trong giếng Ngọc, sợ làn sóng nhẹ sẽ xóa đi dung nhan hiện trên nền trí tưởng của thi sĩ. Chỉ khác một điều, tôi không nảy ra một ngôn từ mi diệu nào dành cho nguồn nước thiêng dường như vô tận, âm ỉ chảy ra từ lòng núi kể từ thế kỷ 17, khi đến giếng được dựng nên để thờ giọt Ngọc.

*

Mỗi năm, mỗi nhà có ít nhất một ngày giỗ gia tiên. Người giàu thì làm mâm cơm đầy đủ những món sinh thời quá cố ưa thích. Người nghèo thì cơm trắng muối vừng, hương hoa khoai sắn. Người "trắng tay" thì thấp nén nhang tưởng nhớ. Không ai hoàn toàn bình thường lại quên đi ngày người đã sinh thành ra mình, người nuôi nấng hay trọn đời giúp đỡ dẫu không máu mủ ruột rà. Giỗ Tổ cũng mỗi năm một lần. Do điều kiện ai không thể hành hương ít nhất một lần trong đời, nhớ ngày Giỗ Tổ mà thấp lấy một nén nhang bái vọng về Đền Hùng khẩn niệm.

Nói vậy không phải tự hào rằng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ trong đời. Có một nhiệm vụ lớn hơn là: chỉ một nắm đất Tổ mang về bán quán, tôi phải gieo vào đó hạt mầm hy vọng khoẻ mạnh tươi xanh - ước mong đất nước có bản đồ hình chữ S này sẽ sống Hòa Bình trong mười thế kỷ nữa, tính từ ngày con rồng của Lý Công Uẩn duỗi mình sau đúng một ngàn năm.

* Ảnh của tác giả. ■



Tụng kinh

TRÊN NGHĨA TRANG ĐỒNG NHI

QUÁCH GIAO

C hiều mười tám tháng Tư âm lịch chúng tôi nhận được quà của phượng sở tại gửi tặng mấy đứa cháu nội nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1 tháng 6 năm 2010. Cùng lúc, tôi nhận được điện thoại của chùa Từ Tôn báo tin mời tham dự buổi lễ cầu siêu cho các em sơ sinh bất hạnh được chôn tại nghĩa trang Đồng Nhi núi Thơm. Năm ngoái chúng tôi có đến thăm nghĩa trang này vào dịp Tết Trung Thu, năm nay lại tham dự lễ cầu siêu vào dịp mừng ngày thiếu nhi thế giới.

Con đường dốc dẫn lên nghĩa trang đi lại rất khó khăn. Hai hàng bạch đàn dọc đường đã bị đốn sạch,

gốc cây chen lẫn đá tảng gồ ghề làm khó nhọc những bước chân già. Bầu trời xanh quang đãng, mây đang lững lờ trôi về tận cuối trời.

Cũng như năm trước, nghĩa trang đang nở hoa hồng chào mừng đoàn người đến dự lễ cầu siêu. Năm nay, cách bố trí các khu vực trồng hoa đã có thay đổi. Mỗi khu vực mang một màu riêng biệt: vàng, đỏ, trắng, tím và xanh. Xinh xắn và nóng ấm. Màu hoa hớn hở như những nụ cười cời mở của các em. Người đến dự lễ cầu siêu cũng trải lòng ra như muốn đón nhận các em về trong không khí thân thương của mái ấm gia đình.

Phía trên đồi cao đã có nhiều ngôi mộ mới, tuy hơi



xa xôi nhưng vẫn như trong một vòng tay lớn. Các em như đang ngồi chờ quan sát buổi lễ trên một khán đài lót hoa hồng. Ngọn núi Thơm sau lưng sừng sững chờ che. Gió từ biển Nha Trang dịu dặt thổi về. Hai hôm nay trời chiều có mưa giông. Hạt mưa nhẹ rơi rồi nhanh chóng thấm vào lòng đất. Trên một đôi cánh hoa, vài giọt mưa long lanh còn đọng như những giọt sương chiều. Cơn nắng nóng có từ nhiều ngày qua hầu như tan biến.

Đã hơn mười tháng xa cách mà hôm nay khi trở lại lòng vẫn không khỏi bùi ngùi. Các ngôi mộ vẫn nằm yên lặng kể sát bên nhau như đang chuyển cho nhau hơi ấm. Mộ hoa càng ngày càng thêm sạch sẽ. Cảnh vật vẫn đậm thắm thân thương dưới bầu trời trong xanh bao la. Những cây bạch đàn trong khuôn viên nghĩa trang vẫn rũ tơ trước gió, rì rào lời êm ái dịu dàng.

Bầu trời dần dần đen thêm khi các ngọn nến lần lượt được thắp sáng. Gió tự nhiên ngừng hiu hắt, không gian bao la như đọng lại. Những nén hương được chuyển đi cắm rải rác khắp nơi, bắt đầu le lói sáng trong màn đêm.

Lễ cầu siêu bắt đầu. Trên đài cao, các vị sư và chư Phật tử nghiêm trang chấp tay trong khói hương nghi ngút. Bỗng nhiên gió từ biển lại hiu hui thổi về. Tất cả các ngọn nến rung rinh xao động. Giọng trầm mà vang của vị Đại đức chùa Từ Tôn vừa cất lên lập tức làm xao động bầu không khí lặng lẽ của nghĩa trang. Các Phật tử rung rung tiếp nối lời khởi kinh rồi đồng thanh cất tiếng đọc theo giọng linh xướng của vị sư chủ trì. Không gian nghĩa trang bỗng dưng ấm lại. Những ngọn nến hớn hờ bập bùng. Lời kinh thủ thi, giọng đọc kinh nhẹ

nhàng... nghe như lời ru của mẹ, như lời hát của bà.

Ngồi lẳng một mình bên góc thềm mộ có một bóng người chăm chú bên giá đặt kính dưới ngọn nến heo hút chập chờn. Một bà cụ không lên đứng được trên lễ đài nên đã xuống ngồi gần bên các cháu. Bà không cô đơn vì đã có các cháu đang vây quanh bà. Đây là một hình bóng của một bà cố, bà nội, hay bà ngoại... ngồi đọc kinh cho các cháu, các cháu cùng nghe trong buổi kinh chiều... Tiếng tụng kinh của bà âm trầm, nhỏ nhẹ, từng giọt từng giọt nhỏ xuống những tâm hồn của các cháu đang bơ vơ thiếu mẹ, vắng cha. Cha mẹ chúng đã đi xa, chỉ còn lại một mình bà đang cút côi ngồi thì thầm cùng các cháu... Trước mặt bà, chung quanh bà, hàng trăm hoa hồng đang nở như hàng trăm môi hồng của các cháu đang hé ra yên tâm đón nhận những âm thanh dịu dàng của lời kinh, nghe như những lời ru của bà trong đêm hè vắng mẹ.

Trên những bông hoa xinh đẹp này như có một bầy con trẻ đang say mê ngồi nằm, đông đưa lắng nghe tiếng tụng kinh của bà bằng những tâm hồn trẻ thơ với những đôi mắt tinh anh nghịch ngợm. Tiếng bà tụng kinh râm rì như bà đang kể chuyện *Tấm Cám* đến giai đoạn thích thú và hấp dẫn.

Bóng bà trải dài trên nền mộ như ủ ấm cho những đứa trẻ đang ngủ say trong lúc lời kinh tiếng mõ của đoàn cầu siêu vẫn âm vang trên khắp nghĩa trang. Một đôi chỗ nến đã tắt, hương đã tàn; như thế những nơi đó bắt đầu chuẩn bị cho các trẻ vào giấc ngủ đầu hôm. Tuy nhiên, bà vẫn ngồi tụng kinh bên ngọn nến lung linh, nối tiếp dòng kinh không ngưng nghỉ của đoàn cầu siêu.

Lòng bà thương yêu các cháu vì cuộc đời các cháu cô độc và bơ vơ... Có cháu chưa kịp chào đời đã vội đi vào cõi vĩnh hằng. Có cha có mẹ mà cũng như không. Bà đọc kinh cho các cháu vì bà vẫn coi các cháu là người thân; biết đâu có thể trước đây các cháu là cháu của bà. Những ngọn đèn leo lét đêm nay là tấm lòng hiu hắt của bà. Những đốm nhang lập lờ trong đêm nay là tình thương của bà dù nhỏ nhoi yếu ớt, dù chập chờn heo hút nhưng ấm áp và có chút hương tình yêu của bà với các cháu.

Sau hai giờ ngồi tụng kinh cho các cháu nghe và cầu cho linh hồn các cháu được an lành trong cõi siêu nhiên, lòng bà vô cùng thanh thản. Các cháu có được đi đầu thai kiếp khác thì cầu mong cho các cháu được vào an trú ở một nơi có mẹ có cha, có tấm lòng thương yêu triu mến của tất cả mọi người.

Khi hai đồng lửa đốt các lễ vật cầu siêu bùng lên soi sáng khắp nghĩa trang thì buổi lễ cầu siêu đã mãn. Trên đường về lòng mọi người như ấm lại. Trên cõi dương mọi trẻ em được vui ngày lễ hội, thì dưới cõi âm những lời kinh cầu siêu cũng đã mang lại niềm an ủi đến các trẻ bất hạnh có số phận cô đơn và bơ vơ.

* Ảnh của tác giả. ■

Đổi thay

THÍCH QUANG THIÊN

Một đời người, chúng ta phải thường đổi diện, đón nhận và chấp nhận bao đổi thay diễn ra trong ta và xung quanh ta. Những đổi thay ấy có thể làm ta vui, làm ta hạnh phúc v.v. và cũng có thể làm ta buồn, ta đau khổ; đôi khi ta chao đảo mất thăng bằng một thời gian khá dài.

Thuở bé thơ, ta thường mong mình được làm người lớn. Làm người lớn thì thích lắm. Trong nhận thức ngày thơ của mình, ta cứ ngỡ rằng khi là người lớn thì làm gì cũng được, muốn đi đâu thì đi... Chúng ta mong ước sự đổi thay này và tưởng rằng sự đổi thay này chắc chắn mang lại cho ta cảm giác vui thích dễ chịu. Nhưng chẳng bao lâu sau, ta nhận ra rằng làm người lớn cũng không hoàn toàn thích thú lắm. Người lớn thì có trách nhiệm và ứng xử theo kiểu người lớn; người lớn cũng đâu phải là muốn làm gì thì làm; người lớn có nhiều mối tương quan hàng ngang hàng dọc, diện tiếp xúc rộng, thế là làm gì, nói gì, nghĩ gì, cũng phải đắn đo cân nhắc trăm bề... thật khó để có một quyết định hoàn toàn là của mình. Dẫn gian gọi tình trạng lệ thuộc tương quan này là "thân bất do kỷ", còn đạo Phật gọi là "duyên sinh - vô ngã" vậy.

Năm tháng đi qua dần, đời người cứ thế trôi, ta đã bỏ xa tít tắp sau lưng ta cái ngưỡng đánh dấu ta là người lớn, rồi ta trở thành lão niên lúc nào ta cũng không nhớ được. Chợt một ngày, ta thấy mình hay lẫn lộn với những điều đã qua, ta hay quên bất chợt, hay nói thời của tôi... tay chân ta cũng không còn mạnh mẽ, linh hoạt và săn chắc nữa, thao tác của chúng ta cũng không chính xác như xưa. Ta bàng hoàng nhận ra mình đã già hay ít nhất cũng đang già đi từng ngày. Đây cũng là một đổi thay. Đổi thay này có thể mang đến cho chúng ta những kiêng dè nể trọng của lớp người đi sau ta... mà cũng có thể khiến ta là chẳng gì cả đối với họ; đôi khi lại là một chương ngại bực bội đối với họ cũng không chừng. Đó là thái độ của người

đối với ta; còn chính bản thân ta khi đối diện với sự đổi thay này cũng lắm nỗi niềm và nhiều chiều hướng khác nhau. Người minh triết thì tự tại an nhiên ứng xử theo dòng chảy bất tận của vô thường như xưa nay nó vẫn thế. Họ sống và làm việc theo nhịp độ thể tạng và tâm thức của mình: đều đặn, tự nhiên như sự cần mẫn của mặt trời mọc lặn ngày đêm. Người chưa thấu lẽ tự nhiên xưa nay thì bàng hoàng, lo âu, sợ hãi. Đây chính là dấu hiệu để ta nhận ra phẩm chất cuộc sống của ta qua những đổi thay của đời người.

Rồi một ngày nào đó, ta mang tâm trạng rười rượi buồn khi đến viếng một người bạn cùng trang lứa ra đi. Sự kiện này thật sự chấn động đến ta rất lớn. Hôm nay ta đi viếng người, rồi có ngày người người cũng đi viếng ta. Điều này chắc chắn hơn bất cứ sự chắc chắn nào trên đời này. Cảm thức về sự đổi thay này có thể làm cho ta có dịp nhìn lại cuộc đời của mình. Tùy theo tấm lòng, trí tuệ và bản lĩnh của mỗi người mà sự nhìn lại này có thể làm cho ta sống tốt hơn, ta biết quý quý thời gian còn lại của ta, ta trân trọng những việc ta đang làm cho đời, ta nhìn người và nhìn người với cặp mắt nhân hậu và bao dung hơn. Ở một tâm thế khác, cảm thức này có thể làm cho ta sống gấp gáp, hối hả trong sự tận dụng hưởng thụ để thỏa mãn những khát khao ích kỷ của tự ngã. Hệ quả tất nhiên là ta sống quay cuồng trong sự đảo nhối của thác loạn. Sự thác loạn này không thể tránh khỏi sự bất an, khổ đau và tổn thương cho mình và người. Cũng có người bị cảm thức thay đổi này làm cho họ chán nản, hoài nghi, không còn thiết tha gì với cuộc sống; họ kéo dài trạng thái trầm uất trong sự lo sợ, sự nhụt nhèo, vô vị đối với đời sống của mình và của người. Hai kiểu ứng xử sau hẳn chúng ta đều đồng ý là không tốt và không chỉ là không tốt mà còn gây tổn hại và nguy hiểm cho mình và cho người. nhưng biết nói sao được. Vốn sống, vốn hiểu biết, bản lĩnh và tấm lòng của mỗi người là khác nhau mà. ■

Ngày về

PHẠM THANH CHUONG

Hai từ “ngày về” nghe thân yêu, dịu dàng và êm ái gợi cho ta hình ảnh nơi chốn của một thời đã sống. Ở nơi đó là quê hương, là thôn làng, là bờ ao giếng nước, là dòng sông kỷ niệm... của cả một quãng đời thơ ấu. Quay về thăm lại quê xưa chốn cũ là điều ai cũng mong đợi, cũng háo hức, cũng trần trọc với tâm trạng hoài hương của kẻ ruỗi rong ở những phương trời lữ thứ. Nhưng con người còn có một *Ngày về* khác mà không ai mong đợi, dù là quay về lại với **Quê Hương thực**, nơi mà từ đó ta đã ra đi. Đó là “*Ngày về với cát bụi*”! Từng ngày sống là từng ngày đi lẩn về chốn đó, dù mau hay chậm, dù muốn hay không.

SINH, LÃO, BỆNH, TỬ. Quy luật bất biến từ ngàn xưa đó chỉ phối tất cả mọi người mang xác thân tứ đại trên cõi thế, dù là thánh nhân hay kẻ hiền người ác.

Alexander đại đế (356-323 BC) là thiên tài quân sự Hy Lạp thời cổ đại, đã đem hùng tài thao lược chinh phục cả một nửa thế giới. Vị hoàng đế lừng danh, bách chiến bách thắng này xem mạng người như cỏ rác, say men quyền lực, tham đắm trong phú quý, những tưởng rằng mình sẽ sống mãi với thời gian. Nhưng khi đối diện với cái chết ở cái tuổi tráng niên, khi mà sự nghiệp huy hoàng còn mở ra phía trước, ông chợt tỉnh ngộ và biết rằng: Cuộc sống vốn **VỐ THƯỜNG**, cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, không có gì tồn tại mãi.

Tương truyền, trước khi băng hà, ông cho nhóm họp quần thần, và huấn dụ phải thực hiện cho ông ta 3 điều:

1. Người khiêng quan tài vua đến huyệt phải là những danh y của triều đình.

2. Rải vàng bạc, châu báu hai bên đường khi đưa quan tài đến huyệt.

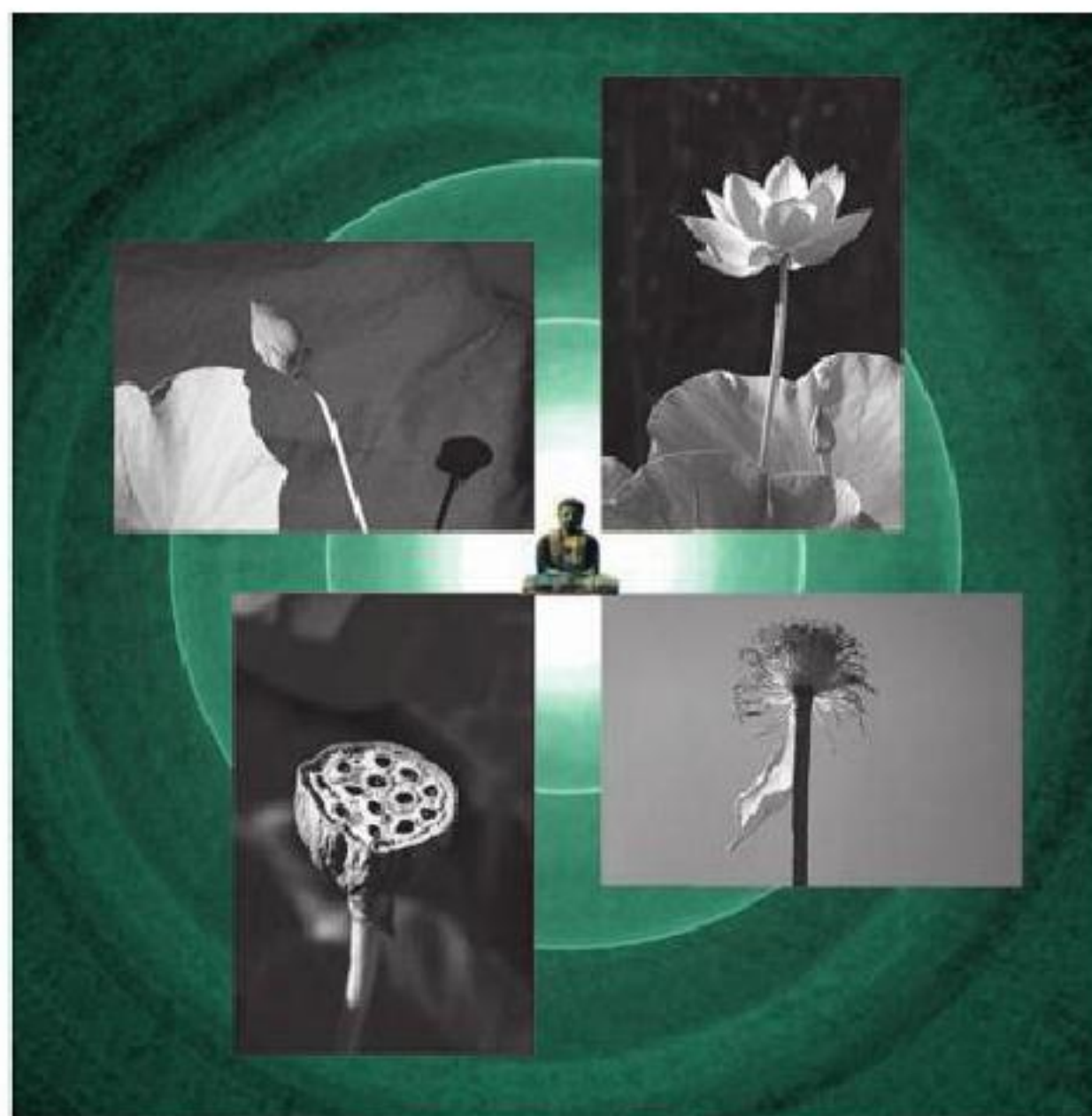
3. Để hai bàn tay của nhà vua lộ ra ngoài quan tài.

Khi nhà vua đưa ra ba điều ấy, cả triều đình đều băn khoăn không hiểu. Một vị đại thần bèn đánh bạo tâu:

- Xin Bệ hạ cho biết ba điều trên có ý nghĩa như thế nào?

Nhà vua phán;

- Thứ nhất, bắt những danh y của triều đình khiêng ta đến huyệt để chứng tỏ rằng khi Thần Chết đã đến, thì ngay những bậc danh y tài giỏi nhất cũng phải bó tay. Thứ hai, rải vàng bạc, châu báu hai bên đường để



Ảnh: Đặng Đức Cường

chứng tỏ rằng những gì mà ta tích lũy trong suốt một đời chinh phạt lung lay rồi cuộc cũng phải trả lại cho cõi trần này, không mang theo được gì. Thứ ba, để hai bàn tay ta lộ ra ngoài quan tài để thiên hạ hiểu rằng ta đã đến với cuộc đời này bằng hai bàn tay trắng thì khi ta về lại với cát bụi cũng chỉ có hai bàn tay trắng.

Sự sống vốn dĩ hết sức mong manh, có thể sáng nay, chiều nay, ngày mai hay tuần sau ta không còn trên cuộc đời này nữa. Một hơi thở đi ra mà không có một hơi thở kế tiếp đi vào là đã xong một chu kỳ sống. Vạn vật luôn hoán đổi, xoay vần. Dù quyền lực, giàu sang, tài giỏi đến cỡ nào cũng không thoát ra ngoài qui luật **THÀNH, TRỤ, HOẠI, DIỆT**. Từ một vị hoàng đế đầy quyền uy cho đến một người dân đen cùng khổ, ai ai cũng đều **bình đẳng** trước cái chết. Cái chết luôn luôn làm cho con người sợ hãi, xa lánh, con người lúc nào cũng “*kết án*” cái chết, xem đó như một sự kết thúc “*tối tệ*”. Nhưng nghĩ cho cùng “*cái chết*” là một *án huệ* dành cho mọi người. Chúng ta không thể sống mãi, dòng sông dù có dài bất tận rồi cũng có lúc chảy ra ngoài biển lớn. Cái gì có khởi đầu tất phải có hồi kết thúc. Giả sử nếu không có cái chết thì cuộc sống sẽ nhàm chán biết bao! Nhờ có cái chết nên ta trân trọng, quý hóa sự sống từng ngày!

Cám ơn đời, mỗi sớm mai thức dậy

Ta có thêm ngày nữa, để yêu thương

Kahlil Gibran (Nguyễn Nhật Ánh dịch)

Trong cuộc hành trình đơn độc của *ngày về*, tất cả đều bỏ lại, cả *tấm thân giả tạm* này. Chỉ có một thứ hành trang duy nhất ta mang theo do chính ta tạo ra, gieo cấy trong kiếp sống này đó là: **THIỆN NGHIỆP** và **ÁC NGHIỆP**.

Cuộc sống sẽ tốt đẹp và an lạc ngay trong kiếp đời hiện tại nếu chúng ta chia sẻ với tất cả những người sống quanh ta bằng tấm lòng nhân hậu, khoan dung, từ bi, hỷ xả. ■



Tưởng niệm Bồ-tát Thích Quảng Đức

Cách nay 47 năm, vào ngày 11-6-1963 (nhằm ngày 20 tháng Tư nhuận năm Quý Mão), Hòa thượng Thích

Quảng Đức đã tự thiêu để phản đối chính sách kỳ thị Phật giáo của chính phủ Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam; cầu nguyện cho Phật giáo Việt Nam trường cửu bất diệt; và cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Sau khi tự thiêu, nhục thân của ngài còn lại một trái tim bất hoại. Trước hạnh nguyện cao cả của ngài, Phật tử VN đã tôn xưng ngài là Bồ-tát. Để ghi nhớ sự hy sinh của ngài, vào ngày 2-6-2010 (nhằm ngày 20 tháng Tư năm Canh Dần),

tại trụ sở Văn phòng II Trung ương Giáo hội, số 294 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM, Ban Thường trực T.Ư GHPGVN và Thành hội Phật giáo TP.HCM đã tổ chức trọng thể lễ tưởng niệm lần thứ 47 ngày Bồ-tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân.

Cùng ngày, tại Công viên Tượng đài Bồ-tát Thích Quảng Đức, số 70-72 Cách Mạng Tháng 8, p.6, q.3, TP.HCM, ngay ngã tư Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu (trước kia là ngã tư Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng), đối diện địa điểm Bồ tát Quảng Đức tự thiêu, UBND, Sở Văn hóa-Thể thao & Du lịch và THPG TP.HCM đã tổ chức an vị pho tượng Bồ-tát Quảng Đức. Pho tượng được đúc bằng đồng cao 6 mét kể cả bệ, nặng trên 12 tấn. Hiện Công viên Tượng đài Bồ-tát Thích Quảng Đức còn đang tiếp tục được xây dựng và sẽ khánh thành vào tháng 7-2010. (PV)

Lãnh đạo truyền thống Geluk của Phật giáo Tây Tạng đến thăm chính thức Việt Nam lần thứ hai

Một phái đoàn Phật giáo Tây Tạng theo truyền thống Geluk do Ngài Dhakpa Tulku Rinpoche dẫn đầu đã đến Việt Nam trong một chuyến thăm viếng chính thức kéo dài từ 22-5 đến 28-6-2010. Trong thời gian hơn một tháng, các vị Lạt-ma Tây Tạng này có nhiều hoạt động. Ngoài các cuộc thăm hữu nghị chính thức đến các Ban Trị sự Phật giáo địa phương ở các tỉnh Bình Dương và TP.HCM, đoàn còn đến viếng các ngôi tự viện nổi tiếng như chùa Đại Tòng Lâm ở Bà Rịa-Vũng Tàu, tịnh xá Trung Tâm thuộc quận Bình Thạnh TP.HCM, chùa Từ Đàm ở Huế, chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh và chùa Hương Tích ở Hà Nội. Tại Huế và Hà Nội, đoàn có kế hoạch thăm các Học viện Phật giáo và trao đổi kinh nghiệm tu tập với các Tăng Ni sinh. Đoàn

cũng tổ chức nhiều buổi lễ cầu nguyện cho hòa bình thế giới, cầu quốc thái dân an và thực hiện một số buổi lễ quán đảnh. Ngày 2-6-2010, đoàn đến chùa Phổ Quang quận Tân Bình TP. HCM và được BTS THPG TP.HCM đón tiếp trọng thể. Vào tháng 12-2009, Ngài Dhakpa Tulku Rinpoche cũng đã dẫn đầu một phái đoàn Lạt-ma đến Việt Nam và đã đến thăm chính thức Hòa thượng Chủ tịch HĐTS GHPGVN. Được biết, một số dư luận của các trí thức Phật giáo Việt Nam cho rằng nội dung giáo lý của một số vị Lạt-ma có thể chưa phù hợp với truyền thống Phật giáo Việt Nam. Về việc này, chúng tôi chưa dám có ý kiến. (PV. tổng hợp)



Mùa lễ hội Hoa đăng của Phật tử Hoa Kỳ gốc Nhật ở đảo Kauai, bang Hawaii

Lễ hội Hoa đăng của Phật tử Hoa Kỳ gốc Nhật sinh sống ở đảo Kauai thuộc bang Hawaii đã bắt đầu khai diễn từ ngày 4-6-2010 và sẽ kéo dài đến 14-8-2010. Người Nhật gọi lễ hội này là Obon và tổ chức tương tự lễ hội Vu lan đối với Phật tử Việt Nam. Trong suốt thời gian diễn ra lễ hội, mỗi địa điểm tổ chức sẽ được thắp sáng bằng hàng trăm ngọn đèn



lồng màu hồng. Ngay giữa không gian lễ hội, người ta dựng một ngôi tháp trang trí bằng nhiều loại hoa và những chiếc trống cổ truyền, ở đó diễn ra các sinh hoạt múa hát và dâng lễ vật theo nghi thức. Lời cầu nguyện được dâng lên tổ tiên bằng cả tiếng Anh và tiếng Nhật. Trong ngày 14-8, mọi sinh hoạt múa hát và dâng lễ vật sẽ kết thúc để đến ngày 15-8-2010, dân chúng sẽ thắp sáng những ngọn đèn rồi thả trôi ra biển, biểu thị cho việc tiễn đưa vong linh tổ tiên đã ở với họ suốt mùa lễ hội. Lễ hội khai diễn tại chùa Zenshujii thuộc phái Tào Động ở Hanapepe và sẽ bế mạc tại chùa Hongwanji ở Tây Kauai. Hawaii là nơi có những ngôi chùa đầu tiên của người Nhật trên đất Hoa Kỳ. (PV)

Lại về

HÀ TÚC TRÍ

Xin hãy về như những cánh chim
Quên những ngày tha phương khát mỗi
Chiều về bay lượn bên sông
Xưa những ngày xuân còn xanh

Xin hãy về hội ngộ trăm chim
Những cánh chim tha thiết cuộc đời
Về đây với thơ – nhạc và những bức tranh tơ trời
Về đây hát ca
Về đây hát ca
Bản đồng dao mùa hạ thơm mừng em vừa lớn

Nơi đây đây chim bay về
Từ Địa Trung Hải xa xăm
Bên kia Thái Bình Dương thăm thẳm
Cũng về đây hòa tiếng hát ca
Thành phố cổ tích của ta – là thánh địa của những nhà thơ
của những người vẽ muôn màu lên bầu trời và những tàng cây
bức bích họa ngàn đời giữa một dòng sông thơm ngát
Nàng đi từ Huế
Người lại về Huế
Những bản tình ca của chàng nhạc sĩ thiên tài
còn mãi...
“... Đi đâu loanh quanh...”
Rồi lại về đây!



Chùm thơ Haiku

NGUYỄN MẠNH QUÝ

1. Nếu có một ngày
ta đếm ngược tuổi mình
trung trĩnh, muốn sống.
2. Em đại khờ bơ vơ
nhẹ nhện giăng tơ đợi chờ
đại khờ vương muối.
3. Bên gốc thông gầy
trong mùa hoa ấy
nào ai hay...
4. Vườn tịch liêu
ấm chân người tri kỷ
nhái con kêu âm ỉ.
5. Chữ hoa ngủ trên đá
người thảo nét hoa
lâm quạ.
6. Ta không có trăm năm
làm sao về thiên cổ
tìm nhau con sóng vỗ
cát xô bờ hư vô.
7. Vầng trăng
cùng chờ ai
thao thức đêm dài.
8. Một đóa phù tang
ngắn ngơ giữa làng Liễu – Thượng
rộng chân bước.
9. Duyên nợ Phù – Tang
lạc bước trần gian
vườn địa đàng hoa nở.
10. Chiếc lá ngủ quên
thức trái mặt trời non dại,
em chín anh.

Hẹn hò

VĨNH BA

Trăm năm lắm cuộc hẹn hò
Người yêu hẹn gặp
Con đò hẹn đưa
Buổi mai hẹn với ban trưa
Đêm khuya hẹn những giấc mơ diệu kì
Bàn chân hẹn với đường đi
Yêu thương hẹn những thắm thì gửi trao
Mây ngàn hẹn với núi cao
Trời xanh hẹn nắng
Hoa đào hẹn xuân
Còn tôi hẹn với mộ phần
Đôi nghiêng cổ mượt tà huân bóng mềm.

Tháng tư rằm

MẶC KHÔNG TỬ

Ta ngồi lại soi mình trên bến vắng
Giữa hoang tàn ai vẽ giấc mơ hoa
Đêm huyền diệu muôn sao trời chợt sáng
Tháng tư rằm Phật ngự ở lòng ta.

Vô đề

Đêm khuya hồ tâm lặng
Soi bóng trăng chùm quê
Cửa Tùng hai cánh mở
Sư quấy ánh trăng về.

Chùm thơ Hai-ku

Chung trà ấm
Chiều mưa độc ẩm
Hương trầm nhẹ bay.
Trên cánh hoa đêm
Giọt sương về ngủ
Đợi vầng trăng lên.
Tĩnh tọa dưới trăng
Ngắm lòng nguyệt bạch
Trăng huyền mộng trắng.

giấc mơ có thật

LAM KHÉ

Trời khuya. Trăng sáng tỏ. Nằm trên chiếc chõng tre trước hiên nhà, anh nhắm mắt mà không tài nào ngủ được. Không gian im vắng thỉnh thoảng vang lên tiếng đập cánh rõ to của loài chim ăn đêm bay lượn qua lại nơi cuối sân vườn.

Anh ngồi dậy theo tư thế thẳng lưng, điều phục hơi thở, giữ tâm tĩnh lặng. Cách ngồi này anh học được từ những năm tháng còn trong trại giam. Một lúc, sự thanh thản nhẹ nhàng bắt đầu lan tỏa khắp người. Ký ức thời gian cũng miên man chảy tràn qua tâm thức của người vừa trở về.

... Buổi sáng hôm ấy bầu trời thật u ám. Đến giờ ra chơi mới có chút nắng vàng. Tiếng trống vừa điểm, đám học sinh túa ra sân như bầy ong vỡ tổ. Long đứng trước cửa lớp nhìn các bạn chơi đùa mà không có chút hứng thú tham gia. Một lúc Hoàng Châu bước đến nói vài câu tỏ ý bất bình về việc Long giục bài kiểm tra của cô bạn trong lớp. Chuyện không đáng gì mà cả hai bỗng đứng nổi nóng. Họ quay vào lớp nhảy lên mặt bàn giải quyết mâu thuẫn bằng nắm đấm. Bất ngờ, một cái gạt chân của Long làm Hoàng Châu trượt chân ngã nghiêng người xuống, thái dương đập thẳng vào cạnh bàn giáo viên rồi lăn ra bất tỉnh. Long hoảng hốt kêu lên. Bạn bè chạy vào lớp ngăn ngừa nhìn. Có đứa chạy đi báo cho thầy cô. Hoàng Châu được đưa đi cấp cứu nhưng không qua khỏi. Long trở thành người có trách nhiệm chính trong cái tai nạn chết người này. Tự thâm tâm, Long cũng hiểu mình đã gây ra cái chết oan ức của bạn.

"Hoàng Châu mất, nỗi mất mát quá lớn với gia đình chúng tôi. Nó là đứa con ngoan lại học giỏi... Nhưng người chết đã chết rồi. Người sống... xin cho

họ có cơ hội nhìn về phía trước. Long tuy trẻ người non dạ nhưng không cố ý và việc trượt ngã chỉ là rủi ro. Hai đứa chúng nó lại từng là bạn bè thân thiết..."

Trước tòa, cậu bé mang tội danh ngộ sát đứng cúi đầu, không một lần ngẩng lên nhìn ai, không cầu xin chút ân huệ cho mình. Hội trường yên lặng. Người ta nghe rõ tiếng sụt sùi cố nén của hai bà mẹ. Có không ít những lời bình phẩm ta thán. Khi tiếng còi hụ đưa tội nhân về phía nhà lao, mọi người mới chưng hửng nhìn ra khoảnh sân phía ngoài. Có chiếc lá xanh vừa rụng bên thềm. Có bầy chim hoàng hốt cất tiếng kêu tạo tác trước cảnh chiều tàn hiu hắt.

... Trại giam. Đêm tối. Những giấc mơ. Nỗi ám ảnh bóng ma Hoàng Châu về báo oán khiến Long không đêm nào chợp mắt được. Mỗi tiếng động, mỗi âm thanh vọng lại từ xa nghe cứ như lời ai oán của những âm hồn xa khuất. Cậu bé sống cách biệt, lấm lì và mãi chấp chờn mộng mị với những lời độc thoại:

- Hoàng Châu! Tôi không thể ngờ cái gạt chân của mình lại gây ra hậu quả khủng khiếp như vậy. Bạn chết thật là tức tưởi... chắc hẳn phải oán hận tôi lắm. Phải chi bạn đừng đến nói với tôi những lời không hay ấy. Bây giờ thì bạn đã chết còn tôi lâm vào cảnh tù tội, sống vất vưởng tủi nhục...

- Hoàng Châu! Tôi phải làm sao đây? Tôi có thể chấp nhận mọi tủi nhục này bằng sự hối hận để làm lại cuộc đời? Hay buông trôi tất cả mặc cho dòng đời đưa đẩy. Dù sao thì tôi cũng chẳng còn tương lai...

- Long. Dậy. Dậy đi nào. Cậu bé.

Long choàng tỉnh, ngơ ngác nhìn quanh. Người quản giáo đứng bên ngoài song sắt nói vọng vào:

- Lại bị ác mộng à? Thôi ngồi dậy ra ngoài rửa mặt đi. Có người nhà đến thăm đấy.

Thật bất ngờ khi người đến thăm lại là một vị Sư cô. Long từng theo Hoàng Châu đến chùa Sư cô. Hoàng Châu bảo Sư cô là bạn học của mẹ Châu ngày trước. Chẳng hiểu người đến đây vì chuyện gì...

Vừa nhìn thấy Long, Sư cô vội lên tiếng:

- Sư cô đi thăm và ủy lạo trại giáo dưỡng thanh thiếu niên ở gần đây... sẵn đường nên ghé thăm con.

Người chăm chú nhìn một lúc rồi nói:

- Con ốm quá. Đau buồn, lo sợ, mất ăn mất ngủ...

Long òa khóc: - Con... cảm ơn Sư cô đã tới thăm. Con không xứng đáng được như vậy. Con phạm tội giết người... giết bạn học ngay trong sân trường... Con đã là tội phạm... không muốn gặp ai nữa... Chỉ có chết mới rửa sạch hết tội lỗi mà con gây ra... Con...

Sư cô nhẹ nhàng tiếp lời:

- Sư cô hiểu tâm trạng của con. Việc xảy ra quá bất ngờ. Nỗi đau quá lớn đến với gia đình Hoàng Châu, với thầy cô, bạn bè... và cả gia đình con. Oán giận, thương cảm, xót xa... Đó là cảm xúc của mọi người khi nghe tin và chứng kiến sự việc. Con vốn là đứa học trò giỏi, có hạnh kiểm tốt, chỉ vì rui ro mà gây ra tội nghiệp, phải vướng vòng lao lý... Sư cô biết con đã trải qua những ngày đau khổ dẫn vật. Cuộc sống tù đầy quả là khó khăn đối với lứa tuổi học trò. Nhưng con ạ! Tội lỗi trót gây thì phải nhận lấy hậu quả. Nhân quả trả vay, dù con có hủy hoại cuộc đời này thì vẫn không thể xóa hết được. Con phải sống, mạnh dạn vượt qua nỗi đau hiện tại, hướng đến tương lai với tâm niệm hối cải ăn năn những việc làm trong quá khứ. Mọi người dù ai chê trách ai xót thương, cuối cùng chỉ có nghị lực của chính mình mới giúp con đứng dậy làm lại cuộc đời sau lần vấp ngã.

Ánh mắt từ ái, lời nói thấu hiểu của Sư cô khiến Long thấy mình được trải lòng nhẹ nhõm. Cậu bé ngước mặt lên rồi nói một mạch những ý tưởng vừa vụt đến:

- Thưa... Sư cô... con thấy mình không còn cơ hội để làm lại cuộc đời. Cuộc đời con trong giây phút định mệnh ấy coi như chấm dứt. Chỉ vì con... mà Hoàng Châu phải sớm phải lìa bỏ cõi đời khi ước mơ tuổi hoa niên vẫn còn đó. Vì con... mà gia đình bạn ấy phải chịu cảnh tang thương mất mát. Sự oán trách thù hận chắc chắn không tránh khỏi. Con đã trở thành kẻ tội phạm giết người... là đứa con bất hiếu làm cho ba mẹ sầu khổ thất vọng không dám ngẩng mặt nhìn ai. Thấy cô chê trách. Bạn bè xa lánh. Tương lai còn gì nữa mà mong cầu ước vọng. Có ăn năn dẫn vật cũng là để trừng phạt mình... sớm chết dần mòn trong chốn lao ngục sâu thẳm. Số phận con đã như vậy rồi, còn mong mọi gì nữa...

- Con có thể oán trách sự nông nổi của mình, chứ không nên oán trách số phận. Gia đình Hoàng Châu đau đớn mất đứa con cũng không một lời oán trách số phận. Họ cũng không mang lòng thù hận con.

Nỗi đau còn đó. Lòng người tuy nhỏ hẹp song cũng không thiếu sự bao dung độ lượng đâu con ạ. Con dẫn vật đau khổ chỉ làm cho cuộc sống thêm nặng nề tăm tối. Phải bình tĩnh đối diện với thực tại. Đó là cách tốt nhất giúp con lấy lại niềm tin yêu đã đánh mất. Nếu con ý thức việc làm sai trái đã qua và tỏ rõ sự ăn năn hối cải thì phải cố gắng vượt qua. Con phải sống cuộc đời mới cho hôm nay, cho ngày mai bằng niềm tin và ý chí hướng thiện. Hoàng Châu dù yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng, cũng không muốn nhìn thấy tình cảnh đau buồn suy sụp của con như thế này đâu.

* * *

... Đêm đầu tiên trở về nhà, anh lại mất ngủ. Sợ ma, sợ bóng đêm, sợ những giấc chiêm bao và sợ cả khi đối diện với lòng mình. Những cảm giác ấy anh đã trải qua rồi. Thời gian làm lành vết thương cũ. Thời gian cũng cho anh những suy tư trải nghiệm sự đời sau bước lẫm lờ tuổi học trò.

Chị Hai bước ra sân, đến bên anh nói khẽ:

- Em không vào nhà ngủ. Ở ngoài này sương đêm và muối lấm.

- Em không ngủ được. Nằm đây tha hồ ngắm trăng thanh, hóng gió mát. Em muốn tận hưởng khung cảnh mà lâu rồi không được nhìn thấy.

- Em à! Hoàng Châu... được chôn cất và thờ trên chùa. Mai em lên thăm mộ cậu ấy đi. Gia đình Hoàng Châu làm đơn bãi nại để em được ra tù sớm. Họ hiểu đó là một tai nạn chứ không hề thù hận chúng ta. Họ thật rộng lượng...

Anh gạt đầu:

- Gia đình Hoàng Châu là Phật tử. Họ hiểu rõ nhân quả nghiệp báo. Thù hận chỉ làm cho người sống thêm vướng mắc đau khổ mà người chết thì không thể sống lại. Trong trại giam, thỉnh thoảng có quý thầy, quý sư cô đến giảng pháp và dạy tu thiền cho phạm nhân để giúp họ biết cách trị liệu nội tâm, rèn luyện thể chất. Nhờ vậy mà cuộc sống trong tù cũng dễ chịu hơn, tâm tánh mọi người trở nên thuần lương hiền hậu. Ai cũng cố gắng làm thay đổi mình. Ai cũng thích được sống chan hòa và chia sẻ với mọi người. Em học được nhiều điều từ những ngày ấy và cũng đã biết nở nụ cười bình thản chấp nhận lấy hoàn cảnh của mình.

- Em lên chùa... sẽ gặp cô Thơ - mẹ Hoàng Châu. Cô ấy phụ trách lớp giáo lý tại chùa, giảng dạy cho con em trong thôn xóm. Cô cũng hay đến các trung tâm bảo trợ để sinh hoạt và giúp đỡ trẻ em mồ côi khuyết tật. Cô làm tất cả với tâm nguyện hồi hướng cho đứa con đã mất và cũng mong muốn trau dồi đạo đức nhân cách cho thế hệ tuổi thơ. Một người mẹ hiền. Một người phụ nữ giàu tâm đạo và nghị lực. Người ta đã nói về cô như vậy.

* * *

Anh đặt nhẹ bó hoa tươi bên nắm mộ. Ngôi mộ nằm trên mô đất cao phía sau chùa, nổi bật bởi lối kiến trúc mang phong cách nghệ sĩ thời thượng. Những đêm trăng... Hoàng Châu chắc thích ra ngồi bên mộ phần nhìn ngắm công trình mà bạn bè người thân dành tặng cho mình.

- Con thấp nhang và khấn nguyện đi. Hoàng Châu biết con về chắc là vui lắm. Chắc hẳn nó cũng hiểu, chính nó cũng có phần lỗi...

Anh đỡ lấy nén nhang từ tay người mẹ. Lời nói dịu dàng, cử chỉ trân trọng của bà khiến lòng anh nhói buốt. Cố ngăn dòng lệ, anh nói, mắt nhìn vào bức ảnh nhỏ gắn nơi mộ bia:

- Con tới... thấp nhang cho Hoàng Châu. Gặp cô ở đây... con...

xin cô cho con được nói lời xin lỗi... Dù lời xin lỗi muộn màng chẳng còn ý nghĩa gì. Con biết... cô và Châu lúc nào cũng rộng lòng tha thứ...

- Thôi con ạ. Chuyện không ai muốn cũng xảy ra rồi. Số phận của Châu đã vậy. Có nói gì cũng đâu níu kéo lại được. Điều mà cô và mọi người mong muốn thấy con sớm trở về, làm lại cuộc đời sau những lỗi lầm. Là người biết hướng thiện, cô tin tưởng rồi con sẽ trở thành một con người tốt, biết tạo dựng cho mình một tương lai vững vàng lương thiện...

Bà cúi người cầm những bông hoa quanh mộ con:

- Cuộc đời đôi khi phải biết chấp nhận nỗi buồn nhiều hơn niềm vui. Nhưng cuộc sống thì luôn có những điều tốt đẹp để vươn tới. Thấy con trở về bình yên khỏe mạnh là cô vui rồi. Con có dự định gì cho tương lai chưa? Cô nghe nói con sắp đi làm xa.

- Dạ... Có người quen giới thiệu con vào làm bảo vệ cho một công ty ở thành phố. Vài hôm nữa con phải đi rồi.

Bà gật đầu: - Ừ! Vậy thì hay quá. Dù làm gì, ở đâu, con cố gắng vượt qua mặc cảm bản thân và sống cho thật tốt.

Anh đi quanh sân chùa. Một cảm giác bình yên lan tỏa. Đám học trò của cô Thơ đang bày các trò chơi thật vui nhộn. Dạy học cũng là cách để khuây khỏa. Cô nói vậy.

- Lớp học ở chùa chỉ để cho các em hợp mặt vui chơi sau một tuần lễ học tập căng thẳng ở trường. Ngoài phần giáo lý cơ bản, cô soạn thêm các bài giáo dục thường thức giúp các em nhận thức rõ về nhân cách và giá trị đạo đức làm người trong cuộc sống. Các em biết đi chùa, biết học Phật, cũng sẽ biết làm lành tránh dữ, biết trải lòng yêu thương san sẻ với người khác. Trước kia nhóm bạn của cô có ý tưởng thành lập lớp học giáo lý tại chùa dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên. Chỉ khi Hoàng Châu mất... cùng nhiều sự việc xảy ra ở nhà trường, bọn cô mới quyết tâm thực hiện và đang mở rộng ra nhiều nơi. Cô kỳ vọng vào sự tiếp nối của các con sau này...

Trước mắt anh đang hiện ra một giấc mơ có thật. Giấc mơ mang hình hài trái tim người mẹ. Anh thấy mình như vừa được tái sinh trở lại nơi cõi đời. Kề tái sinh mang nhiều nghiệp dĩ với món nợ ân tình sâu nặng mệnh mông. ■



Người thả chim thầm lặng

LÊ HUYNH LÂM

Ông ngồi tựa vào bức tường thành rêu phong, loang lổ những đám ẩm mốc làm hoen ố cả một mảng tường, mái tóc hoa râm phất phơ trong gió ban mai, da ông xạm màu của thời gian, lốm đốm những nốt nâu buồn, người ta thường gọi đó là da đồi mồi. Các cụ ngày xưa truyền miệng, những người trên sáu mươi tuổi xuất hiện da đồi mồi sẽ sống rất thọ.

Sáng nay tôi ghé quán cà phê vỉa đường bên sông thật tĩnh cỏi. Không gian như phủ nhẹ một lớp hơi nước thật mỏng, trời màu lam pha lẫn chút xanh nhạt loang ra như một vệt mực học trò thật buồn của một thời chưa xa. Màu lam chúng ta thường thấy ở những bếp lửa ngày xưa, đó là màu tro, lạnh ngắt. Cái gì cũng có hai mặt, bếp lửa cũng vậy; khi đỏ lửa thì ấm nóng, mời gọi mọi người quần tụ; khi lửa tắt thì lạnh lẽo, hoang tàn, vắng hoe.

Quán cà phê mỗi lúc một đông hơn, có thể đây là một trong những địa chỉ uống cà phê yên tĩnh và đẹp nhất thành phố. Chỉ cần ba ngàn đồng là có thể ngồi

ngắm cảnh sắc buổi sáng hoặc ngắm hoàng hôn trên sông giữa chiều phố mộng.

Câu chuyện của những vị khách cũng thật nhẹ nhàng, một vài chiếc bàn chỉ có một hoặc hai người, cũng có những nhóm chừng năm, bảy người ngồi đàn đúm trò chuyện đủ mọi thứ trên đời.

Tôi ngồi trong một góc nhà, khuất sau những tán lá xanh lục. Thỉnh thoảng mấy con chim sẻ đậu lên cây, chuyền cành kiếm thức ăn. Từ góc nhỏ tôi ngồi hướng tầm mắt ra xa phía dòng sông; lướt nhẹ trong lớp hơi nước là những cánh cò trắng lượn trên mặt sông, hoặc những con chim én bay một cách run rẩy dưới vòm trời cao xa.

Những chiếc lồng bịt bùng lưới, đóng đưa theo nhịp bước của những người phụ nữ chừng trên bốn mươi tuổi. Trong lồng có khoảng vài chục chú chim én, chim sẻ, có lồng chỉ toàn loài chim có màu hồng kim rất đẹp,...

Bây giờ, trên thành phố này không còn người vác súng săn bắn chim như những năm trước đây, nhưng

lại xuất hiện rất nhiều nghề mới.

- Có thể gọi những người bán chim phóng sanh là người làm nghề “khởi dậy lòng từ bi”. Một vị khách chợt cười nói.

Thật nực cười, khi chính những người không có lòng từ bi đối với loài chim lại đi mời người khác bán cho loài chim lòng từ bi.

Nhưng căn nguyên sâu xa không phải là những con người đó, có khi họ chỉ là những người làm thuê. Những vị khách uống cà phê hưởng câu chuyện sang chủ để thả chim và bàn tán sôi nổi.

- Thời nguy tắc sinh ra nghề nghịch tắc. Một ông khách mới vào đã choảng ngay câu. Ông ta, chậm rãi nói tiếp:

- Chỉ có thời này mới có nhiều loại tắc khắp từ nông thôn đến thành thị, từ núi rừng xuống sông biển, từ công sở đến trường học... Chung quy là khắp mọi nơi, mọi ngành. Từ tin tắc, hải tắc, lâm tắc, đình tắc, quan tắc, báo tắc...

Không khí của bàn cà phê đó bỗng im lặng một lúc.

Một vị cư sĩ được nhiều người biết cũng can dự vào năm ba câu rồi lắc đầu, như để xóa nhòa cái không khí nặng nề đang ngự trị, bằng giọng ôn tồn, ông nói như thuyết pháp:

- Đã là nghề, thì công việc nào cũng có lý do tồn tại, chỉ có những con người làm nghề đó với tâm xấu mới đáng để xã hội lên án, trừng phạt. Cũng như Phật pháp không mạt, chỉ có lòng người mạt.

Mọi người chăm chú lắng nghe.

Vị cư sĩ tiếp:

- Do thời đại tôn sùng vật chất đã làm hỏng tất cả. Mà tắc khó trị nhất là tham tắc. Chỉ tiếc rằng không mấy ai hành động, chỉ toàn người nói. Đã vậy, lại còn nói không đúng sự thật, nói sai.

Ông nhìn vào khoảng không như ngộ ra điều gì rồi mỉm cười.

Mây trắng từ phía bên kia bờ sông đang tạo hình, bất chợt những đám mây tụ lại trước tầm nhìn của tôi khiến tôi ngỡ những đám mây ấy dành riêng cho mình. Tôi chưa kịp nhận dạng xem những đám mây kia đang tạo nên hình dáng gì thì bất chợt có người ngồi bên cạnh buột miệng:

- Mây thật đẹp, cứ như hình dáng một tòa nhà nguy nga.

Cậu bé con, hình như là con của cặp vợ chồng ngồi bên bên mà ông chồng vừa cất tiếng đó lại la to rất hỗn nhiên:

- Hình chiếc xe ô tô.

Câu chuyện về đám mây tưởng chừng chỉ trong phạm vi hẹp, nào ngờ lan ra khắp quán cà phê, người nói thế này, người bảo thế kia. Khi thì con rồng, khi thì chim ưng, người bảo đó là hình ảnh của Phật bà,... còn hai người phụ nữ bán chim, tay xách hai chiếc lồng nhìn nhau, một người lên tiếng:

- Thế này thì loài chim sẽ di cư đi nơi khác, chúng ta sẽ không còn chim để mà bán.

Vị cư sĩ chậm rãi từng chữ:

- Tâm chúng ta thế nào thì đám mây kia hiện ra thế đó.

Bấy giờ, tôi nhìn thấy mây chuyển động theo quy luật của gió mà gió lại vô hình vô ảnh. Chợt đám mây tan biến lúc nào không ai hay.

Một tiếng gọi nhỏ nhưng vừa đủ để hai người bán chim nghe. Hai chiếc lồng chuyển động cùng bốn bàn chân tiến về phía người đàn ông tóc hoa râm. Ông ta nói vài lời ngắn gọn, rồi đưa cho hai người bán chim bao nhiêu tiền không ai biết. Chỉ thấy hai người bán chim tiến ra phía bờ sông với nụ cười thật tươi, rồi trong ánh mắt tràn đầy hạnh phúc, cái nắm tay nhẹ nhàng đang đưa từng con chim ra khỏi cửa lồng. Những chú chim vỗ cánh bay về phía bờ bên kia, từng con, từng con một. Có những con lảo đảo đôi cánh giữa dòng sông. Mọi người đều theo dõi hai người thả chim và những con chim. Có tiếng xuýt xoa khi thấy một con chim màu hồng kim như đang rơi xuống mặt nước, nhưng ngay sau đó nó đã gượng dậy bay lên một ngọn cây để nghỉ lấy sức.

Chắc là những con chim này mới bị sập bẫy sáng sớm nay, nên còn sức lực để trở lại cuộc tồn sinh giữa thiên nhiên. Tôi đoán vậy.

- Một vòng luân quần. Một người đàn ông ra vẻ hiểu biết, phán.

- Cứ bắt bán, cứ thả, đều tốt cho mọi người. Người đàn ông khác có gương mặt trải đời lên giọng.

Chỉ tội cho loài chim. Tội cho cánh đồng của người nông dân đã nghèo khó, phải đối diện thêm với dịch sâu bọ, rồi lại tốn thêm tiền mua thuốc trừ sâu, ảnh hưởng đến thực phẩm, môi trường. Do chim sẽ chết một phần, phần bỏ đi nơi khác, không còn chim để bắt sâu bọ trên những cánh đồng. Đất không lành thì chim không đậu.

Nếu mỗi lần thả, con người nên ghi một dấu vào thân con chim. Biết đâu trong tương lai không xa, chúng ta sẽ gặp lại con chim đó trong những lần thả tiếp theo. Chúng ta có quyền tin rằng con chim đó tình nguyện cho con người bắt và thả. Tôi thầm ước một điều thật đơn giản là được thấy hình ảnh thả chim từ bàn tay của những người có chức quyền.

Một vị khách như hiểu được ý nghĩ của tôi liền nói:

- Chỉ cần các vị kia ra một sắc lệnh cấm săn bắt chim, vùng đất này sẽ rộn tiếng chim líu lo và yên bình.

Tôi mãi mê nhìn những con chim tung cánh tự do giữa nền trời, chợt nhìn lại không thấy người đàn ông tóc hoa râm đâu nữa.

Không biết những con chim kia là Bồ-tát hay người đàn ông tóc hoa râm là hóa thân của một Bồ-tát. Chỉ biết rằng ý trong kinh điển Phật giáo: Bồ-tát là những vị thực hành Phật pháp và cứu độ chúng sanh. ■



Mười năm qua bắc Cần Thơ

THẢO VY

1. Ấn tượng đầu tiên của tôi về bắc Bình Minh có được cách đây đã 20 năm. Từ cầu Đường Chùa ở Vĩnh Long, tôi ngồi ăn tô hủ tiếu sợi dai đặc biệt của miền Tây và nhìn con đường thiên lý xa vời vợi. Có người chỉ tay về hướng Nam và nói rằng "đi một hồi sẽ tới bắc Bình Minh". Bấy giờ chữ "bắc" đối với tôi nghe rất lạ lẫm. Nhưng ngay sau đó, tôi nghe mấy người trong quán ăn tranh luận về nguồn gốc của chữ "bắc". Tôi nghe loáng thoáng rằng chữ "bắc" ở đây không phải là chữ "bắc" trong phương Bắc, cũng chẳng liên quan gì đến câu ca dao "muốn sang thì bắc cầu Kiều" hay câu tục ngữ "bắc thang lên hỏi ông trời". Có người cho rằng chữ "bắc" xuất phát từ danh từ "bac" của tiếng Pháp chỉ cho phà hay đò ngang.

2. Nói theo kiểu dân dã thì cái "bắc" qua sông Hậu có tới hai tên. Từ Sài Gòn đi, sắp tới sông Hậu, người ta thường nói là sắp tới bắc Bình Minh. Có lẽ vì huyện Bình Minh là bờ bên đây của sông Hậu. Nếu từ Cần Thơ sang sông, mọi người thường hay nói là qua bắc

Cần Thơ. Với cách gọi này thì "bắc" lại chẳng phải là phà hay đò ngang gì cả mà nó chỉ cho bờ của bên phà. Bên phà là nơi bán nhiều thứ. Có nhiều khách xe đò chờ đến bắc để mua... bắp luộc ngon nhất miền Tây. Bên bờ Vĩnh Long có bán bánh pía, bánh phồng sữa... tạo thành một khu chợ nhỏ tập nập.

3. Mãi tới mười năm sau tôi mới thường đi về Sài Gòn – Cần Thơ. Sinh viên hồi đó thường nói vui: "học đại học chỉ cần qua phà". Qua phà có nghĩa là không rớt môn học. Tất nhiên, qua được "phà" thì mừng. Điều đó cũng bao gồm luôn kinh nghiệm "qua phà" là qua một cái gì đó không được dễ chịu cho lắm. Nghe nói hồi năm 1929, đi xe đò từ Sài Gòn về tới Cần Thơ phải mất chừng năm tiếng đồng hồ. Mấy chục năm sau, hình như người ta vẫn chưa rút ngắn được thời gian cho hành trình đó. Chẳng những thế, nghe nói có lúc hành khách đi từ Sài Gòn xuống Cần Thơ còn mất nhiều giờ giấc hơn. Gần đây, có lúc các xe chạy đường dài bị "bắt tốc độ" hơi nhiều,



một chuyến đi từ Sài Gòn đến bắc Cần Thơ kéo dài khoảng bốn tiếng. Tới năm 2000, khi tôi qua bắc Cần Thơ lần đầu, xe cũng chạy trong vòng bốn tiếng. Hồi gần thông cầu Cần Thơ, nghe nói ngày 11/02/10 ở phía Bình Minh kẹt phà dài hàng tám cây số. Chạy bốn tiếng tới phà còn phải chờ thêm mấy tiếng để qua phà. Thật là đi còn lâu hơn chuyến xe đò năm 1929. Vậy thì học để “qua phà” cũng không phải dễ dàng gì.

4. Một đêm cuối tháng 3-2010, tôi lang thang lúc đang ở bến Ninh Kiều. Quá 10 giờ tôi bỗng phát hiện ra một chiếc xe lôi đậu ngay trước chợ Cần Thơ. Mười năm trước, xe lôi chạy rất nhiều. Ngày nay, sau việc cấm các xe thô sơ chạy trong thành phố, đến Cần Thơ chẳng mấy khi người ta còn thấy được chiếc xe lôi. Năm 2000, con đường 30-4 đi qua trước Khu 1 Đại học Cần Thơ vẫn là con đường nhỏ hẹp, chỉ đủ cho hai xe đò tránh nhau. Con đường này nối từ trung tâm thành phố cho đến cầu Đẩu Sáu, hai bên cây cối vẫn còn um tùm. Lúc đó chưa có con đường Trần Văn Hoài sầm uất các quán nhậu như ngày nay. Các quán cà phê “cóc” vào năm 2000 chỉ 200 đồng một ly. Sau dần lên đến 500 đồng một ly rồi 1.500 đồng, 2.000 đồng. Sau 10 năm, giá ly cà phê “cóc” là 2.500 đồng một ly. Nghĩa là tăng gấp hơn 12 lần.

5. Trước chợ Cần Thơ, bạn có thể gặp một quán ăn bán mì spaghetti. Khung cảnh làm người ta có thể tưởng tượng đến khu phố cổ nhỏ hẹp của thành phố Malacca ở Mã Lai. Vào năm 2000, quán Tô Châu còn là một quán ăn nổi tiếng. Ăn món mắm ở quán Dạ Lý, một mâm rau đầy tràn chưa thấy ở Sài Gòn. Có đủ các loại rau, từ rau muống, rau cải, điên điển, so đũa, bông lục bình,... Đến về sau, nhiều quán ăn mới mọc lên liên tục. Các quán nhậu cũng nhiều.

6. Ngày 24-4-10, cầu Cần Thơ được khánh thành. Các trường đại học được mở ra gần cầu Cần Thơ. Phía Cái Răng có Đại học Tây Đô, Đại học Võ Trường Toản. Phía Bình Minh nghe đồn rằng sẽ có Đại học Bình Minh. Tôi mong ước được thấy Cần Thơ là một thủ phủ về giáo dục ở miền Tây, một thành phố đầy các trường phổ thông, đại học. Bước ra đường là đụng... sinh viên.

7. Theo một dự kiến, năm 2020 Việt Nam sẽ có 20.000 tiến sĩ. Chuyện không dễ dàng như vậy. Mười năm qua bắc Cần Thơ, bao nhiêu người nhận bằng tiến sĩ ngành mà tôi biết? Một anh bạn mở đào tạo cao học ngành X., tôi thắc mắc: “anh làm sao có đủ năm tiến sĩ cơ hữu cùng ngành để mở”. Anh liệt kê cho tôi: “Khoa Y. có hai tiến sĩ, khoa Z. có hai tiến sĩ, khoa T. có một tiến sĩ, tôi cũng gom đủ người chớ bộ”. Mười năm qua bắc Cần Thơ, tôi đã thấy đào tạo nhân lực trình độ cao khó như thế nào.

8. Cầu Cần Thơ khánh thành, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đi chuyến phà cuối cùng ngày 24-04-10. Biết bao nhiêu người đã gắn bó với những chuyến phà qua lại trong suốt một trăm năm. Nhiều người sống nhờ hoạt động của bến phà. Qua lại phà suốt mười năm, nay phà ngừng hoạt động, lòng tôi cũng thấy buồn buồn. Ngày 18-04, xuống phà, tôi chợt nhận ra mình đang đi một chuyến phà trong tuần lễ hoạt động cuối cùng. Bỗng nhớ lại một bài hát của nhạc sĩ họ Trịnh:

*Mười năm xưa đứng bên bờ giậu
Đường xanh hoa muối bay rì rào
Có người lòng như khăn mới thêu
Mười năm sau áo bay đường chiều
Bàn chân trong phố xa lạ nhiều
Có người lòng như nắng qua đèo. ■*

Lời cảm ơn cuộc sống

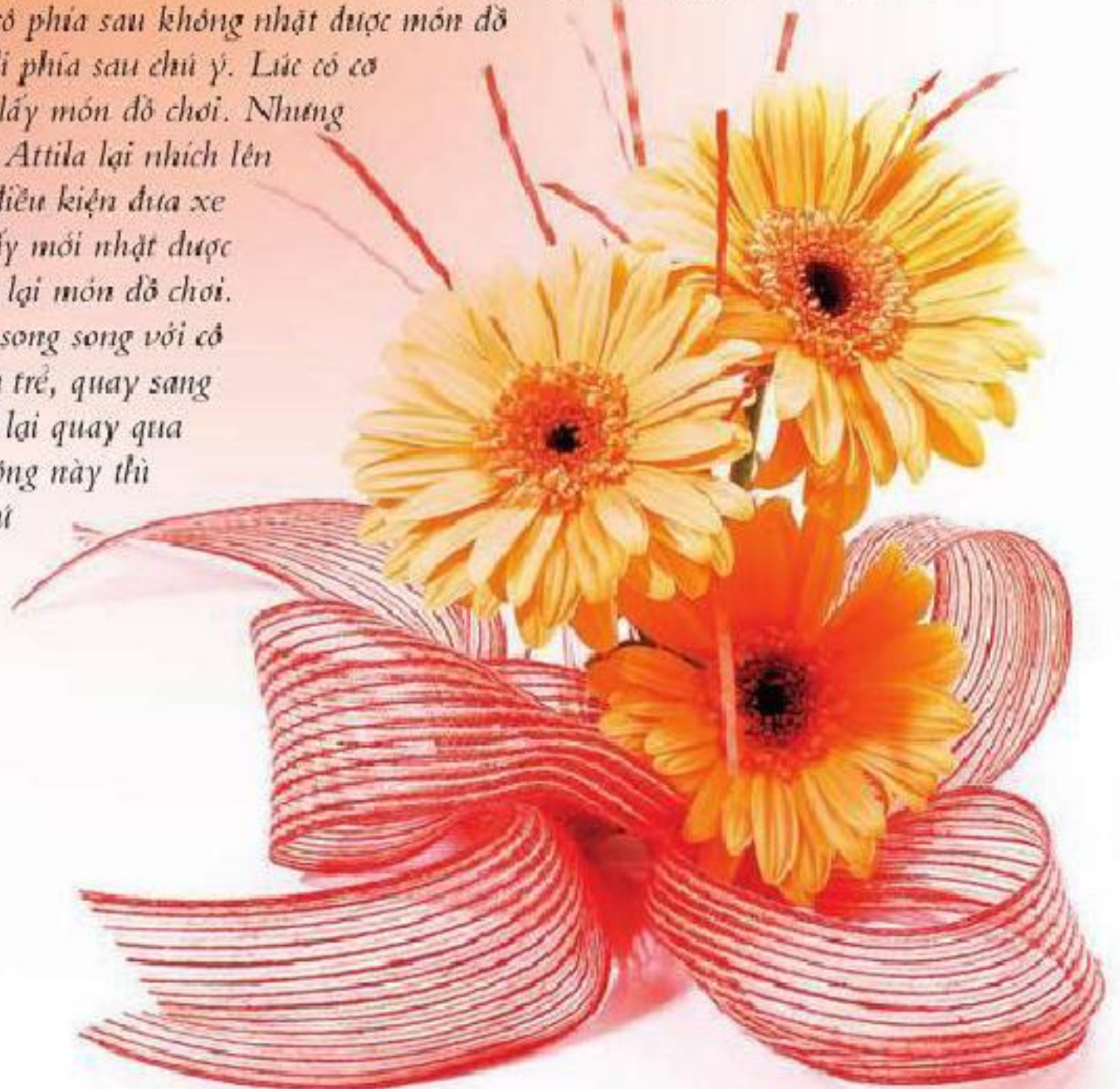
Mùa Phật đản năm nay, anh em cựu học sinh Phật tử nhân tôi về chùa Hội Sơn ở quận 9, TP.HCM dự họp mặt. Xuống Sài Gòn, tôi đến ở nhà con trai trong quận Bình Thạnh. Châu giao cho tôi một chiếc xe gắn máy cũ để đi lại. Vào ngày họp mặt, tôi đến với những người bạn thời hoa niên, nhiều người vài chục năm chưa gặp nhau. Hân huyên, ăn uống... mãi đến tận 4 giờ chiều mới chia tay. Tôi 'một mình một ngựa' thong dong đi dạo, định ra đến quận Thủ Đức. Khu vực này bây giờ lạ quá, tôi cứ đi và đi... Đến gần 7 giờ tối, tôi còn lang thang trên đường Lê Văn Việt. Bỗng dưng 'con ngựa sắt có máy' mà tôi đang cưỡi kêu lụp bụp rồi tắt máy. Xem lại bình xăng thì xăng vẫn còn nhiều. Nhìn hai bên đường chỉ thấy quán ăn và cửa hàng tạp hóa, tôi ngán ngẩm. Càng may, dẫu xe đi một quãng, tôi gặp một tiệm sửa xe. Người thợ, chủ quán ngoài hai mươi tuổi và có lẽ cũng là chủ tiệm, đang loay hoay dọn dẹp dụng cụ. Đẩy xe vào tiệm, tôi vội nói rằng xe tôi đang chạy thì tắt máy, nhờ chú em xem. Người thợ ngăn ngụt một lát nhưng rồi cũng bằng lòng sửa xe giúp tôi. Chú ta thử tôi thử lui một hồi, quay lại cười nói với tôi rằng xe của bác không hư gì cả, chỉ bị xăng có cặn. Sau đó, bằng vài động tác thành thạo, chú làm cho máy xe nổ ròn tan trong sự mừng rỡ của tôi. Tôi hỏi trả tiền, chú thợ nói cho xin năm ngàn. Tôi cười bảo năm ngàn ít quá, để tôi trả luôn mười ngàn. Thế nhưng khi tôi lấy ví ra thì trong ví chỉ còn một tờ 500.000 đồng và một tờ 100 đô la phòng hờ. Tôi không còn một đồng tiền lẻ nào cả. Chủ thợ thấy vậy vui vẻ bảo, cháu không có tiền thôi cho bác đâu, coi như cháu giúp bác vậy. Tôi đành nói lời cảm ơn rồi lên xe chạy về. Sáng hôm sau tôi đã quay lên Đà Lạt.

Tôi viết những dòng này gửi đến Văn Hóa Phật Giáo để chia sẻ về một kinh nghiệm đầy tình người. Trong lúc thông tin về các dịch vụ 'chặt chém' nhan nhản trên mọi phương tiện truyền thông, cách xử sự nhân ái của chủ thợ sửa xe ít tuổi trên đường Lê Văn Việt quận Thủ Đức đủ làm ấm lòng người ở xa về thành phố.

Trần Châu Giang, tỉnh Lâm Đồng.

Chiều thứ Ba tuần rồi, nhờ bạn thương cho em quá giang lượt về bỗng dưng nghỉ học, em phải gọi điện thoại nhờ má tới đón. Hai má con về theo đường qua cầu Kiệu. Hai cái lò cốt nằm chênh lênh giữa đường khiến xe cộ nhích từng bước một. Trước xe má con em, có một cô đi chiếc Attila chở theo một em bé chừng hai ba tuổi. Cô đại bẻ vào lòng, hai tay bé ôm eo mẹ vòng ra phía sau lưng. Trên một tay, bé cầm một món đồ chơi. Được một lát, bé ngủ gục, món đồ chơi của bé rơi xuống yên xe nằm rung rung phía sau lưng mẹ. Có một cô khác đi ngay sau xe đó thấy vậy định với tay nhặt lấy món đồ chơi kéo nó rơi xuống đất. Ngay lúc đó, phía trước trống, chiếc Attila vượt lên một chút thành ra cô phía sau không nhặt được món đồ chơi. Động tác ấy làm một cô nữa cũng đang đi phía sau chủ ý. Lúc có cơ hội, cô này chạy xe sát vào chiếc Attila để với lấy món đồ chơi. Nhưng một lần nữa, ngay khi cô vươn tay ra thì chiếc Attila lại nhích lên được một chút. Phải đến lúc một cô thứ ba có điều kiện đưa xe của mình lên song song với chiếc Attila thì cô ấy mới nhặt được món đồ chơi và kịp thời kêu cô có con để giao lại món đồ chơi. Cùng lúc ấy, xe của má con em cũng vượt lên song song với cô đi xe Attila. Cô ấy nhận món đồ chơi của đứa trẻ, quay sang cười với người giao cho mình với vẻ cảm ơn rồi lại quay qua nói với má em, "May quá, mắt con để nhờ ông này thì thằng bé làm mình làm mẩy mấy ngày liền chứ chẳng chơi". Em thấy gương mặt của mấy người quan tâm tới món đồ chơi của đứa bé đều rạng rỡ. Tự nhiên, em thấy lòng mình vui vui. Rõ ràng mấy người ấy đều đang khổ sở vì kẹt xe mà vẫn nghĩ tới việc đứa bé có thể giận dỗi vì mất món đồ chơi và cố tìm cách giúp bé. Má em bảo em hãy kể lại chuyện này để thay cho một lời cảm ơn cuộc sống.

Phạm Quỳnh Dung, TP. HCM.



Canh bí đao

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Bí đao còn gọi là bí xanh, bí phần hoặc đông qua. Quả và vỏ quả có vị ngọt, tính lạnh. Món canh bí đao này có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, trừ thấp, giảm mỡ, hạ huyết áp... Đặc biệt trong mùa hè dùng món canh này trừ được rôm sảy, ngứa trúng nắng.

Nguyên liệu:

Bí đao non: 1 quả
Đậu xanh (không vỏ): 100gr
Đậu hũ: 1 bìa
Nấm rơm tươi: 100gr
Thân boa-rô: 1 khúc
Ngò: vài nhánh
Gia vị: muối, tiêu xay, đường, nước tương

Cách làm:

Đậu xanh không vỏ: ngâm

mềm, xay nhuyễn

Đậu hũ: bóp nhỏ, vắt thật ráo

Nấm rơm: ngâm nước muối một lúc, gọt chân rửa sạch

Bí đao: gọt vỏ, cắt khúc xẻ bỏ ruột.

Trộn chung đậu hũ, đậu xanh, boa-rô băm nhuyễn với muối, tiêu, nước tương, đường vừa ăn. Nhét hỗn hợp này vào các khoang bí đao.

Cho nước đủ dùng vào nồi sành hoặc nồi đất, nấu sôi. Tiếp, thả nấm và bỏ các khoang bí này vào, đun nắp hãm với lửa nhỏ. Hầm đến khi bí đao chín

mềm là được. Nêm nếm lại, múc ra tô, trang trí cọng ngò lên mặt.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®
Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372
92/31 Trần Mai Ninh - P.12 - Q. Tân Bình ĐT: 6270 0618 (chị Huyền)





MANI MEDIA®
Thế giới Phật giáo

Call: 39 97 97 88

www.manimedia.vn

Chuyên thực hiện :

- DVD, VCD các buổi thuyết giảng của chư tôn đức Giảng Sư tại các tự viện.
- DVD, VCD các sự kiện Phật giáo.
- DVD, VCD, CD ca nhạc Phật giáo.
- Karaoke Phật giáo.
- Phim truyện, phim hoạt hình Phật giáo.
- Chụp ảnh theo yêu cầu.
- Tổ chức sự kiện, chương trình văn nghệ Phật giáo.
- Thiết kế dàn dựng sân khấu và lễ đài.

Tuyển

nhân viên thiết kế đồ họa 3D
làm phim hoạt hình Phật giáo.

VP: CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phổ Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM
Email: manimedia38@gmail.com - manimedia38@yahoo.com
Mobile: 0949.800.179 - 0933.38.62.38

SIÊU THỊ

PHÁP HOA

www.sieuthiphatgiao.vn



Call: 3845 1828

Thực phẩm chay, hoa tươi trái cây, đồ thờ cúng, tranh tượng, pháp khí, pháp phục, tặng phẩm, nhu yếu phẩm, ấn phẩm Phật giáo, kinh sách, băng đĩa, chuỗi hạt...

Nhận ký gửi các mặt hàng
từ các tự viện trong nước

CHÙA PHỔ QUANG 64/3 Phổ Quang, P.2,
Q.Tân Bình, TP.HCM

Shop

HOA ƯU DÃM

Call: 399 77 200

Email: sieuthiphatgiao@yahoo.com

Dịch vụ cắm hoa và trang trí trái cây nghệ thuật.

Dịch vụ điện hoa toàn quốc



PHẬT NGỌC



PHẬT NGỌC

Buddha Jade Co., Ltd

Phát hành sỉ và lẻ:

Văn Hóa Phẩm Phật Giáo

đặc biệt hàng Mật Tông



Tel: 3517 2828

www.phatngoc.vn

40 Cù Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
(đối diện Quan Âm Tu Viện)

KHAI TRƯỞNG

CHI NHÁNH PHÁT HÀNH

VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

ĐỐI DIỆN

VIỆT NAM QUỐC TỰ

NGÀY 5/6/2010 (23/04 ÂL)

TẠI

711 LÊ HỒNG PHONG, Q.10, TP.HCM

Tel: 397 97 168 - 0933 388 668

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.BT, TP.HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-351 08212
Email: vietartsupply@gmail.com

QUÁN CHAY

pháp uyển

ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579

KÍNH MỜI ĐỘC GIẢ ĐẶT VĂN HÓA PHẬT GIÁO NĂM 2010

12 số đầu năm: 190.000đ / 12 số cuối năm: 190.000đ

Trọn năm: 380.000đ

(đã giảm 5% và đã bao gồm cước phí chuyển báo trong nước)

Quý độc giả có nhu cầu xin liên lạc với phòng phát hành:

tại tòa soạn 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM

ĐT: (08) 38484335

—SÁCH PHÁT HÀNH—

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

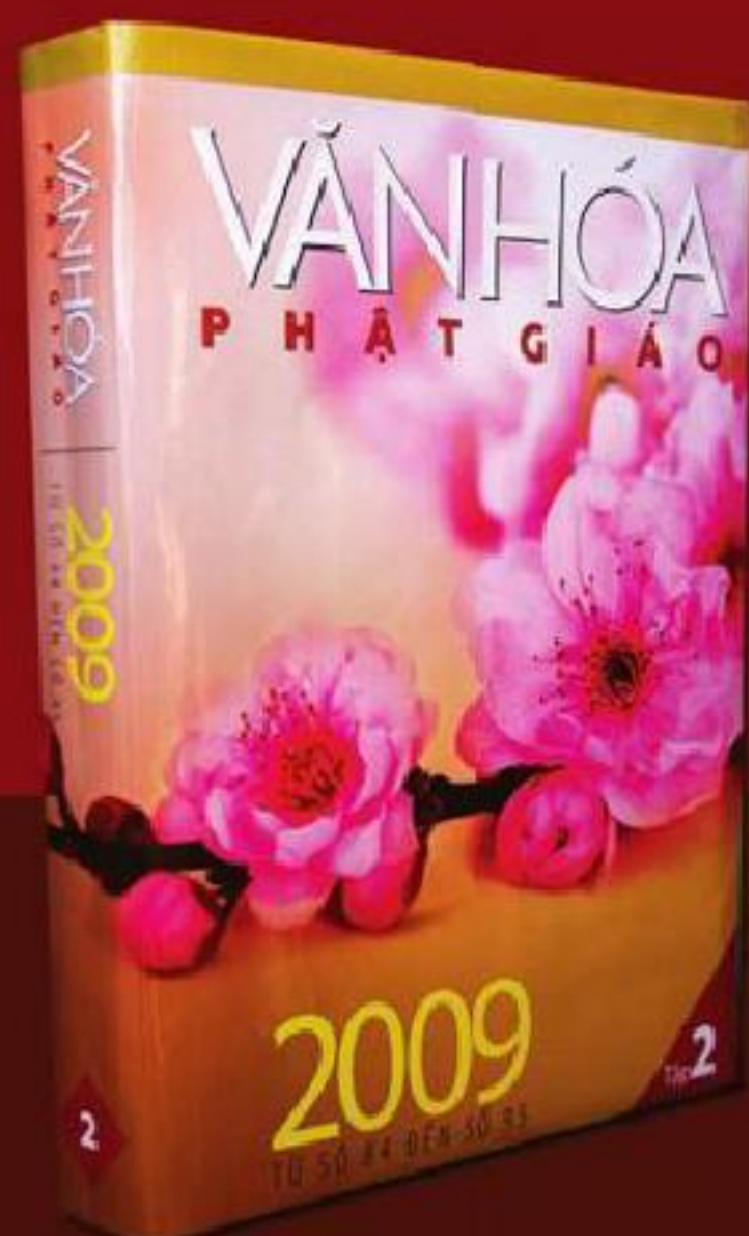
Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

Mobile: 0918 032 040

Email: vietartsupply@gmail.com

Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009

(từ số 84 đến 95)

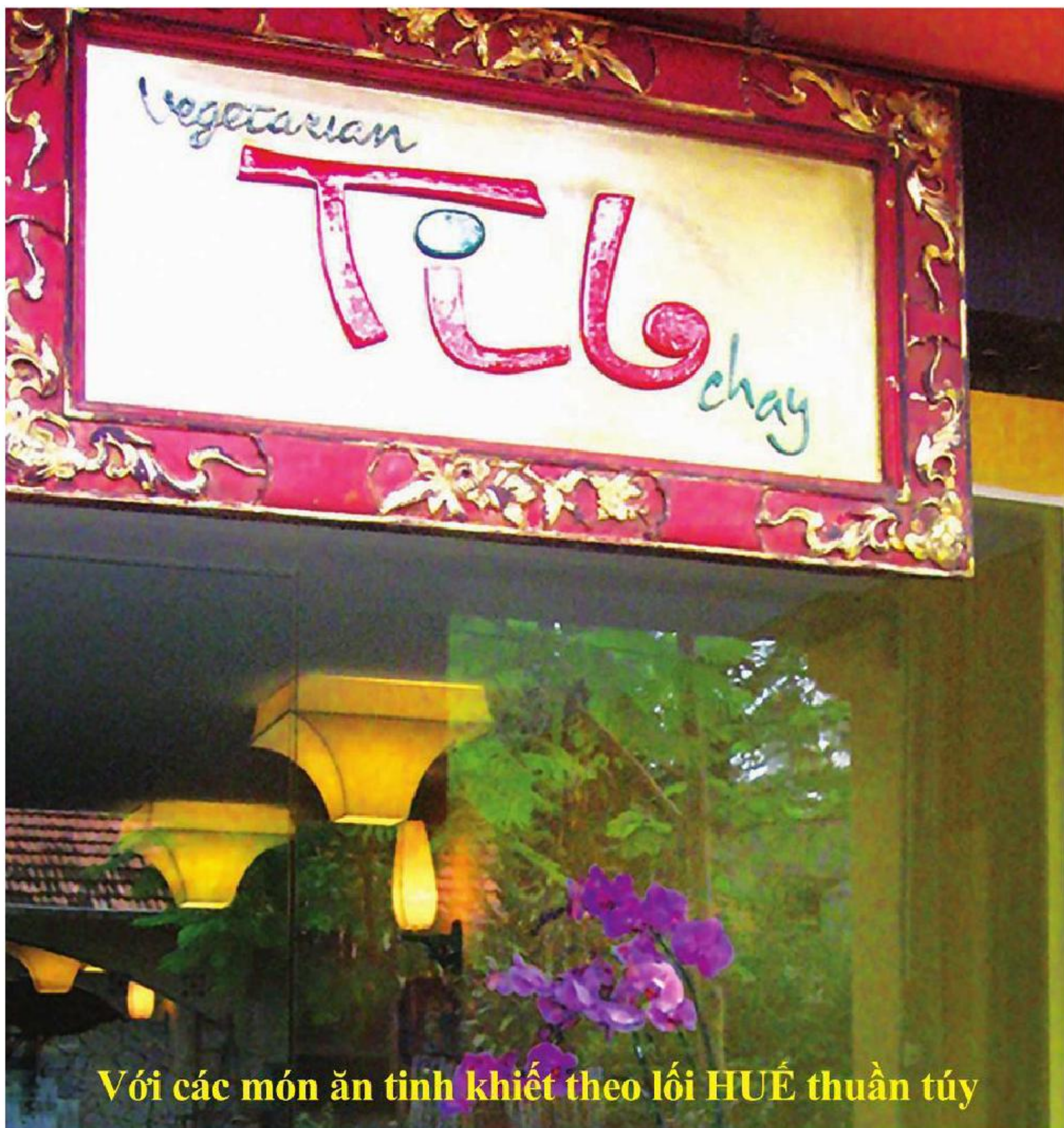


Đang phát hành

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576



Với các món ăn tinh khiết theo lối HUẾ thuần túy

Tib
Nhà hàng Chay

Địa chỉ:

- 11 TRẦN NHẬT DUẬT, P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM
ĐT: 3843 6460 - Fax: 3827 9309
- 162 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P. 6, Q. 3, TP. HCM
ĐT: 3822 5038 - Fax: 3827 9309
Email: info@tibrestaurant.com

Trân trọng kính mời

Đón đọc

VĂN HÓA P HẬT GIÁO

Số 108

Phát hành ngày 1 - 7 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 Khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG